

**ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM**

ĐINH HỒNG ĐĂNG

**QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG KIỂM ĐỊNH
CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC TRƯỜNG MẦM NON
CỦA TỈNH BẮC KẠN**

LUẬN VĂN THẠC SĨ KHOA HỌC GIÁO DỤC

THÁI NGUYÊN - 2016

**ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM**

ĐINH HỒNG ĐĂNG

**QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG KIỂM ĐỊNH
CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC TRƯỜNG MẦM NON
CỦA TỈNH BẮC KẠN**

**Chuyên ngành: Quản lý giáo dục
Mã ngành: 60.14.01.14**

LUẬN VĂN THẠC SĨ KHOA HỌC GIÁO DỤC

Người hướng dẫn khoa học : TS. HÀ THỊ KIM LINH

THÁI NGUYÊN - 2016

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan đây là công trình nghiên cứu của riêng tôi, các kết quả nghiên cứu là trung thực và chưa được công bố trong bất kỳ công trình nào khác.

Thái Nguyên, ngày 11 tháng 7 năm 2016

Tác giả

Đình Hồng Đăng

LỜI CẢM ƠN

Với lòng kính trọng sâu sắc và tình cảm chân thành, tác giả trân trọng cảm ơn: Phòng Đào tạo, khoa Tâm lý Giáo dục trường Đại học Sư phạm - Đại học Thái Nguyên cùng các nhà khoa học, các thầy cô giáo đã trực tiếp giảng dạy, góp ý, chỉ bảo, tạo điều kiện thuận lợi cho tác giả trong suốt quá trình học tập, nghiên cứu và hoàn thành luận văn.

Các đồng chí lãnh đạo, chuyên viên Sở GD&ĐT Bắc Kạn, các đồng chí cán bộ quản lý của phòng GD&ĐT, trường Mầm non các huyện, thành phố và bạn bè đồng nghiệp đã tạo điều kiện, cung cấp thông tin, tư liệu giúp đỡ tác giả trong suốt quá trình thực hiện đề tài.

Đặc biệt tác giả xin bày tỏ lòng kính trọng và biết ơn sâu sắc đối với TS. Hà Thị Kim Linh, người đã tận tình hướng dẫn, chỉ bảo, động viên tác giả nghiên cứu và hoàn thành luận văn.

Những người thân trong gia đình và bạn bè thường xuyên động viên tác giả học tập, nghiên cứu.

Mặc dù đã có nhiều cố gắng, nhưng bản luận văn này chắc chắn vẫn còn nhiều thiếu sót, tác giả rất mong nhận được ý kiến đóng góp của các thầy cô giáo, các nhà khoa học và các bạn đồng nghiệp để luận văn được hoàn thiện hơn.

Thái Nguyên, ngày 11 tháng 7 năm 2016

Tác giả

Đình Hồng Đăng

MỤC LỤC

LỜI CAM ĐOAN.....	i
LỜI CẢM ƠN	ii
MỤC LỤC.....	iii
DANH MỤC CÁC BẢNG	v
DANH MỤC CÁC SƠ ĐỒ.....	vi
PHẦN MỞ ĐẦU	1
1. Lý do chọn đề tài	1
2. Mục đích nghiên cứu	3
3. Khách thể và đối tượng nghiên cứu.....	3
4. Giả thuyết khoa học	4
5. Nhiệm vụ nghiên cứu.....	4
6. Giới hạn phạm vi nghiên cứu của đề tài	4
7. Phương pháp nghiên cứu	4
8. Cấu trúc luận văn.....	5
Chương 1. CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC TRƯỜNG MẦM NON	6
1.1. Vài nét về lịch sử nghiên cứu vấn đề.....	6
1.1.1. Những nghiên cứu trên thế giới.....	6
1.1.2. Những nghiên cứu trong nước.....	8
1.2. Các khái niệm cơ bản.....	9
1.2.1. Chất lượng, chất lượng giáo dục, chất lượng giáo dục trường mầm non, đảm bảo chất lượng.....	9
1.2.2. Kiểm định, kiểm định chất lượng giáo dục, kiểm định chất lượng giáo dục trường mầm non	12
1.2.3. Quản lý, quản lý giáo dục, quản lý chất lượng giáo dục	15
1.2.4. Quản lý kiểm định chất lượng giáo dục trường mầm non.....	19
1.3. Một số vấn đề về kiểm định chất lượng giáo dục trường mầm non	20
1.3.1. Trường mầm non trong hệ thống giáo dục quốc dân	20
1.3.2. Cơ sở pháp lý về kiểm định chất lượng giáo dục trường MN	22
1.3.3. Mục đích và nguyên tắc kiểm định chất lượng giáo dục trường mầm non ...	25
1.3.4. Quy trình và chu kỳ KĐCLGD trường mầm non	27

1.3.5. Tiêu chuẩn, tiêu chí, chỉ số trong đánh giá chất lượng trường mầm non.....	31
1.3.6. Tiêu chuẩn đánh giá chất lượng trường mầm non của Bộ Giáo dục và Đào tạo	32
1.3.7. Kiểm định viên	33
1.4. Quản lý kiểm định CLGD của các trường mầm non	34
1.4.1. Phân cấp quản lý giáo dục.....	34
1.4.2. Phân cấp quản lý và nội dung quản lý kiểm định chất lượng giáo dục trường mầm non	35
1.4.3. Chức năng quản lý kiểm định chất lượng giáo dục trường MN	37
1.4.4. Lập kế hoạch tự đánh giá và đánh giá ngoài trường mầm non.....	38
1.4.5. Tổ chức thực hiện tự đánh giá và đánh giá ngoài trường mầm non	39
1.4.6. Chỉ đạo thực hiện hoạt động tự đánh giá và đánh giá ngoài trường mầm non.....	40
1.4.7. Kiểm tra, đánh giá hoạt động tự đánh giá và đánh giá ngoài trường mầm non.....	40
1.5. Các lực lượng tham gia quản lý hoạt động KĐCLGD trường mầm non ...	42
1.5.1. Trường mầm non	42
1.5.2. Phòng Giáo dục và Đào tạo.....	42
1.5.3. Phòng Khảo thí và Quản lý chất lượng giáo dục	42
1.6. Các yếu tố ảnh hưởng đến quản lý hoạt động kiểm định chất lượng giáo dục trường MN.....	43
1.6.1. Chương trình giáo dục trường mầm non.....	43
1.6.2. Nghị quyết 29 của Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa XI về đổi mới căn bản toàn diện giáo dục.....	44
1.6.3. Năng lực của đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên tại các trường mầm non	45
Kết luận chương 1	46
Chương 2. THỰC TRẠNG QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC TRƯỜNG MẦM NON CỦA TỈNH BẮC KẠN	47
2.1. Khái quát về GD&ĐT tỉnh Bắc Kạn	47
2.1.1. Khái quát về đặc điểm kinh tế - xã hội tỉnh Bắc Kạn.....	47
2.1.2. Số liệu phát triển giáo dục MN tỉnh Bắc Kạn	49
2.2. Thực trạng về kiểm định chất lượng giáo dục các trường mầm non tỉnh Bắc Kạn.....	52

2.2.1. Thực trạng hoạt động tự đánh giá trường MN theo tiêu chuẩn kiểm định chất lượng giáo dục.....	52
2.2.2. Thực trạng hoạt động đánh giá ngoài trường MN theo tiêu chuẩn.....	57
2.3. Thực trạng quản lý KĐCLGD trường mầm non của tỉnh Bắc Kạn.....	66
2.3.1. Thực trạng quản lý tự đánh giá trường mầm non.....	66
2.3.2. Thực trạng quản lý đánh giá ngoài trường mầm non.....	69
2.3.3. Thực trạng tập huấn tự đánh giá.....	73
2.3.4. Thực trạng tập huấn đánh giá ngoài.....	74
2.3.5. Nhu cầu bồi dưỡng chuyên môn trong lĩnh vực kiểm định chất lượng giáo dục mầm non.....	76
2.3.6. Đánh giá tác động của kiểm định chất lượng giáo dục trường mầm non đến việc cải tiến chất lượng giáo dục.....	77
2.4. Các yếu tố ảnh hưởng đến quản lý hoạt động kiểm định chất lượng giáo dục trường MN.....	78
2.4.1. Cơ chế tài chính.....	78
2.4.2. Tổ chức bộ máy và phân cấp.....	79
2.4.3. Tiêu chuẩn đánh giá chất lượng trường MN.....	79
2.4.4. Năng lực của cán bộ quản lý, giáo viên tại các trường mầm non.....	80
2.5. Đánh giá chung về những ưu điểm và hạn chế của quản lý kiểm định chất lượng giáo dục trường mầm non của tỉnh Bắc Kạn.....	80
2.5.1. Những ưu điểm.....	80
2.5.2. Những hạn chế.....	81
Kết luận chương 2.....	83
Chương 3. BIỆN PHÁP QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC TRƯỜNG MẦM NON CỦA TỈNH BẮC KẠN.....	84
3.1. Nguyên tắc xác định các biện pháp quản lý.....	84
3.1.1. Nguyên tắc đảm bảo tính kế thừa.....	84
3.1.2. Nguyên tắc đảm bảo tính toàn diện.....	84
3.1.3. Nguyên tắc đảm bảo tính hiệu quả.....	85
3.2. Biện pháp đề xuất quản lý nâng cao hiệu quả thực hiện hoạt động KĐCLGD trường mầm non của tỉnh Bắc Kạn.....	86
3.2.1. Nâng cao nhận thức về hoạt động KĐCLGD cho cán bộ quản lý và giáo viên.....	86

3.2.2. Xây dựng chuyên đề bồi dưỡng và tổ chức bồi dưỡng kiểm định viên cho hoạt động tự đánh giá và đánh giá ngoài.....	88
3.2.3. Ứng dụng công nghệ thông tin và hoàn thiện các điều kiện pháp lý cho hoạt động KĐCLGD trường mầm non của tỉnh Bắc Kạn	91
3.2.4. Xây dựng quy trình chi tiết viết báo cáo tự đánh giá và kiểm tra, giám sát, đôn đốc các trường mầm non thực hiện kiểm định chất lượng giáo dục	93
3.2.5. Đánh giá kết quả thực hiện và phổ biến những kinh nghiệm về hoạt động KĐCLGD.....	97
3.3. Mối quan hệ giữa các biện pháp đề xuất	98
3.4. Khảo nghiệm mức độ cần thiết và tính khả thi của các biện pháp đề xuất..	98
3.4.1. Mục đích khảo nghiệm	98
3.4.2. Đối tượng và nội dung khảo nghiệm	99
3.4.3. Nội dung và cách thức khảo nghiệm	99
3.4.4. Kết quả khảo nghiệm	99
Kết luận chương 3	101
KẾT LUẬN VÀ KHUYẾN NGHỊ	102
1. Kết luận	102
2. Khuyến nghị	103
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO	105
PHỤ LỤC	

DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT

Chữ viết tắt	Nội dung
CB	Cán bộ
CBQL	Cán bộ quản lý
GD&ĐT	Giáo dục và Đào tạo
GDDH	Giáo dục đại học
GDMN	Giáo dục mầm non
GDPT	Giáo dục phổ thông
GDTX	Giáo dục thường xuyên
GV	Giáo viên
HTCD	Học tập cộng đồng
KCS	Kiểm tra chất lượng sản phẩm
KĐCLGD	Kiểm định chất lượng giáo dục
KT&KĐCLGD	Khảo thí và Kiểm định chất lượng giáo dục
KT&QLCLGD	Khảo thí và Quản lý chất lượng giáo dục
KTTH-HN	Kỹ thuật tổng hợp - Hướng nghiệp
MN	Mầm non
NV	Nhân viên
PTCS	Phổ thông cơ sở
PTDTBT	Phổ thông dân tộc bán trú
PTDTNT	Phổ thông dân tộc nội trú
TNCS	Thanh niên Cộng sản
TNTP	Thiếu niên Tiền phong
TH	Tiểu học
TH&THCS	Tiểu học và trung học cơ sở
THCN	Trung học chuyên nghiệp
THCS	Trung học cơ sở
THCS&THPT	Trung học cơ sở và trung học phổ thông
THPT	Trung học phổ thông
UBND	Ủy ban nhân dân

DANH MỤC CÁC BẢNG

Bảng 2.1:	Số liệu phát triển giáo dục MN.....	49
Bảng 2.2:	Số lượng nhà trẻ mẫu giáo	50
Bảng 2.3:	Thống kê trình độ đào tạo của giáo viên MN tỉnh Bắc Kạn	50
Bảng 2.4:	Thực trạng phòng học MN năm học 2014-2015.....	51
Bảng 2.5:	Khảo sát việc tổ chức thực hiện tự đánh giá trong trường MN	52
Bảng 2.6:	Khảo sát việc tổ chức thực hiện nhiệm vụ của trường đoàn đánh giá ngoài.....	61
Bảng 2.7:	Khảo sát năng lực làm việc của đoàn đánh giá ngoài.....	63
Bảng 2.8:	Tổng hợp số liệu đánh giá ngoài trường mầm non.....	65
Bảng 2.9:	Khảo sát thực trạng quản lý hoạt động tự đánh giá ở trường mầm non	67
Bảng 2.10:	Khảo sát thực trạng quản lý hoạt động đánh giá ngoài	70
Bảng 2.11:	Nhu cầu bồi dưỡng chuyên môn trong lĩnh vực KĐCLGD.....	76
Bảng 2.12:	Tác động của KĐCLGD trường MN đến việc cải tiến chất lượng giáo dục	77
Bảng 3.1:	Kết quả khảo sát mức độ cần thiết và tính khả thi của các biện pháp đề xuất.....	100

DANH MỤC CÁC SƠ ĐỒ

Sơ đồ 1.1:	Mối quan hệ giữa các cấp độ quản lý	18
Sơ đồ 1.2:	Vị trí của trường MN trong hệ thống giáo dục quốc dân	21
Sơ đồ 1.3:	Quy trình KĐCLGD trường MN với chu kỳ 5 năm.....	27
Sơ đồ 1.4:	Quy trình tự đánh giá trường mầm non theo tiêu chuẩn.....	28
Sơ đồ 1.5:	Quy trình đánh giá ngoài trường MN theo tiêu chuẩn	30
Sơ đồ 1.6:	Cấu trúc tiêu chuẩn, tiêu chí, chỉ số đánh giá	32
Sơ đồ 1.7:	Sơ đồ phân cấp và nội dung quản lý KĐCLGD trường MN	37
Sơ đồ 1.8:	Các chức năng của quản lý.....	37

PHẦN MỞ ĐẦU

1. Lý do chọn đề tài

Giáo dục mầm non là bậc học quan trọng trong hệ thống giáo dục quốc dân của bất cứ một quốc gia nào, đồng thời là bậc học chuẩn bị tiền đề quan trọng cho trẻ em từ 0 đến 5 tuổi bước vào học tiểu học. Tại nhiều quốc gia trên thế giới, việc kiện toàn và nâng cao chất lượng giáo dục mầm non là một nhiệm vụ hàng đầu của toàn xã hội. Tổ chức văn hóa, khoa học và giáo dục của Liên Hợp Quốc (UNESCO) khẳng định “Giáo dục mầm non tiềm tàng trong bản thân nó sức phát triển của loài người và là một nhân tố quan trọng trong chiến lược giáo dục cho mọi người”. Ở Việt Nam chất lượng giáo dục và quản lý chất lượng giáo dục là vấn đề được Đảng, Nhà nước và xã hội rất quan tâm, đã có nhiều công trình nghiên cứu về vấn đề này ở các cấp độ khác nhau và có đề xuất nhiều giải pháp, biện pháp nâng cao chất lượng giáo dục. Một trong những biện pháp quan trọng đó là xây dựng và triển khai hệ thống kiểm định chất lượng giáo dục (KĐCLGD) từ bậc học mầm non đến bậc đại học. Vấn đề này đã được thể chế hóa trong Luật Giáo dục 2005, quy định tại Điều 17 “*Kiểm định chất lượng giáo dục là biện pháp chủ yếu nhằm xác định mức độ thực hiện mục tiêu, chương trình, nội dung giáo dục đối với nhà trường và cơ sở giáo dục khác. Việc kiểm định chất lượng giáo dục được thực hiện định kỳ trong phạm vi cả nước và đối với từng cơ sở giáo dục. Kết quả kiểm định chất lượng giáo dục được công bố công khai để xã hội biết và giám sát*” [20, tr. 5].

Kiểm định chất lượng giáo dục trường mầm non là hoạt động đánh giá (bao gồm tự đánh giá và đánh giá ngoài) để xác định mức độ trường mầm non đáp ứng các tiêu chuẩn đánh giá chất lượng giáo dục và việc công nhận trường mầm non đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục của cơ quan quản lý nhà nước. Quy trình kiểm định chất lượng giáo dục trường mầm non gồm các bước sau: (1). Tự đánh giá của trường mầm non; (2). Đăng ký đánh giá ngoài của trường mầm non; (3). Đánh giá ngoài trường mầm non; (4). Công nhận trường mầm non đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục và cấp giấy chứng nhận chất lượng giáo dục.

Tự đánh giá là khâu đầu tiên trong quy trình kiểm định chất lượng giáo dục, là hoạt động tự xem xét, kiểm tra, đánh giá của trường mầm non để xác định mức độ đạt được theo tiêu chuẩn đánh giá chất lượng giáo dục do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành để báo cáo về tình trạng chất lượng, hiệu quả hoạt động giáo dục, nghiên cứu khoa học, nhân lực, cơ sở vật chất và các vấn đề liên quan khác, tạo cơ sở cho bước tiếp theo là đánh giá ngoài.

Đánh giá ngoài là bước quan trọng tiếp theo sau tự đánh giá trong quy trình kiểm định chất lượng giáo dục. Đánh giá ngoài trường mầm non là hoạt động đánh giá của cơ quan quản lý nhà nước nhằm xác định mức độ đạt được tiêu chuẩn đánh giá chất lượng giáo dục của trường mầm non. Đánh giá ngoài để tạo cơ sở cho việc ra quyết định công nhận kết quả kiểm định và là một bằng chứng về uy tín và mức độ đạt được các chuẩn mực chất lượng của nhà trường.

Trong những năm qua, sự nghiệp giáo dục và đào tạo Bắc Kạn đã đạt được nhiều thành tựu quan trọng, góp phần tích cực vào việc nâng cao dân trí, đào tạo nhân lực, bồi dưỡng nhân tài, phục vụ nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

Trước yêu cầu mới về đào tạo con người mới trong thời kỳ mới; xuất phát từ quan điểm của Đảng, Nhà nước trên tinh thần Nghị quyết Hội nghị Trung ương 8 khóa XI về đổi mới căn bản và toàn diện giáo dục và đào tạo (Nghị quyết số 29-NQ-TW) và chiến lược phát triển giáo dục 2011 - 2020.

Thực hiện chỉ đạo của Bộ GD&ĐT, Sở GD&ĐT Bắc Kạn đã chỉ đạo triển khai thực hiện công tác KĐCLGD đến các phòng GD&ĐT, các nhà trường. Nhìn chung kết quả KĐCLGD của các nhà trường trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn với mức độ đáp ứng tiêu chuẩn đánh giá còn thấp.

Thực tiễn chỉ đạo thực hiện KĐCLGD trường mầm non trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn còn gặp phải những khó khăn, mâu thuẫn trong quá trình triển khai:

- Một bộ phận cán bộ quản lý giáo dục các cấp và giáo viên trường mầm non nhận thức chưa đầy đủ về mục đích, ý nghĩa, tầm quan trọng của công tác KĐCLGD đối với yêu cầu nâng cao chất lượng giáo dục trường mầm non.

- Kiến thức, kỹ năng thực hiện các khâu trong quy trình thực hiện KĐCLGD của các nhà trường còn hạn chế dẫn đến kết quả thực hiện chưa đáp ứng yêu cầu đặt ra.

- Một số nhà trường chưa nhận thức đầy đủ vị trí, vai trò và tính chất quan trọng của công tác KĐCLGD và tác động tích cực của công tác KĐCLGD đối với việc nâng cao chất lượng quản lý, dạy và học của nhà trường.

- Chất lượng báo cáo tự đánh giá chưa đạt yêu cầu, chưa phản ánh đúng thực tiễn của nhà trường; một số phòng GD&ĐT chỉ đạo thiếu kiên quyết, không thực hiện triển khai đúng tiến độ, chưa quan tâm đúng mức đến công tác tự đánh giá; việc xây dựng và bồi dưỡng đội ngũ cán bộ KĐCLGD chưa tương xứng và hiệu quả chưa cao; số trường mầm non được đánh giá ngoài còn ít.

Xuất phát từ thực tế nêu trên tại đơn vị, việc nghiên cứu, đề xuất biện pháp nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác KĐCLGD trong các nhà trường nói chung và trường mầm non nói riêng là vấn đề cấp thiết. Vì vậy, chúng tôi quyết định lựa chọn đề tài: ***“Quản lý hoạt động Kiểm định chất lượng giáo dục trường mầm non của tỉnh Bắc Kạn”*** làm đề tài luận văn thạc sỹ.

2. Mục đích nghiên cứu

Trên cơ sở nghiên cứu lý luận, phân tích thực trạng quản lý hoạt động KĐCLGD trường mầm non của tỉnh Bắc Kạn luận văn đề xuất một số biện pháp quản lý hoạt động KĐCLGD trường mầm non góp phần nâng cao hiệu quả KĐCLGD ở trường mầm non của tỉnh Bắc Kạn nói riêng và chất lượng giáo dục mầm non trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn nói chung.

3. Khách thể và đối tượng nghiên cứu

3.1. Khách thể nghiên cứu: Hoạt động kiểm định chất lượng giáo dục trường mầm non của tỉnh Bắc Kạn

3.2. Đối tượng nghiên cứu: Các biện pháp quản lý hoạt động kiểm định chất lượng giáo dục trường mầm non của tỉnh Bắc Kạn.

3.3. Khách thể điều tra: Đội ngũ cán bộ quản lý (cấp Sở, cấp Phòng, đoàn đánh giá ngoài) về KĐCLGD; Đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, của trường mầm non trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn.

4. Giả thuyết khoa học

Hoạt động KĐCLGD trường mầm non trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn những năm gần đây đã được quan tâm chú ý, triển khai, tuy nhiên hiệu quả của công tác KĐCLGD chưa cao, điều này do nhiều nguyên nhân, trong đó có nguyên nhân thuộc về yếu tố quản lý.

Nếu đề xuất được các biện pháp quản lý hoạt động KĐCLGD phù hợp với đặc điểm địa phương thì chất lượng kết quả hoạt động KĐCLGD trường mầm non được nâng cao, từ đó sẽ góp phần nâng cao chất lượng quản lý, dạy và học trường mầm non.

5. Nhiệm vụ nghiên cứu

5.1. Xây dựng cơ sở lý luận về quản lý hoạt động KĐCLGD trường mầm non.

5.2. Khảo sát thực trạng quản lý hoạt động KĐCLGD theo tiêu chuẩn đánh giá chất lượng trường mầm non trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn.

5.3. Đề xuất các biện pháp quản lý hoạt động KĐCLGD trường mầm non góp phần nâng cao chất lượng giáo dục mầm non trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn.

6. Giới hạn phạm vi nghiên cứu của đề tài

- Các biện pháp quản lý hoạt động KĐCLGD theo tiêu chuẩn đánh giá chất lượng trường mầm non tỉnh Bắc Kạn.

- Thực hiện trên 124 trường mầm non tỉnh Bắc Kạn. Thời gian từ năm học 2013-2014 đến hết năm học 2014-2015.

7. Phương pháp nghiên cứu

7.1. Nhóm các phương pháp nghiên cứu lý luận

Sử dụng các phương pháp: Phân tích, tổng hợp, hệ thống hóa lý thuyết để xác định những quan điểm lý luận về quản lý chất lượng giáo dục, KĐCLGD.

7.2. Nhóm phương pháp nghiên cứu thực tiễn

a) Phương pháp điều tra

- Xây dựng phiếu điều tra đối với lãnh đạo, chuyên viên Sở GD&ĐT, phòng GD&ĐT về hoạt động KĐCLGD trường mầm non.

- Xây dựng phiếu điều tra đối với cán bộ quản lý các trường mầm non về hoạt động KĐCLGD.

- Xây dựng phiếu điều tra đối với cán bộ, giáo viên các trường mầm non về hoạt động KĐCLGD.

b) Phương pháp tổng kết kinh nghiệm

Tổng kết kinh nghiệm trong việc quản lý, thực hiện hoạt động KĐCLGD của Sở GD&ĐT, phòng GD&ĐT, các nhà trường mầm non.

c) Phương pháp chuyên gia

Xin ý kiến chuyên gia về các biện pháp đề xuất để thực hiện hoạt động KĐCLGD ở trường mầm non có chất lượng, hiệu quả.

d) Phương pháp khảo nghiệm

Khảo nghiệm mức độ cấp thiết và tính khả thi của các biện pháp đề xuất đối với: Lãnh đạo, chuyên viên Sở GD&ĐT Bắc Kạn; Lãnh đạo, chuyên viên phòng GD&ĐT; Cán bộ quản lý, giáo viên trường mầm non.

7.3. Nhóm phương pháp hỗ trợ

Chúng tôi sử dụng phương pháp thống kê để xử lý các số liệu thu nhận từ các phương pháp nghiên cứu ở trên.

8. Cấu trúc luận văn

Cấu trúc luận văn gồm các phần:

- Mở đầu.

- Chương 1. Cơ sở lý luận về quản lý hoạt động kiểm định chất lượng giáo dục trường mầm non.

- Chương 2. Thực trạng quản lý hoạt động kiểm định chất lượng giáo dục trường mầm non của tỉnh Bắc Kạn.

- Chương 3. Biện pháp quản lý hoạt động kiểm định chất lượng giáo dục trường mầm non của tỉnh Bắc Kạn.

- Kết luận và khuyến nghị.

Chương 1

CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC TRƯỜNG MẦM NON

1.1. Vài nét về lịch sử nghiên cứu vấn đề

1.1.1. Những nghiên cứu trên thế giới

Kiểm định, đánh giá chất lượng trong giáo dục được nhiều quốc gia trên thế giới quan tâm trên cả hai phương diện nghiên cứu lý thuyết và triển khai thực tế, ở các nước phát triển như: Anh, Pháp, Mỹ, Nhật Bản,... đã được triển khai nghiên cứu từ những năm 70 của thế kỷ 20.

Nhóm tác giả LazrVLSCEANU, Laura GRÜNBERG, và DanPÂRLEA (UNESCO 2007) - *Những thuật ngữ và định nghĩa cơ bản trong đảm bảo chất lượng và kiểm định chất lượng giáo dục (Quality Assurance and Accreditation: A Glossary of Basic Terms and Definition)*. Nghiên cứu này đã tổng hợp một cách đầy đủ các thuật ngữ, định nghĩa chuyên dùng trong lĩnh vực KĐCLGD, và giải thích cách sử dụng các khái niệm này một cách cụ thể thông qua các hoạt động thực tiễn trong lĩnh vực này. Chẳng hạn, các thuật ngữ về kiểm định chất lượng, kiểm định cơ sở giáo dục, kiểm định chương trình giáo dục, kiểm định vùng, kiểm toán, đánh giá chất lượng, tự đánh giá, đánh giá ngoài, đối sánh, tiêu chuẩn, tiêu chí, chỉ số, xếp hạng hay công nhận cơ sở giáo dục đạt chuẩn mực... Cùng với việc giải thích từ ngữ, nghiên cứu cũng chỉ rõ cho người đọc hiểu được nội dung và tiến trình hoạt động của KĐCLGD. Đồng thời, nghiên cứu cũng đã nêu lên được những tranh luận đối lập hiện nay trong việc quan niệm và sử dụng các thuật ngữ này trên thế giới [28].

Nguyễn Thị Thanh Phượng (2005) với luận án tiến sĩ chuyên ngành quản lý giáo dục “*Xác nhận lại kiểm định chất lượng và nâng cao chất lượng giáo dục như một cuộc hành trình: Một nghiên cứu điển hình*” (*Reaffirmation of accreditation and quality improvement as a journey: A case study*) tại đại học

Texas của Mỹ. Luận án đã đi sâu vào phân tích khá kỹ về công tác kiểm định chất lượng giáo dục đại học của Mỹ hiện nay, bao gồm các chính sách, chủ trương cơ chế cũng như quy trình thủ tục, phương pháp, nội dung, chuẩn mực trong kiểm định chất lượng giáo dục đại học của Mỹ. Đặc biệt, luận án đã phân tích quá trình thực hiện báo cáo tự đánh giá của nhà trường là một quá trình thực hiện các hoạt động đảm bảo chất lượng trong nhà trường. Trong nghiên cứu này đã chỉ rõ quá trình tự đánh giá là khâu đầu tiên và rất quan trọng trong quá trình kiểm định [29].

Nguyễn Thị Thanh Phượng (2005) đã nghiên cứu sâu các hoạt động đánh giá ngoài trong quy trình kiểm định chất lượng giáo dục cụ thể tại trường đại học phía Nam nước Mỹ (United States Sigma University). Nghiên cứu này đã chỉ rõ mục đích của đánh giá ngoài là chuyên viếng thăm đồng nghiệp do cơ quan kiểm định chất lượng thành lập. Thành phần của đoàn đánh giá ngoài từ 5 đến 7 thành viên đến khảo sát và làm việc tại trường được kiểm định. Những nhận xét, đánh giá, góp ý của đoàn đánh giá ngoài mang lại giá trị rất cao cho nhà trường trong việc cải tiến chất lượng và định hướng phát triển nhà trường.

Nhóm các tác giả Janet Fairman, Brendra Peirce và Walter Harris (2009) cũng đã trình bày rất kỹ về kỹ thuật đánh giá ngoài. Theo nhóm tác giả này, những thành viên đoàn đánh giá ngoài là những người có ít nhất 5 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực giáo dục và họ cũng là những người đến từ các cơ sở giáo dục phổ thông khác. Tuy nhiên, những thành viên đánh giá ngoài này được các tổ chức kiểm định đào tạo các khóa ngắn hạn về kiểm định, về cách đánh giá nhà trường qua báo cáo tự đánh giá. Đặc biệt, trong công trình này đã nêu lên được sự trở ngại khi điều động các thành viên từ các cơ sở giáo dục khác nhau. Ngoài ra, công trình này cũng đã chia sẻ kinh nghiệm trong quản lý về đào tạo bồi dưỡng kiểm định viên.

Nhiều quốc gia trong quá trình đánh giá các nhà trường, họ thực hiện công tác KĐCLGD để xác nhận và công nhận chất lượng dạy và học của các nhà

trường như: Nhật Bản, Hàn Quốc,... Các hiệp hội KĐCLGD ở các nước này đã xây dựng bộ tiêu chuẩn, tiêu chí để công nhận mức độ đạt chuẩn của các nhà trường so với chuẩn quy định.

1.1.2. Những nghiên cứu trong nước

Ở Việt Nam, cũng đã có nhiều học giả nghiên cứu và đề cập đến KĐCLGD giáo dục đại học như: Nguyễn Đức Chính với “*Kiểm định chất lượng trong giáo dục đại học*” [9]; Đặng Bá Lâm với “*Kiểm tra và đánh giá trong dạy - học đại học*” [18],...

Trần Khánh Đức (2004) với công trình “*Quản lý và kiểm định chất lượng đào tạo nhân lực*” đã phân tích kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục hay kiểm định chương trình giáo dục chỉ thực hiện được một cách có hiệu quả khi việc xây dựng hệ thống đảm bảo chất lượng trong nhà trường được giải quyết. Thêm nữa, một cơ sở giáo dục bất kỳ muốn hoạt động để đạt được mục tiêu hay vươn tới sứ mệnh của tổ chức mình thì phải thiết kế, vận hành hệ thống đảm bảo chất lượng tại cơ sở giáo dục đó. Tác giả cho rằng kiểm định chất lượng là một khâu trong quá trình quản lý chất lượng, và chính kiểm định chất lượng là phương pháp, là công cụ để đánh giá hệ thống đảm bảo chất lượng của tổ chức đó. Ngoài ra, tác giả cũng đề cập đến quy trình kiểm định chất lượng đào tạo từ khâu đăng ký tự đánh giá, tự đánh giá, đánh ngoài và đến công nhận kiểm định chất lượng. Công trình này, tác giả cũng trình bày rất rõ về mục đích, ý nghĩa, nội dung, chuẩn mực để đánh giá một cơ sở đào tạo theo các mô hình đảm bảo chất lượng khác nhau [11]

Lê Đức Ngọc (2009) “*Tổng quan về kiểm định và đảm bảo chất lượng giáo dục phổ thông*” đã cho rằng kiểm định chất lượng là một giải pháp quản lý chất lượng và hiệu quả nhằm các mục tiêu sau đây: Đánh giá hiện trạng của cơ sở giáo dục đáp ứng các tiêu chuẩn đề ra như thế nào? Hiện trạng cơ sở giáo dục có chất lượng và hiệu quả ra sao? Đánh giá hiện trạng những điểm nào là điểm mạnh so với các tiêu chuẩn đề ra của cơ sở giáo dục. Đánh giá hiện trạng

những điểm nào là điểm yếu so với các tiêu chuẩn đề ra của cơ sở giáo dục. Trên cơ sở điểm mạnh và điểm yếu phát hiện được so với các tiêu chuẩn đề ra, định ra kế hoạch phát huy điểm mạnh, khắc phục điểm yếu để phát triển [22].

Nguyễn Đức Chính (2002) trong công trình “*Kiểm định chất lượng trong giáo dục*” đã trình bày rất rõ các khái niệm liên quan đến thuật ngữ kiểm định chất lượng giáo dục (Quality accreditation). Bên cạnh đó, tác giả cũng đã phân tích về kiểm định chất lượng trong giáo dục ở các nước trên thế giới. Nghiên cứu này đã đi sâu, chi tiết các phương pháp, kỹ thuật, quy trình, cơ chế, chính sách kiểm định chất lượng giáo dục ở các nước Châu Âu, Hoa Kỳ, Châu Á Thái Bình Dương [9].

Qua phân tích tổng quan nghiên cứu trong và ngoài nước về KĐCLGD và quản lý KĐCLGD trường MN cho thấy các nghiên cứu đã có đề cập đến quy trình KĐCLGD bao gồm tự đánh giá, đánh giá ngoài và công nhận cấp độ chất lượng. Quy trình này là quy trình kỹ thuật cơ bản của KĐCLGD mà các quốc gia tiến hành làm kiểm định chất lượng giáo dục đều thực hiện. Các nghiên cứu cũng phân tích đến các yếu tố kỹ thuật trong quy trình tự đánh giá và đánh giá ngoài theo tiêu chuẩn. Tuy nhiên, còn ít các nghiên cứu về KĐCLGD trường MN. Đặc biệt chưa có nghiên cứu nào đi sâu và phân tích đến việc quản lý hoạt động KĐCLGD trường MN dựa trên chức năng quản lý.

1.2. Các khái niệm cơ bản

1.2.1. Chất lượng, chất lượng giáo dục, chất lượng giáo dục trường mầm non, đảm bảo chất lượng

1.2.1.1. Chất lượng

Chất lượng là một phạm trù phức tạp thường gặp trong các lĩnh vực hoạt động, nhất là trong lĩnh vực hoạt động kinh tế, kỹ thuật, xã hội ngay trong từng lĩnh vực của đời sống con người. Chất lượng là một khái niệm quá quen thuộc với loài người ngay từ thời kỳ cổ đại, tuy nhiên chất lượng cũng là một khái niệm gây nhiều tranh cãi.

Theo tiêu chuẩn ISO, định nghĩa *"Chất lượng là khả năng của tập hợp các đặc tính của một sản phẩm, hệ thống hay quá trình để đáp ứng các yêu cầu của khách hàng và các bên có liên quan"* [30].

1.2.1.2. Chất lượng giáo dục

Chất lượng giáo dục được chú ý trên phạm vi toàn thế giới và cũng là vấn đề được bàn luận nhiều nhất trong xã hội khi nói về giáo dục. Theo Nguyễn Đức Chính (2002), hội thảo về KĐCLGD đại học thế giới năm 2002 tại Paris đã đưa ra 6 quan điểm về chất lượng giáo dục như: (1) Chất lượng được đánh giá bằng đầu vào; (2) Chất lượng được đánh giá bằng đầu ra; (3) Chất lượng được đánh giá bằng giá trị gia tăng; (4) Chất lượng được đánh giá bằng giá trị học thuật; (5) Chất lượng được đánh giá bằng văn hóa riêng; (6) Chất lượng được đánh giá bằng kiểm toán [9].

Theo Lê Đức Ngọc (2010), *"chất lượng giáo dục được đánh giá qua mức độ đạt được mục tiêu giáo dục đã đề ra đối với một chương trình giáo dục"* [22]. Trong lĩnh vực giáo dục, chất lượng với đặc trưng là "con người" có thể hiểu là kết quả (đầu ra) của quá trình giáo dục và được thể hiện cụ thể ở các phẩm chất, giá trị và giá trị sức lao động hay năng lực hành nghề của người tốt nghiệp tương ứng với mục tiêu của từng ngành đào tạo trong hệ thống giáo dục quốc dân. Như vậy, ta thấy chất lượng giáo dục có hai khía cạnh: khía cạnh thứ nhất là mức độ đạt được mục tiêu (phù hợp với tiêu chuẩn) đề ra, ở khía cạnh này chất lượng được xem là "chất lượng bên trong". Khía cạnh thứ hai, chất lượng được xem là mức độ sự thoả mãn những đòi hỏi của người dùng, ở khía cạnh này chất lượng được xem là "chất lượng bên ngoài". Mỗi cơ sở giáo dục luôn có một nhiệm vụ được phân quyền, nhiệm vụ này thường do các cơ quan quản lý quy định, điều này chi phối mọi hoạt động của nhà trường. Từ nhiệm vụ này, nhà trường xác định các mục tiêu giáo dục của mình sao cho phù hợp với nhu cầu sử dụng của xã hội, đạt "chất lượng bên ngoài"; và các hoạt động của nhà trường sẽ được hướng vào nhằm đạt mục tiêu đó, đạt "chất lượng bên

trong”. Cũng từ quan niệm này, chúng ta thấy mục tiêu của nhà trường phải luôn gắn liền với nhu cầu xã hội

1.2.1.3. Chất lượng giáo dục mầm non

Được xác định bằng các tiêu chuẩn, tiêu chí và chỉ số đạt được. Theo Thông tư số 25/2014/TT-BGDĐT ngày 07 tháng 8 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT: Tiêu chuẩn đánh giá chất lượng giáo dục trường mầm non là các yêu cầu đối với trường mầm non để bảo đảm chất lượng giáo dục. Tiêu chí đánh giá chất lượng giáo dục trường mầm non là yêu cầu đối với trường mầm non ở từng nội dung cụ thể của mỗi tiêu chuẩn. Mỗi tiêu chí có các chỉ số đánh giá chất lượng giáo dục được ký hiệu bằng các chữ cái a, b, c. Chỉ số đánh giá chất lượng giáo dục trường mầm non là yêu cầu đối với trường mầm non trong từng nội dung cụ thể của mỗi tiêu chí [5].

1.2.1.4. Đảm bảo chất lượng

Đảm bảo chất lượng là quá trình xảy ra trước và trong khi thực hiện. Mối quan tâm của nó là phòng chống những sai phạm có thể xảy ra ngay từ bước đầu tiên. Chất lượng của sản phẩm được thiết kế ngay trong quá trình sản xuất ra nó từ khâu đầu đến khâu cuối theo những tiêu chuẩn nghiêm ngặt đảm bảo không có sai phạm trong bất kỳ khâu nào. Đảm bảo chất lượng phần lớn là trách nhiệm của người lao động, thường làm việc trong các đơn vị độc lập hơn là trách nhiệm của các thanh tra viên, mặc dù thanh tra cũng có vai trò nhất định trong đảm bảo chất lượng.

Trong quá trình tiếp cận với nhiều mô hình đảm bảo chất lượng và kiểm định chất lượng giáo dục trên thế giới, mô hình đảm bảo chất lượng giáo dục ở Việt Nam đang từng bước được hình thành, phù hợp với mô hình đảm bảo chất lượng của nhiều nước trên thế giới, nhất là mô hình của Châu Âu, Châu Á - Thái Bình Dương, AUN, những mô hình được tiếp tục phát triển trên mô hình chung của Châu Âu.

Theo tiêu chuẩn ISO, định nghĩa đảm bảo chất lượng là “*Tất cả các hoạt động có hoạch định hay có hệ thống cần thiết nhằm cung cấp dữ liệu đủ tự tin rằng một sản phẩm hay một dịch vụ là đáp ứng được yêu cầu về chất lượng*” [30].

1.2.2. Kiểm định, kiểm định chất lượng giáo dục, kiểm định chất lượng giáo dục trường mầm non

1.2.2.1. Kiểm định

Kiểm định chất lượng giáo dục là một quá trình xem xét chất lượng từ bên ngoài, được sử dụng để khảo sát đánh giá các cơ sở giáo dục nhằm đảm bảo và cải tiến chất lượng giáo dục. Tại Việt Nam có nhiều công trình nghiên cứu về vấn đề này. Nguyễn Đức Chính (2002) trong công trình “*Kiểm định chất lượng trong giáo dục*” đã trình bày rất rõ các khái niệm liên quan đến thuật ngữ KĐCLGD (Quality accreditation). Nghiên cứu này đã đi sâu, chi tiết các phương pháp, kỹ thuật, quy trình, cơ chế, chính sách KĐCLGD ở các nước Châu Âu, Mỹ, Châu Á Thái Bình Dương [9].

1.2.2.2. Kiểm định chất lượng giáo dục

Thuật ngữ *Kiểm định chất lượng giáo dục* (Accreditation) bắt nguồn từ hơn 100 năm trước ở Mỹ. Ngày nay, người ta vẫn dùng rộng rãi trên khắp thế giới để nói về việc đánh giá, công nhận chất lượng cho một chương trình giáo dục hay cơ sở giáo dục nào đó. Thuật ngữ KĐCLGD được khái niệm bởi nhiều khía cạnh khác nhau. Hội đồng kiểm định chất lượng đại học của Hoa Kỳ (CHEA) cho rằng: kiểm định chất lượng giáo dục là “*một quá trình xem xét chất lượng từ bên ngoài, được giáo dục đại học sử dụng nhằm đảm bảo và cải tiến chất lượng*”.

Theo Luật Giáo dục 2005, *tại Điều 17, kiểm định chất lượng giáo dục được định nghĩa như sau: Kiểm định chất lượng giáo dục là biện pháp chủ yếu nhằm xác định mức độ thực hiện mục tiêu, chương trình, nội dung giáo dục đối với nhà trường và cơ sở giáo dục khác* [20].

Theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục 2009, kiểm định chất lượng giáo dục được làm rõ hơn bởi Điều 110a, Điều 110b, Điều

110c về nội dung quản lý nhà nước về kiểm định chất lượng giáo dục, nguyên tắc kiểm định chất lượng giáo dục, tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục [20, tr. 2], Theo đó, kiểm định chất lượng giáo dục có hai mức, *một là kiểm định chương trình giáo dục, hai là kiểm định cơ sở giáo dục*. Hai loại này có một số khác biệt song giữa chúng cũng có những mối quan hệ mật thiết với nhau, sự khác nhau giữa hai loại là ở trọng tâm chú ý của công việc đánh giá. Khi kiểm định nhà trường, trọng tâm chú ý là các điều kiện bảo đảm chất lượng đào tạo và hệ thống quản lý chất lượng của nhà trường. Với một logic hiển nhiên là với các điều kiện bảo đảm chất lượng và một hệ thống quản lý chất lượng tốt tất yếu sẽ cho ra những sản phẩm có chất lượng. Như vậy, các chương trình đào tạo chỉ được xem xét như là một bộ phận trong việc kiểm định chất lượng của nhà trường.

Kiểm định chất lượng là *một giải pháp quản lý chất lượng* nhằm các mục tiêu sau đây:

- Đánh giá hiện trạng của cơ sở giáo dục đáp ứng các tiêu chuẩn đề ra như thế nào? Tức là hiện trạng cơ sở giáo dục có chất lượng và hiệu quả ra sao?

- Đánh giá hiện trạng những điểm nào là điểm mạnh so với các tiêu chuẩn đề ra của cơ sở giáo dục.

- Đánh giá hiện trạng những điểm nào là điểm yếu so với các tiêu chuẩn đề ra của cơ sở giáo dục.

- Trên cơ sở điểm mạnh và điểm yếu phát hiện được so với các tiêu chuẩn đề ra, định ra kế hoạch phát huy điểm mạnh, khắc phục điểm yếu để phát triển.

Kiểm định chất lượng mang lại cho cộng đồng, đặc biệt là người học sự đảm bảo chắc chắn một cơ sở giáo dục đã được chứng minh thỏa mãn các yêu cầu và tiêu chí đáng tin cậy và có đủ cơ sở để tin rằng cơ sở giáo dục này sẽ tiếp tục đạt các yêu cầu và tiêu chí đã đề ra.

Theo UNESCO (2007), *KDCLGD được định nghĩa là một quá trình bao gồm tự đánh giá, đánh giá ngoài và công nhận mức chất lượng của một cơ sở giáo dục dựa trên chuẩn mực do cơ quan quản lý giáo dục ban hành* [28].

1.2.2.3. Kiểm định chất lượng giáo dục trường mầm non

Chất lượng giáo dục là sự đáp ứng mục tiêu giáo dục. Nhiều người quan tâm và đã có những bài viết liên quan đến khái niệm “chất lượng” và “chất lượng GDMN”. *Chất lượng GDMN là tổng hòa những tính năng và đặc điểm của các nhân tố mà khi triển khai chúng trong quá trình giáo dục sẽ có tác động thúc đẩy sự phát triển toàn diện của trẻ, bảo vệ sức khỏe và chuyển tiếp trẻ một cách thành công sang giai đoạn tuổi tiếp theo.* Chất lượng giáo dục phải đảm bảo, đáp ứng sự mong chờ và yêu cầu của xã hội. Chất lượng của cơ sở giáo dục mầm non được đánh giá trên các nội dung như sau: Tỷ lệ trẻ đến lớp trong độ tuổi, sự phát triển toàn diện của trẻ, đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lý, chương trình giáo dục, tổ chức các hoạt động giáo dục của trẻ, quản lý cơ sở giáo dục mầm non, nguồn tài chính, cơ sở vật chất, xã hội hóa giáo dục. Các tiêu chí đánh giá chất lượng giáo dục nhà trường cũng phải quán triệt quan điểm tiếp cận tổng thể, đánh giá toàn bộ nhà trường. Các yếu tố được đánh giá có mối quan hệ biện chứng với nhau trong một chỉnh thể thống nhất, có tác động ảnh hưởng qua lại với nhau và với chất lượng sản phẩm giáo dục của nhà trường. Nhưng quan trọng hơn là các trường cần phải biết sử dụng chúng một cách có hiệu quả để làm nên chất lượng. Đặc biệt là tầm nhìn, mong muốn và quyết tâm tạo nên chất lượng giáo dục của đội ngũ cán bộ quản lý và đội ngũ giáo viên, thể hiện quan điểm và phương pháp giáo dục hướng vào người học (trẻ em).

Kiểm định CLGD là một quá trình xem xét chất lượng từ bên ngoài, được sử dụng để khảo sát đánh giá các cơ sở giáo dục nhằm đảm bảo và cải tiến chất lượng giáo dục.

Ngày 14 tháng 12 năm 2010, Cục Khảo thí và Kiểm định chất lượng giáo dục phối hợp với Ngân hàng Thế giới tổ chức Hội thảo về xây dựng tiêu chuẩn đánh giá chất lượng giáo dục trường mầm non tại Vĩnh Phúc. Hội thảo đã đưa ra một báo cáo cụ thể về “*Những tiêu chí và chỉ số cụ thể của chất lượng giáo dục cấp hệ thống*” trong đó nêu cụ thể tiêu chí cơ bản và chỉ số chất lượng của hệ thống giáo dục mầm non.

Ngày 07 tháng 8 năm 2014, Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Thông tư số 25/2014/TT-BGDĐT về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng giáo dục, quy trình, chu kỳ KĐCLGD trường mầm non .

Bộ GD&ĐT (2014), KĐCLGD trường mầm non là hoạt động đánh giá (bao gồm công tác tự đánh giá và đánh giá ngoài) để xác định mức độ trường mầm non đáp ứng các tiêu chuẩn đánh giá chất lượng giáo dục và việc công nhận trường mầm non đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục của cơ quan quản lý nhà nước. So với khái niệm của UNESCO thì khái niệm về KĐCLGD của Bộ GD&ĐT là tương đối thống nhất và đây cũng là khái niệm mà tác giả chọn làm lý luận cho luận văn.

1.2.3. Quản lý, quản lý giáo dục, quản lý chất lượng giáo dục

1.2.3.1. Quản lý

Quản lý là một dạng lao động xã hội, gắn liền với phát triển của nhân loại. Quản lý là lao động đặc biệt, điều khiển các hoạt động lao động, nó có tính khoa học và nghệ thuật cao, đồng thời nó là sản phẩm có tính lịch sử, tính đặc thù. Đề cập tới khái niệm này, có nhiều quan điểm, sau đây là một số các quan niệm về khái niệm quản lý:

- Theo tác giả Đặng Quốc Bảo: “*Quản lý là một quá trình tác động gây ảnh hưởng của chủ thể quản lý đến khách thể quản lý nhằm đạt được mục tiêu chung*” [1].

- Theo Giáo trình quản lý của Học viện chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh: “*Quản lý là sự tác động của cơ quan quản lý vào đối tượng quản lý tạo ra sự chuyển biến của toàn bộ hệ thống hướng vào mục tiêu nhất định*” [13].

- Theo tác giả Trần Quốc Thành: “*Quản lý là sự tác động có ý thức của chủ thể quản lý để chỉ huy, điều khiển, hướng dẫn các quá trình xã hội, hành vi hoạt động của con người nhằm đạt tới mục đích, đúng với ý chí của nhà quản lý, phù hợp với quy luật khách quan*” [26].

Từ các khái niệm trên cho thấy, tuy về mặt cấu trúc khái niệm có khác nhau, song đều thể hiện những điểm chung, đó là:

+ Có chủ thể quản lý: “*Ai quản lý*”, tác nhân tạo ra các tác động. Chủ thể quản lý có thể là một cá nhân hoặc một tổ chức.

+ Có chủ thể bị quản lý: “*Quản lý ai*”, “*Quản lý cái gì*” (còn gọi đối tượng quản lý; khách thể quản lý).

+ Có mục tiêu quản lý: Là căn cứ định hướng để chủ thể quản lý tạo ra các tác động lên đối tượng quản lý.

Giữa chủ thể và khách thể quản lý có mối quan hệ qua lại, tác động lẫn nhau. Chủ thể quản lý tạo ra các tác động quản lý, còn chủ thể bị quản lý tạo ra các giá trị vật chất và tinh thần, có giá trị sử dụng trực tiếp đáp ứng nhu cầu của con người, thoả mãn mục tiêu của quản lý.

Như vậy: *Quản lý là cách thức tác động có tổ chức, có mục đích của chủ thể quản lý lên chủ thể bị quản lý bằng các chế định xã hội, bằng tổ chức, nhân lực, tài lực và vật lực, bằng năng lực phẩm chất, uy tín của người quản lý (cơ quan quản lý) nhằm sử dụng có hiệu quả nhất các tiềm năng, các cơ hội của tổ chức nhằm đạt được mục đích, thoả mãn mục tiêu quản lý.*

1.2.3.2. Quản lý giáo dục

Quản lý giáo dục được thực hiện ở hai cấp vĩ mô và vi mô . Cấp vĩ mô là cấp độ quản lý nhà nước đối với toàn hệ thống giáo dục , cấp vi mô là cấp quản lý các hoạt động giáo dục trong nhà trường .

Quản lý nhà nước về giáo dục là sự điều chỉnh bằng quyền lực nhà nước đối với các hoạt động giáo dục. Chủ thể quản lý nhà nước về giáo dục là các cơ quan quyền lực nhà nước (*cơ quan lập pháp, cơ quan hành pháp, cơ quan tư pháp*) và bộ máy quản lý giáo dục từ trung ương đến cơ sở (*bộ, sở, phòng giáo dục và đào tạo*). Đối tượng của quản lý nhà nước về giáo dục là hệ thống giáo dục quốc dân và các hoạt động giáo dục và đào tạo trong phạm vi cả nước . Mục tiêu quản lý nhà nước về giáo dục là bảo đảm trật tự , kỷ cương của hệ thống giáo dục quốc dân , nhằm thực hiện được mục tiêu nâng cao dân trí , đào tạo nhân lực, bồi dưỡng nhân tài và phát triển nhân cách cho thế hệ trẻ.

Quản lý giáo dục trong nhà trường:

Trường học là các đơn vị cấu thành của hệ thống giáo dục quốc dân , ở đó đang tiến hành quá trình giáo dục và đào tạo . Trường học được thành lập theo quy hoạch chung nhằm đáp ứng các yêu cầu phát triển kinh tế , văn hoá, xã hội của địa phương và của đất nước .

Quản lý trường học có chức năng định hướng mục tiêu và kiểm soát các hoạt động giáo dục trong nhà trường , vừa mang bản chất quản lý xã hội , vừa mang bản chất sư phạm. Quản lý trường học là sự kết hợp hài hoà giữa các căn cứ khoa học như : giáo dục học, xã hội học, tâm lý học, điều khiển học và khoa học quản lý.

Chủ thể quản lý trường học là ban giám hiệu đứng đầu là hiệu trưởng. Đối tượng quản lý là các tổ chức của nhà trường , là tập thể cán bộ , giáo viên, học sinh và các nguồn lực giáo dục khác , phù hợp với quy luật khoa học (*quản lý, giáo dục, tâm lý, kinh tế, xã hội...*) nhằm đạt được mục tiêu giáo dục.

Theo tác giả Nguyễn Ngọc Quang: “*Quản lý giáo dục là tác động có hệ thống, có kế hoạch, hợp quy luật của chủ thể quản lý làm cho hệ vận hành theo đường lối, nguyên lý của Đảng, thực hiện được các tính chất của nhà trường xã hội chủ nghĩa Việt Nam mà tiêu điểm hội tụ là quá trình dạy học, giáo dục thế hệ trẻ, đưa hệ thống giáo dục đến mục tiêu dự kiến tiến lên trạng thái mới về chất*” [23, tr. 45].

Theo tác giả Trần Kiểm: “*Quản lý giáo dục là tác động có hệ thống, có ý thức và hướng đích của chủ thể quản lý ở các cấp khác nhau nhằm mục đích đảm bảo sự hình thành nhân cách cho thế hệ trẻ trên cơ sở nhận thức và vận dụng những quy luật chung của xã hội cũng như các quy luật của giáo dục và của sự phát triển tâm lý và thể lực của trẻ em*” [16, tr. 30].

Từ những khái niệm nêu trên có thể khái quát: *Quản lý giáo dục trong nhà trường là những tác động có hệ thống, có kế hoạch, có ý thức và hướng tới đích*

Trong giáo dục, quản lý chất lượng tổng thể bao hàm ý nghĩa là mọi người trong nhà trường dù ở cương vị nào, chức vụ gì, làm nhiệm vụ gì cũng là người quản lý nhiệm vụ bản thân mình trong quá trình cải tiến liên tục với từng dự án nhỏ kế thừa, tích lũy nhau và với mục đích tối cao là thỏa mãn các nhu cầu của khách hàng với chất lượng cao nhất. Thực chất của quản lý chất lượng tổng thể là cải tiến liên tục, cải tiến từng bước và luôn hướng tới khách hàng. Quản lý tổng thể gần đây được áp dụng cho giáo dục trên cơ sở mở rộng và phát triển hệ thống đảm bảo chất lượng giáo dục. Quản lý chất lượng tổng thể nhằm tạo ra một nền văn hoá chất lượng, trong đó mỗi người đều cố gắng đáp ứng tối đa yêu cầu học tập của người học và các đòi hỏi của xã hội. Quản lý tổng thể có thể đạt được khi những người thực hiện nhận thức được các khái niệm và công cụ đo lường, đánh giá chất lượng, khi những người thực hiện có ý thức về việc nâng cao chất lượng.

Từ những phân tích nêu trên, chúng tôi định nghĩa: “*Quản lý chất lượng giáo dục về thực chất là quá trình định hướng và kiểm soát chất lượng quá trình giáo dục, với những tác động liên tục nhằm duy trì và nâng cao chất lượng hoạt động của toàn hệ thống giáo dục quốc dân và từng nhà trường*”.

1.2.4. Quản lý kiểm định chất lượng giáo dục trường mầm non

Như phân tích ở phần lịch sử nghiên cứu, hầu hết các nghiên cứu đều nghiên cứu về kiểm định chất lượng giáo dục. Chưa có công trình nào nghiên cứu một cách cụ thể về lý luận quản lý KĐCLGD trường MN. Tuy nhiên, trong thực tế việc quản lý KĐCLGD được diễn ra ở các quốc gia có tiến hành thực hiện việc kiểm định chất lượng.

Ở Mỹ, việc quản lý các hoạt động KĐCLGD được 2 tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục không trực tiếp kiểm định các cơ sở giáo dục mà chỉ làm nhiệm vụ công nhận (recognizing agencies) các tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục khác. Đó là Bộ Giáo dục liên bang (United State Department of Education viết tắt là USDE) và Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục đại

học (Council for higher Education Accreditation viết tắt là CHEA), trong đó USDE là cơ quan chính phủ và CHEA là cơ quan phi chính phủ. Hai cơ quan này không trực tiếp kiểm định các trường mà cấp phép kiểm định cho các tổ chức kiểm định có đủ điều kiện hành nghề. Như vậy, việc kiểm định các tổ chức kiểm định là một hình thức để quản lý các hoạt động kiểm định chất lượng giáo dục.

Ở Việt Nam, theo Luật Giáo dục 2005, ở Điều 99 về nội dung quản lý nhà nước về giáo dục có nêu “*Tổ chức, quản lý việc bảo đảm chất lượng giáo dục và kiểm định chất lượng giáo dục*”. Như vậy, ta thấy quản lý kiểm định chất lượng giáo dục đã được quan tâm từ các văn bản pháp quy cho đến triển khai thực tế tại Việt Nam. Vì đây là lĩnh vực mới nên cũng chưa có tác giả nào trong nước đi sâu và nghiên cứu về lý luận này.

Để có khái niệm về quản lý KĐCLGD nói chung và quản lý KĐCLGD trường MN nói riêng, tác giả đã xem xét nhìn nhận các hoạt động KĐCLGD như là một hoạt động giáo dục khác trong tổ chức giáo dục và vận dụng thực tế công việc quản lý các hoạt động kiểm định chất lượng của bản thân cũng như các nghiên cứu về các lý luận quản lý nói chung và quản lý giáo dục nói riêng, kết hợp với khái niệm về KĐCLGD để đưa ra khái niệm về quản lý KĐCLGD trường MN như sau “*Quản lý KĐCLGD trường MN là quá trình tác động có mục đích của chủ thể quản lý đến hoạt động KĐCLGD trường MN thông qua các hoạt động xây dựng kế hoạch, tổ chức, chỉ đạo, kiểm tra, giám sát việc thực hiện tự đánh giá, đánh giá ngoài, công nhận và cấp giấy chứng nhận về KĐCLGD trường MN theo tiêu chuẩn chất lượng do cơ quan quản lý giáo dục ban hành nhằm mục đích nâng cao chất lượng giáo dục mầm non*”, và đây cũng là khái niệm tác giả chọn làm lý luận cho luận văn.

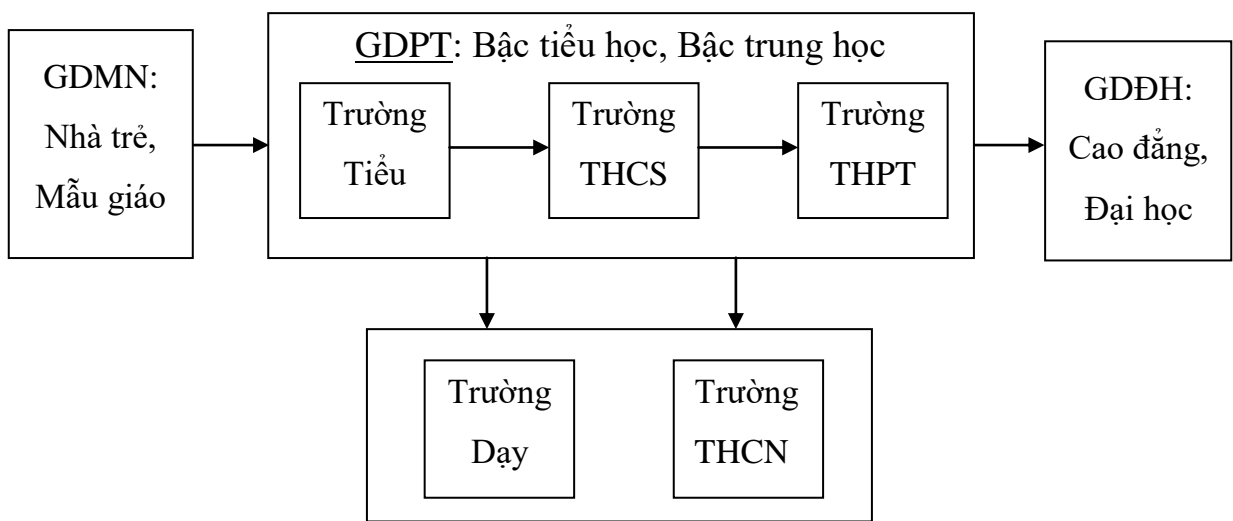
1.3. Một số vấn đề về kiểm định chất lượng giáo dục trường mầm non

1.3.1. Trường mầm non trong hệ thống giáo dục quốc dân

Giáo dục mầm non là mắt xích đầu tiên trong hệ thống Giáo dục Quốc dân, là giai đoạn khởi đầu đặt nền móng cho sự hình thành và phát triển nhân

cách trẻ em do đó nó có vai trò đặc biệt quan trọng trong sự nghiệp xây dựng và đào tạo thế hệ trẻ. Chính vì thế hầu hết các quốc gia và các tổ chức Quốc tế đều xác định giáo dục mầm non là bậc học quan trọng trong quá trình giáo dục con người.

Trường MN gắn liền với địa bàn dân cư xã, phường, thị trấn hoặc liên xã, là trung tâm văn hoá của địa phương, chịu sự quản lý trực tiếp của phòng GD&ĐT, sự lãnh đạo của cấp uỷ Đảng, chính quyền cấp xã, vị trí trong hệ thống giáo dục quốc dân như sơ đồ sau:



Sơ đồ 1.2: Vị trí của trường MN trong hệ thống giáo dục quốc dân

Nghị quyết lần thứ II Ban chấp hành Trung ương Đảng khoá VIII khẳng định “*Giáo dục trẻ em trước tuổi đến trường phải là mục tiêu lớn trong chiến lược giáo dục*” [21].

Nghị quyết về cải cách giáo dục của Bộ Chính trị cũng đã nêu rõ vai trò to lớn của công tác giáo dục mầm non càng làm tốt công tác giáo dục mầm non thì càng có điều kiện thuận lợi để đạt chất lượng cao trong giáo dục phổ thông và mở rộng sự nghiệp giải phóng phụ nữ.

Đặc biệt, ngày 09/02/2010, Thủ tướng Chính phủ đã có Quyết định số 239/QĐ-TTg phê duyệt Đề án phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi giai đoạn 2010-2015 nhằm: *Chuẩn bị những điều kiện tốt hơn cho các cấp học tiếp theo, nâng cao chất lượng chăm sóc, giáo dục trẻ* [8].

Ngày 13/6/2012, Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quyết định số 711/QĐ-TTg phê duyệt chiến lược phát triển giáo dục giai đoạn 2011 - 2020 trong đó chỉ rõ mục tiêu cụ thể cho giáo dục mầm non: *Hoàn thiện mục tiêu phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi vào năm 2015; đến năm 2020 có ít nhất 30% trẻ trong độ tuổi nhà trẻ và 80% trẻ trong độ tuổi mẫu giáo được chăm sóc tại các cơ sở giáo dục mầm non; tỷ lệ trẻ suy dinh dưỡng trong các cơ sở giáo dục giảm xuống dưới 10%* [8].

1.3.2. Cơ sở pháp lý về kiểm định chất lượng giáo dục trường MN

1.3.2.1. Các văn bản quy định về kiểm định chất lượng giáo dục trường mầm non

Cũng tương tự như đối với quản lý giáo dục nói chung, quản lý KĐCLGD trường MN nói riêng bao gồm quản lý nhà nước về KĐCLGD trường MN (cấp độ hệ thống, vĩ mô) và quản lý nhà trường về KĐCLGD trường MN (cấp độ cơ sở, vi mô). Từ năm 2005 đến nay, KĐCLGD các cấp học nói chung và KĐCLGD trường MN nói riêng đã được cơ quan quản lý nhà nước và Bộ GD&ĐT ban hành các văn bản quy phạm pháp luật và các văn bản chuyên môn như:

- Luật Giáo dục 2005 ở Điều 17 thể hiện “*Bộ trưởng Bộ GD&ĐT có trách nhiệm chỉ đạo thực hiện kiểm định chất lượng giáo dục*”, và ở Luật bổ sung sửa đổi một số điều của Luật Giáo dục năm 2009 đã thể hiện rất rõ về KĐCLGD ở Điều 110a, 110b, 110c.

- Năm 2006, Nghị định số 75/2006/NĐ-CP ngày 02/8/2006 về việc quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giáo dục.

- Thông tư số 25/2014/TT-BGDĐT ngày 07/8/2014 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT về việc ban hành Quy định về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng giáo dục, chu kỳ kiểm định chất lượng giáo dục trường mầm non.

- Công văn số 6339/BGDĐT-KTKĐCLGD ngày 05/11/2014 của Bộ GD&ĐT về việc Hướng dẫn tự đánh giá và đánh giá ngoài trường mầm non.

- Công văn số 1988/KTKĐCLGD-KĐPT, ngày 02/12/2014 về việc xác định yêu cầu, gợi ý tìm minh chứng theo tiêu chuẩn đánh giá chất lượng giáo dục trường mầm non.

Như vậy, qua nội dung trên, ta thấy rõ vai trò quản lý của nhà nước đối với KĐCLGD nói chung với KĐCLGD trường MN nói riêng. Ở cấp vĩ mô (Bộ GD&ĐT) ban hành tiêu chuẩn đánh giá chất lượng trường MN và chu kỳ kiểm định chất lượng giáo dục trường MN. Theo đó, Bộ GD&ĐT cũng ban hành nguyên tắc hoạt động, điều kiện và tiêu chuẩn của tổ chức, cá nhân hoạt động kiểm định chất lượng giáo dục; cấp phép hoạt động kiểm định chất lượng giáo dục; cấp, thu hồi giấy chứng nhận kiểm định chất lượng giáo dục. Thực tế, hiện nay đối với việc này chỉ mới thực hiện ở bậc Đại học, Cao đẳng, TCCN thông qua các Thông tư số 60/2012/TT-BGDĐT, Thông tư số 61/2012/TT-BGDĐT và Thông tư số 62/2012/TT- BGDĐT. Riêng đối với các trường phổ thông, các trường mầm non Bộ GD&ĐT đã phân cấp việc này cho Sở GD&ĐT.

Trước đây, việc cấp giấy chứng nhận và công bố kết quả kiểm định theo Thông tư số 45/2011/TT-BGDĐT ngày 11 tháng 10 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT ban hành quy định về quy trình và chu kỳ kiểm định chất lượng trường mầm non đã quy định Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện trên cơ sở đề nghị của Sở GD&ĐT. Tuy nhiên, theo Thông tư số 25/2014/TT-BGDĐT ngày 07/8/2014, ở Điều 32 đã quy định việc cấp giấy chứng nhận chất lượng giáo dục và công bố kết quả kiểm định chất lượng giáo dục là do Giám đốc Sở GD&ĐT. Đây là sự khác biệt rất rõ trong phân cấp quản lý cho các Sở GD&ĐT về quản lý hoạt động KĐCLGD trường MN.

1.3.2.2. Chuẩn đánh giá hiệu trưởng trường MN

Ngoài chuẩn đánh giá chất lượng như đã phân tích ở trên. Trường MN còn được quản lý bởi các chuẩn mực khác như chuẩn hiệu trưởng, chuẩn nghiệp giáo viên và một số chuẩn khác... Ở phần này, luận văn trình bày lại một cách tổng quát nội dung của một số chuẩn có liên quan được sử dụng để đánh giá trong từng tiêu chí của bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng trường MN.

Nội dung của chuẩn hiệu trưởng MN được tích hợp trong bộ chuẩn đánh giá chất lượng trường MN theo Thông tư 25 ở tiêu chuẩn 2, tiêu chí 1, chỉ số b

(Tiêu chí 2.1. Năng lực của hiệu trưởng, phó hiệu trưởng trong quá trình triển khai các hoạt động giáo dục - Chỉ số b. *Được đánh giá hằng năm đạt từ loại khá trở lên theo Quy định Chuẩn hiệu trưởng trường mầm non*).

Thông tư số 17/2011/TT-BGDĐT ngày 14 tháng 4 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về chuẩn hiệu trưởng trường mầm non. Theo Thông tư này, mục đích ban hành chuẩn đánh giá hiệu trưởng trường mầm non nhằm để hiệu trưởng tự đánh giá, từ đó xây dựng kế hoạch học tập, rèn luyện, tự hoàn thiện và nâng cao năng lực lãnh đạo, quản lý nhà trường; làm căn cứ để cơ quan quản lý giáo dục đánh giá, xếp loại hiệu trưởng phục vụ công tác sử dụng, bổ nhiệm, miễn nhiệm, đào tạo, bồi dưỡng và đề xuất, thực hiện chế độ, chính sách đối với hiệu trưởng; làm căn cứ để các cơ sở đào tạo, bồi dưỡng nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục xây dựng, đổi mới chương trình đào tạo, bồi dưỡng nhằm nâng cao năng lực lãnh đạo, quản lý của hiệu trưởng.

Nội dung chuẩn bao gồm 4 tiêu chuẩn, 19 tiêu chí và 57 chỉ số. Tiêu chuẩn 1: Về phẩm chất chính trị và đạo đức nghề nghiệp (gồm 5 tiêu chí, và 17 chỉ số); Tiêu chuẩn 2: Về năng lực chuyên môn, nghiệp vụ sư phạm (gồm 3 tiêu chí và 10 chỉ số); Tiêu chuẩn 3: Về năng lực quản lý nhà trường (gồm 9 tiêu chí và 27 chỉ số); Tiêu chuẩn 4: Về năng lực tổ chức phối hợp với gia đình trẻ và xã hội (gồm 2 tiêu chí và 6 chỉ số).

Hiện nay, hiệu trưởng trường MN hằng năm phải tự đánh giá theo chuẩn và được sự đánh giá bên ngoài của đội ngũ, đồng nghiệp trong nhà trường sau đó là sự xét duyệt và đồng ý của Phòng GD&ĐT. Đánh giá bằng hình thức cho điểm và xếp loại.

1.3.2.3. Chuẩn đánh giá nghề nghiệp giáo viên trường MN

Nội dung của chuẩn nghề nghiệp giáo viên MN được tích hợp trong bộ chuẩn đánh giá chất lượng trường MN theo thông tư 25 ở tiêu chuẩn 2, tiêu chí 2,3, chỉ số a.

Ngày 22/01/2008, Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo đã ban hành Quyết định số 02/2008/QĐ-BGDĐT quy định chuẩn nghề nghiệp giáo viên mầm non. Mục đích ban hành quy định chuẩn nghề nghiệp giáo viên mầm non là giúp giáo viên mầm non tự đánh giá phẩm chất chính trị, đạo đức lối sống, năng lực nghề nghiệp từ đó xây dựng kế hoạch rèn luyện phẩm chất đạo đức và nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ; làm cơ sở để đánh giá, xếp loại giáo viên hằng năm phục vụ công tác xây dựng quy hoạch, kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng và sử dụng đội ngũ giáo viên mầm non; làm cơ sở để xây dựng, phát triển chương trình đào tạo, bồi dưỡng giáo viên mầm non; làm cơ sở để nghiên cứu, đề xuất và thực hiện chế độ chính sách đối với giáo viên mầm non; cung cấp tư liệu cho các hoạt động quản lý khác.

Nội dung của chuẩn bao gồm: 3 tiêu chuẩn, 15 tiêu chí và 50 chỉ số các yêu cầu. Về phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống (5 tiêu chí); Về kiến thức (5 tiêu chí); Về kỹ năng sư phạm (5 tiêu chí).

Hiện nay, tất cả giáo viên MN hằng năm phải tự đánh giá theo bộ chuẩn, sau đó là đánh giá bên ngoài của tổ trưởng bộ môn. Cuối cùng là sự xét duyệt của hiệu trưởng. Đánh giá bằng hình thức cho điểm và xếp loại.

1.3.3. Mục đích và nguyên tắc kiểm định chất lượng giáo dục trường mầm non

KĐCLGD trường MN nhằm hai mục đích: (1) Công nhận nhà trường hay chương trình giáo dục của nhà trường đáp ứng các chuẩn mực quy định. (2) Hỗ trợ, mang lại động lực cải tiến và nâng cao chất lượng chương trình giáo dục cũng như chất lượng toàn trường. KĐCLGD được coi là hoạt động có hiệu quả khi không chỉ đánh giá xem một trường hay một chương trình đào tạo có đạt chất lượng hay không mà còn phải có vai trò như những chuyên gia tư vấn sẵn sàng giúp nhà trường giải quyết các vấn đề tồn đọng và không ngừng nâng cao chất lượng các hoạt động giáo dục.

Mục tiêu của KĐCLGD trường MN không chỉ đơn thuần là chuẩn hóa các hoạt động đảm bảo chất lượng để duy trì và cải tiến chất lượng giáo dục mà quan trọng là hướng tới xây dựng, phát triển văn hóa chất lượng.

Một số nơi, kiểm định còn nhằm mục đích giải trình với xã hội, với các cơ quan quyền lực hay các cơ quan, tổ chức tài trợ, cấp kinh phí. Người học trước khi lựa chọn trường để đăng ký dự tuyển, các doanh nghiệp sử dụng lao động trước khi tuyển chọn cũng thường cân nhắc xem nhà trường hay ngành đào tạo đã được kiểm định hay chưa... *Mục đích của kiểm định chất lượng không chỉ là đảm bảo cơ sở giáo dục có trách nhiệm đối với chất lượng giáo dục mà còn mang lại động lực cải tiến và nâng cao chất lượng chương trình giáo dục cũng như chất lượng toàn cơ sở giáo dục.* Kết quả kiểm định, góp phần định hướng các hoạt động sau đây của xã hội: *Định hướng lựa chọn đầu tư của người học, của phụ huynh* đối với cơ sở giáo dục có chất lượng và hiệu quả hơn mà phù hợp với khả năng của mình. *Định hướng lựa chọn đầu tư của nhà nước* để đào tạo nguồn nhân lực theo những ngành nghề cần thiết cho sự phát triển trong tương lai. *Định hướng đầu tư của các doanh nghiệp* cần nguồn nhân lực thích hợp cho doanh nghiệp của mình. *Định hướng cho các nhà đầu tư nước ngoài* làm từ thiện hay cần phát triển vốn của mình. *Định hướng phát triển* cho các cơ sở giáo dục để tăng cường năng lực cạnh tranh trong và ngoài nước (xây dựng văn hoá chất lượng, không ngừng nâng cao chất lượng và hiệu quả học thuật, quản lý và tài chính.).

Theo Bộ Giáo dục và Đào tạo (2012) *Mục đích kiểm định chất lượng giáo dục trường MN* nhằm giúp trường MN xác định mức độ đáp ứng mục tiêu giáo dục trong từng giai đoạn, để xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng giáo dục, nâng cao chất lượng các hoạt động giáo dục; thông báo công khai với các cơ quan quản lý nhà nước và xã hội về thực trạng chất lượng của trường MN; để cơ quan quản lý nhà nước đánh giá và công nhận cơ sở giáo dục đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục.

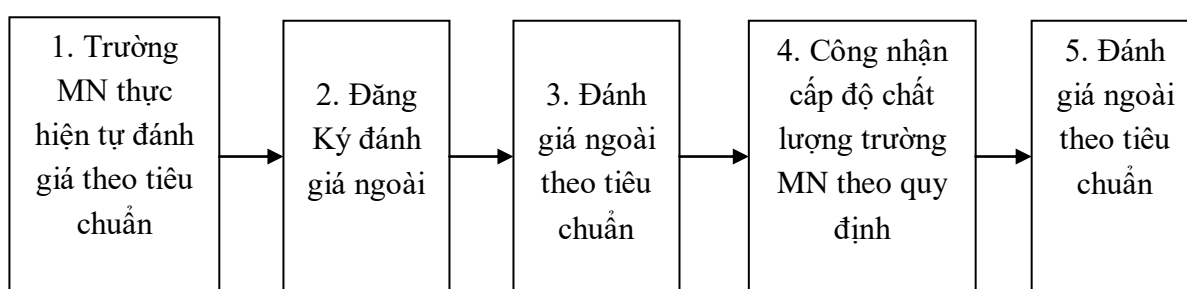
Theo Luật Bổ sung sửa đổi một số điều của Luật Giáo dục 2009, nguyên tắc kiểm định chất lượng giáo dục trường MN là độc lập, khách quan, đúng pháp luật, trung thực, công khai, và minh bạch.

1.3.4. Quy trình và chu kỳ KĐCLGD trường mầm non

Quy trình kiểm định chất lượng giáo dục trường mầm non gồm các bước sau

1. Tự đánh giá của trường mầm non.
2. Đăng ký đánh giá ngoài của trường mầm non.
3. Đánh giá ngoài trường mầm non.
4. Công nhận trường mầm non đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục và cấp giấy chứng nhận chất lượng giáo dục.

Ở Việt Nam tự đánh giá mới tiến hành đăng ký đánh giá ngoài.



Sơ đồ 1.3: Quy trình KĐCLGD trường MN với chu kỳ 5 năm

1.3.4.1. Tự đánh giá trường mầm non và minh chứng trong tự đánh giá

a. Tự đánh giá

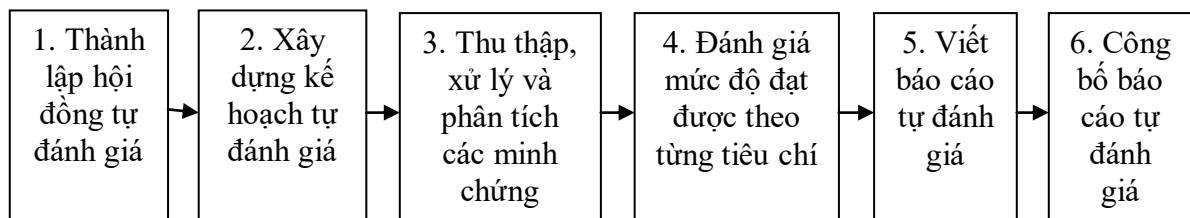
Theo ISO, tự đánh giá (Self evaluation) hay đánh giá nội bộ một tổ chức, hay doanh nghiệp là quá trình do chính con người của tổ chức, doanh nghiệp đó thực hiện theo quy định của yêu cầu đánh giá nội bộ nhằm xác định mức độ thực hiện và hiệu quả của hệ thống quản lý chất lượng đang được vận hành tại tổ chức, doanh nghiệp.

Tự đánh giá của cá nhân và tổ chức là một quá trình tìm ra các điểm mạnh và điểm yếu của cá nhân hay tổ chức và do cá nhân hay tổ chức đó tự tiến hành nhằm nâng cao năng lực của cá nhân hay tổ chức.

Tự đánh giá của một trường MN là một quá trình tự rà soát, rút kinh nghiệm và tự hoàn thiện cơ cấu tổ chức, quá trình quản lý và giảng dạy thông qua việc tự chỉ ra những tồn tại và có biện pháp khắc phục nhằm nâng cao chất lượng dạy và học.

Theo Bộ Giáo dục và Đào tạo (2014), tự đánh giá của trường MN là quá trình trường MN tự xem xét, kiểm tra, đánh giá trường MN theo tiêu chuẩn đánh giá chất lượng giáo dục do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành để xác định thực trạng chất lượng, hiệu quả giáo dục, nhân lực, cơ sở vật chất, từ đó có kế hoạch cải tiến nhằm đáp ứng các tiêu chuẩn đánh giá chất lượng giáo dục.

Phạm vi tự đánh giá là theo Bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng trường MN. Tự đánh giá được thực hiện theo kế hoạch chặt chẽ nhằm sử dụng có hiệu quả thời gian và các nguồn lực của nhà trường để đảm bảo đạt được mục tiêu tự đánh giá. Để thực hiện được việc này, hiệu trưởng nhà trường là chủ tịch hội đồng tự đánh giá, và phân công các thành viên trong trường là phó chủ tịch, là thư ký, là ủy viên của hội đồng tự đánh giá. Trên cơ sở bộ tiêu chuẩn, hiệu trưởng phân công cho các thành viên một cách hợp lý giữa công việc thực tế tại trường và tiêu chuẩn tương thích. Tiến hành đánh giá các hoạt động của trường theo từng tiêu chí, mỗi tiêu chí có 3 chỉ số. Thông qua tự đánh giá, nhà trường phân tích điểm mạnh, điểm yếu của nhà trường theo từng nội hàm (yêu cầu) của chỉ số, tiêu chí và đề ra kế hoạch hành động cải tiến chất lượng một cách khả thi cho từng công việc cụ thể. Chính vì vậy, nhà trường đã có dịp rà soát toàn bộ hoạt động của nhà trường một cách chi tiết, đầy đủ theo chuẩn mực và tự đánh giá mình theo chuẩn xem thử trường mình đang ở đâu? Đạt mức nào? Làm sao để cải thiện những điểm yếu? Làm sao để phát huy điểm mạnh. Sản phẩm của tự đánh giá là báo cáo tự đánh giá cùng với các hoạt động của nhà trường được trình bày trong báo cáo tự đánh giá.



Sơ đồ 1.4: Quy trình tự đánh giá trường mầm non theo tiêu chuẩn

b. Minh chứng trong báo cáo tự đánh giá

Minh chứng được thu thập để hỗ trợ và minh họa cho các nhận định trong báo cáo tự đánh giá. Trong kiểm định chất lượng giáo dục, minh chứng được hiểu là những văn bản, hồ sơ, sổ sách, băng, đĩa hình, hiện vật đã và đang có của cơ sở giáo dục phù hợp với yêu cầu của các chỉ số trong từng tiêu chí. Minh chứng được sử dụng để chứng minh cho các phân tích, giải thích từ đó đưa ra các nhận định, kết luận trong báo cáo tự đánh giá. Minh chứng được thu thập từ các nguồn: hồ sơ lưu trữ của cơ sở giáo dục, các cơ quan có liên quan, khảo sát, điều tra, phỏng vấn và quan sát các hoạt động giáo dục của cơ sở giáo dục,... Minh chứng phải có nguồn gốc rõ ràng và bảo đảm tính chính xác. Căn cứ yêu cầu của từng chỉ số trong các tiêu chí thuộc tiêu chuẩn đánh giá chất lượng giáo dục, nhóm hoặc cá nhân tiến hành thu thập minh chứng; Minh chứng phải đảm bảo độ tin cậy và chính xác. Minh chứng phải gắn các tiêu chí để xác định mức độ đạt được trong mỗi tiêu chí và được sử dụng làm căn cứ để đưa ra các nhận định trong báo cáo tự đánh giá. Minh chứng đã thu thập cần được xử lý, phân tích trước khi dùng làm căn cứ hoặc minh họa cho các nhận định, kết luận trong báo cáo tự đánh giá.

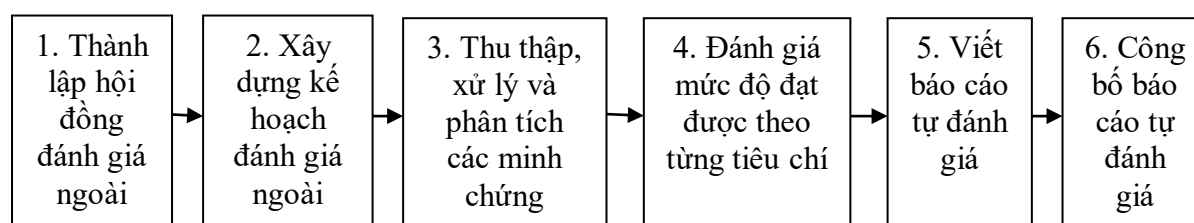
1.3.4.2. Đánh giá ngoài trường mầm non

Theo ISO, đánh giá ngoài (External evaluation) là đánh giá của đại diện khách hàng hoặc là đánh giá do các tổ chức đánh giá độc lập bên ngoài tiến hành để đánh giá xác định mức độ thực hiện và hiệu quả của hệ thống quản lý chất lượng đang được vận hành tại tổ chức, doanh nghiệp và cấp giấy chứng nhận cho tổ chức, doanh nghiệp đó.

Trong giáo dục, đánh giá ngoài là bước quan trọng tiếp theo sau tự đánh giá trong quy trình kiểm định chất lượng các cơ sở giáo dục. Đánh giá ngoài là cơ sở để ra quyết định công nhận kết quả kiểm định và là bằng chứng về uy tín và mức độ đạt được các chuẩn mực chất lượng của nhà trường. Theo UNESCO (2007), đánh giá ngoài là một khâu trong tiến trình kiểm định cơ sở giáo dục được tiến

hành bởi các chuyên gia, đồng nghiệp, đánh giá viên,... do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định hay do các tổ chức kiểm định độc lập nhằm xem xét, phân tích dữ liệu, minh chứng của cơ sở giáo dục được đánh giá trong báo cáo tự đánh giá để đề xuất mức chất lượng của cơ sở giáo dục đó theo tiêu chuẩn đã ban hành. Cũng theo UNESCO (2007), đánh giá ngoài được tiến hành bởi ba giai đoạn: một là xem xét, phân tích báo cáo tự đánh giá; hai là viếng thăm trường hay chuyên khảo sát thực tế đến trường; ba là viết báo cáo đánh giá ngoài [28].

Bộ Giáo dục và Đào tạo (2014), *đánh giá ngoài trường MN* là hoạt động đánh giá của cơ quan quản lý nhà nước nhằm xác định mức độ đạt được tiêu chuẩn đánh giá chất lượng giáo dục trường MN.



Sơ đồ 1.5: Quy trình đánh giá ngoài trường MN theo tiêu chuẩn

1.3.4.3. Công nhận cấp độ chất lượng

Theo UNESCO (2007), kết quả kiểm định được công bố chính thức trên các kênh thông tin đại chúng. Giấy chứng nhận kết quả KĐCLGD cấp cho cơ sở giáo dục do cơ quan chủ quản hay chủ tịch các hiệp hội kiểm định ký. Kết luận về kết quả kiểm định là cuối cùng. Không giải quyết các khiếu nại sau khi văn bản kết luận đã được công bố chính thức. Kết quả kiểm định có giá trị từ 5 - 6 năm tùy thuộc vào quy định của mỗi nước. Sau khi đã được công nhận kết quả kiểm định, hằng năm nhà trường đó vẫn phải gửi báo cáo tự đánh giá tới hội đồng kiểm định, và hội đồng kiểm định có thể cử đoàn đánh giá ngoài tới trường khi cần thiết [28].

Theo Bộ Giáo dục và Đào tạo (2014), trường MN được đánh giá và công nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục theo tiêu chuẩn đánh giá chất lượng giáo dục trường MN với ba cấp độ:

- a) *Cấp độ 1: Trường mầm non có ít nhất 60% tiêu chí đạt yêu cầu;*
- b) *Cấp độ 2: Trường mầm non có từ 70% đến dưới 85% tiêu chí đạt yêu cầu, trong đó phải đạt được các tiêu chí sau:*
- *Tiêu chuẩn 1 gồm các tiêu chí: 1, 2, 4, 7.*
 - *Tiêu chuẩn 2 gồm các tiêu chí: 1, 2, 5.*
 - *Tiêu chuẩn 3 gồm các tiêu chí: 3, 6.*
 - *Tiêu chuẩn 4 gồm tiêu chí: 1.*
 - *Tiêu chuẩn 5 gồm các tiêu chí: 1, 2, 3, 4, 5.*
- c) *Cấp độ 3: Trường mầm non có ít nhất 85% tiêu chí đạt yêu cầu, trong đó phải đạt được các tiêu chí quy định ở cấp độ 2.*

1.3.5. Tiêu chuẩn, tiêu chí, chỉ số trong đánh giá chất lượng trường mầm non

1.3.5.1. Tiêu chuẩn (standard)

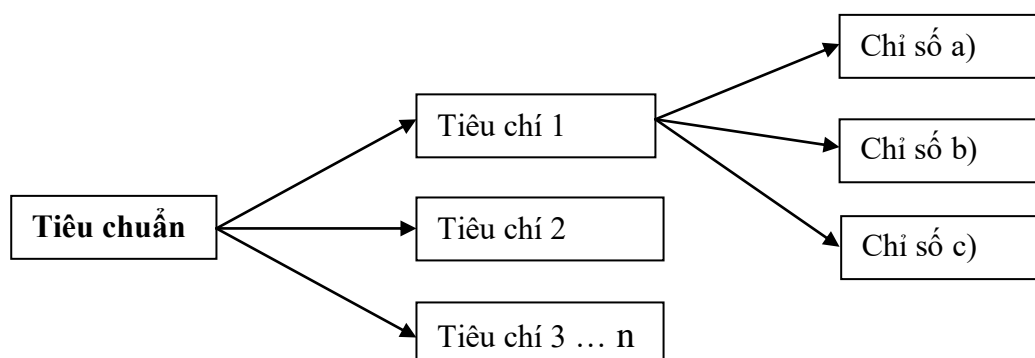
Theo các tài liệu về kỹ thuật, tiêu chuẩn là quy định về đặc tính kỹ thuật và yêu cầu quản lý dùng làm chuẩn để phân loại, đánh giá sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ, quá trình, môi trường và các đối tượng khác trong hoạt động kinh tế - xã hội nhằm nâng cao chất lượng và hiệu quả của các đối tượng này. Theo các tài liệu về kinh doanh, tiêu chuẩn là những tài liệu được xuất bản đặt ra thông số kỹ thuật và thủ tục được thiết kế để đảm bảo các sản phẩm, dịch vụ và hệ thống an toàn, đáng tin cậy và nhất quán thực hiện theo cách mà họ đã dự định. Họ thiết lập một ngôn ngữ chung trong đó xác định chất lượng và an toàn tiêu chuẩn. Tiêu chuẩn theo định nghĩa của Anh, tiêu chuẩn là tài liệu kỹ thuật được công bố, trong đó có các tiêu chí kỹ thuật hay các tiêu chí giá trị được thiết kế sử dụng như là các nguyên tắc, chỉ dẫn hay định nghĩa. Như vậy, *tiêu chuẩn chứa đựng các tiêu chí kỹ thuật để xử lý và đánh giá kết quả khi so sánh chất lượng của một sự việc, một người hay một tổ chức với chuẩn và các tiêu chí thể hiện giá trị cần có của sự việc, người hay tổ chức đó. Chuẩn là điều mà người ta mong đợi.*

1.3.5.2. Tiêu chí (Criterion)

Theo Andrea Leskes (2002), tiêu chí là những chỉ dẫn, các nguyên tắc, các tính chất hay đơn vị đo để đánh giá chất lượng thực hiện của người học, trường học. Các tiêu chí là cái mà chúng ta dùng để đo giá trị của các câu trả lời, các sản phẩm hay hoạt động của người học, trường học. Chúng có thể là tổng quát, toàn thể hay đặc trưng [27]. Tiêu chí là những yêu cầu về tính chất, đặc trưng của sự việc hay tổ chức mà những yêu cầu đó dùng để đánh giá chất lượng của sự việc hay tổ chức đó.

1.3.5.3. Chỉ số (Indicator)

Chỉ số là phương tiện đánh giá và thể hiện các yêu cầu của tiêu chí. Chỉ số có thể bao gồm một loạt các hành động cung cấp các bước cho đánh giá. Trong kế hoạch đánh giá, các chỉ số còn bao gồm phương tiện đánh giá và các chiến lược dùng để đánh giá. Chỉ số là yêu cầu đạt được của tiêu chí.



Sơ đồ 1.6: Cấu trúc tiêu chuẩn, tiêu chí, chỉ số đánh giá

1.3.6. Tiêu chuẩn đánh giá chất lượng trường mầm non của Bộ Giáo dục và Đào tạo

Thông tư số 25/2014/TT-BGDĐT, ngày 23 tháng 11 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy định về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng giáo dục và quy trình, chu kỳ kiểm định chất lượng giáo dục cơ sở giáo dục phổ thông, cơ sở giáo dục thường xuyên. Thông tư có hiệu lực thi hành kể từ ngày 06 tháng 01 năm 2013. Bộ tiêu chuẩn đánh giá trường MN theo thông tư này, gồm 5 tiêu chuẩn, 29 tiêu chí, 87 chỉ số (xem Phụ lục).

Tiêu chuẩn 1: Tổ chức và quản lý nhà trường (10 tiêu chí, 30 chỉ số); Tiêu chuẩn 2: Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh (5 tiêu chí, 15 chỉ số); Tiêu chuẩn 3: Cơ sở vật chất và trang thiết bị dạy học (6 tiêu chí, 18 chỉ số); Tiêu chuẩn 4: Quan hệ giữa nhà trường, gia đình và xã hội (3 tiêu chí, 9 chỉ số); Tiêu chuẩn 5: Hoạt động giáo dục và kết quả giáo dục (12 tiêu chí, 36 chỉ số).

Qua phân tích ta thấy có các chỉ số đánh giá định lượng, chỉ số đánh giá định tính. Điều này cho thấy, khi đánh giá chất lượng trường học mầm non thì phải kết hợp của việc đánh giá định lượng và đánh giá định tính.

Các chỉ số phải có minh chứng định tính (quan sát được, ví dụ như môi trường học thân thiện, giáo viên tích cực, học trò chăm ngoan, hiệu trưởng năng động,...) chỉ số được sử dụng phương pháp phỏng vấn, phương pháp điều tra khảo sát bằng phiếu, bảng hỏi, phương pháp quan sát,... để phân tích và xử lý minh chứng.

Tiêu chuẩn đánh giá chất lượng giáo dục là các yêu cầu đối với cơ sở giáo dục phổ thông để đảm bảo chất lượng giáo dục. Mỗi tiêu chuẩn bao gồm các tiêu chí đánh giá chất lượng giáo dục.

Tiêu chí đánh giá chất lượng giáo dục là yêu cầu đối với cơ sở giáo dục phổ thông, cơ sở giáo dục thường xuyên ở từng nội dung cụ thể của mỗi tiêu chuẩn. Mỗi tiêu chí có các chỉ số đánh giá chất lượng giáo dục.

Chỉ số đánh giá chất lượng giáo dục là yêu cầu đối với cơ sở giáo dục phổ thông, cơ sở giáo dục thường xuyên ở từng nội dung cụ thể của mỗi tiêu chí.

1.3.7. Kiểm định viên

Kiểm định viên là từ thường dùng để nói về con người thực hiện nhiệm vụ kiểm định chất lượng. Trong sản xuất chúng ta có bộ phận KCS (kiểm tra chất lượng sản phẩm) ở các khâu trong quá trình sản xuất. Nhiệm vụ của những người KCS trong sản xuất là kiểm tra, giám sát, để công nhận hay loại bỏ từ nguyên liệu, bán thành phẩm hay sản phẩm không phù hợp và cũng đề xuất các giải pháp cải tiến chất lượng sản phẩm.

Các tổ chức kiểm định giáo dục quốc tế ở Mỹ, Úc thành viên của hội đồng tự đánh giá của nhà trường hay thành viên của đoàn đánh giá ngoài đều được thông qua khóa tập huấn về đánh giá chất lượng giáo dục. Họ là những người đã có kinh nghiệm, thâm niên công tác trong lĩnh vực giáo dục mà họ chuẩn bị đánh giá. Tất cả kiểm định viên này có thể làm việc toàn thời gian hay bán thời gian cho các tổ chức kiểm định, và họ được điều động tham gia các đoàn khảo sát khi cần thiết.

Ở Việt Nam, theo Thông tư số 60/2012/TT-BGDĐT, kiểm định viên là người được tuyển chọn, đã hoàn thành chương trình đào tạo, bồi dưỡng kiểm định viên theo quy định, được cấp thẻ kiểm định viên, thực hiện nhiệm vụ kiểm định chất lượng giáo dục theo yêu cầu của các cơ sở giáo dục và các cơ quan, tổ chức có thẩm quyền khác. *Kiểm định viên kiểm định chất lượng giáo dục* là người hành nghề liên quan đến lĩnh vực kiểm định chất lượng giáo dục khi có đủ tiêu chuẩn, điều kiện hành nghề theo quy định về kiểm định viên kiểm định chất lượng giáo dục. *Trong luận văn này, tác giả xác định kiểm định viên là người thực hiện nhiệm vụ kiểm định chất lượng giáo dục trường học bao gồm cả hoạt động tự đánh giá và đánh giá ngoài khi có yêu cầu.* Tuy nhiên, trong thực tế của KĐCLGD mầm non chưa có đào tạo kiểm định viên chuyên nghiệp. Có nghĩa là chưa có kiểm định viên biên chế, hưởng mức lương, hay vị trí công việc như một vị trí lao động khác trong hệ thống giáo dục. Thực tế, tất cả thành viên đánh giá ngoài là những người đang công tác tại các trường mầm non, Sở GD&ĐT đều được thông qua một khóa tập huấn do Bộ GD&ĐT tổ chức. Theo yêu cầu hiện nay, thành viên đánh giá ngoài trường MN phải tốt nghiệp đại học, 5 năm công tác trong lĩnh vực giáo dục và hoàn thành khóa tập huấn đánh giá ngoài do Bộ GD&ĐT tổ chức.

1.4. Quản lý kiểm định CLGD của các trường mầm non

1.4.1. Phân cấp quản lý giáo dục

Theo Từ điển Tiếng Việt, phân cấp quản lý là giao bớt một phần quản lý cho cấp dưới, quy định và quyền hạn cho cấp dưới. Phân cấp (decentralization)

là dịch chuyển một số đơn vị hoặc bộ phận của một tổ chức lớn ra khỏi trung ương, hoặc trao thêm quyền lực cho các đơn vị địa phương. Phân cấp là việc chuyển giao quyền quyết định xuống các cấp thấp hơn cho phù hợp với trách nhiệm và quyền hạn; hoặc phân cấp tương đương với cấu trúc tổ chức mà trong đó nhiều cá nhân hay các đơn vị thành phần có thể ra quyết định.

Phân cấp quản lý giáo dục là quá trình thiết kế lại hệ thống quy trình trách nhiệm, quyền hạn, và tính chịu trách nhiệm (theo các chức năng hoặc thành phần của chức năng quản lý giáo dục) theo hướng dịch chuyển từ cấp trên xuống cấp dưới, nhà trường và cộng đồng, cũng như quy trình quan hệ công việc giữa các bên liên quan (trong và ngoài hệ thống quản lý giáo dục), nhằm sử dụng tối đa các nguồn lực để đạt mục tiêu đề ra.

1.4.2. Phân cấp quản lý và nội dung quản lý kiểm định chất lượng giáo dục trường mầm non

+ Cấp Bộ GD&ĐT

Ban hành về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng giáo dục và quy trình, chu kỳ, hướng dẫn tự đánh giá, đánh giá ngoài, các chính sách chung về KĐCLGD trường MN.

+ Cấp Sở GD&ĐT

Xây dựng kế hoạch KĐCLGD trường MN (bao gồm tự đánh giá và đánh giá ngoài), hướng dẫn, chỉ đạo, kiểm tra, giám sát trường MN thực hiện kiểm định chất lượng giáo dục theo quy định của Bộ GD&ĐT.

Tổ chức tập huấn chuyên môn, nghiệp vụ cho các đơn vị, cá nhân thực hiện công tác kiểm định chất lượng giáo dục.

Giám sát, chỉ đạo các trường MN thuộc quyền quản lý thực hiện kế hoạch cải tiến chất lượng giáo dục để không ngừng nâng cao chất lượng giáo dục.

Cuối mỗi năm học, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, Bộ GD&ĐT số lượng cơ sở giáo dục hoàn thành báo cáo tự đánh giá, số lượng cơ sở giáo dục được chấp nhận đánh giá ngoài, kế hoạch đánh giá

ngoài, kết quả đánh giá ngoài và các hoạt động liên quan đến kiểm định chất lượng giáo dục để được hướng dẫn, chỉ đạo, kiểm tra, thanh tra và giám sát.

+ Cấp trường MN

Thực hiện tự đánh giá theo quy định của các cơ quan quản lý giáo dục.

Thực hiện các kế hoạch cải tiến chất lượng đã đề ra trong báo cáo tự đánh giá, theo chỉ đạo của cơ quan quản lý trực tiếp và các khuyến nghị của đoàn đánh giá ngoài.

Chuẩn bị đầy đủ hồ sơ, dữ liệu liên quan đến hoạt động của cơ sở giáo dục, các điều kiện cần thiết khác để phục vụ công tác đánh giá ngoài; phản hồi ý kiến về dự thảo báo cáo đánh giá ngoài đúng thời hạn.

Củng cố và phát huy kết quả kiểm định chất lượng giáo dục, không ngừng nâng cao và cải tiến chất lượng giáo dục.

+ Cấp đoàn Đánh giá ngoài (đoàn đánh giá ngoài được thành lập theo từng thời điểm có trường MN đăng ký đánh giá ngoài)

Xây dựng kế hoạch làm việc của đoàn. Điều hành các hoạt động của đoàn đánh giá ngoài, chịu trách nhiệm trước Giám đốc Sở GD&ĐT về hoạt động của đoàn và kết quả đánh giá ngoài;

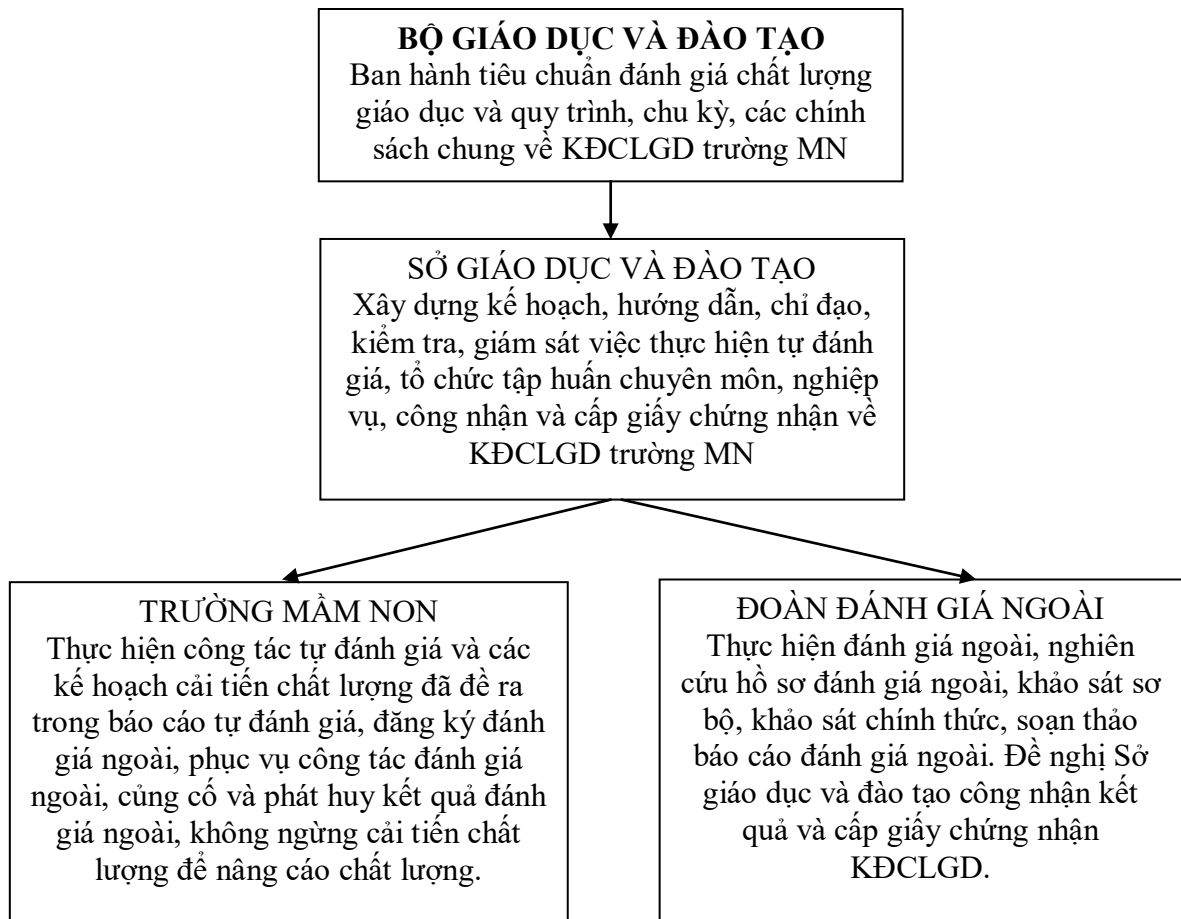
Phân công nhiệm vụ cho các thành viên của đoàn.

Chỉ đạo việc xây dựng báo cáo kết quả nghiên cứu hồ sơ đánh giá, báo cáo kết quả khảo sát tại cơ sở giáo dục và báo cáo đánh giá ngoài.

Thay mặt đoàn thông báo và thảo luận với cơ sở giáo dục về kết quả khảo sát, những nhận định và khuyến nghị của đoàn đối với cơ sở giáo dục.

Chuẩn bị hồ sơ, tài liệu phục vụ việc giải trình các yêu cầu, khiếu nại hoặc chất vấn của cơ quan quản lý giáo dục, của cơ sở giáo dục được đánh giá ngoài và của xã hội.

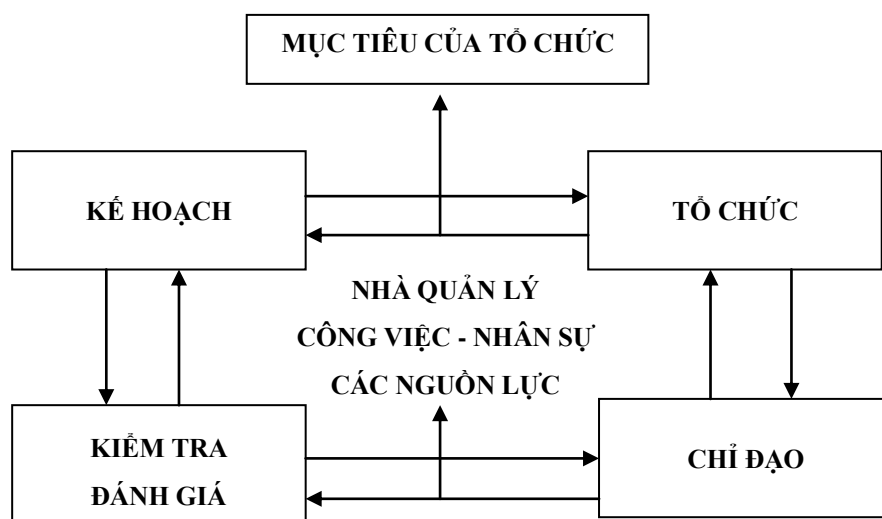
Tập hợp toàn bộ hồ sơ, tài liệu liên quan đến hoạt động của đoàn và chuyển về Sở GD&ĐT để lưu trữ sau khi kết thúc đánh giá ngoài.



Sơ đồ 1.7: Sơ đồ phân cấp và nội dung quản lý KĐCLGD trường MN

1.4.3. Chức năng quản lý kiểm định chất lượng giáo dục trường MN

Có nhiều quan điểm về xác định chức năng quản lý. Theo Nguyễn Lộc (2010) [19] các chức năng cơ bản của quản lý như sau:



Sơ đồ 1.8: Các chức năng của quản lý (Theo Nguyễn Lộc 2010)

Theo Sơ đồ 1.8, quá trình quản lý diễn ra các hoạt động cụ thể của chủ thể quản lý với sự tham gia tích cực của các thành viên trong tổ chức như dự báo, lập kế hoạch, tổ chức thực hiện, chỉ đạo, giám sát, kiểm tra đánh giá, trong đó các hoạt động trên đan xen nhau, tác động, bổ sung lẫn nhau để hoàn thiện cả quá trình quản lý. Tuy nhiên việc xác định các chức năng trong quá trình quản lý không thể rạch ròi, riêng biệt từng chức năng mà là quá trình đan xen, kết hợp để thực hiện mục tiêu cuối cùng của một quá trình quản lý.

1.4.4. Lập kế hoạch tự đánh giá và đánh giá ngoài trường mầm non

Lập kế hoạch là một chức năng cơ bản của quản lý, trong đó phải xác định những vấn đề như nhận dạng và phân tích tình hình, bối cảnh; dự báo các khả năng; lựa chọn và xác định các mục tiêu, mục đích và hoạch định con đường, cách thức, biện pháp để đạt được mục tiêu, mục đích của quá trình. Trong mỗi kế hoạch thường bao gồm các nội dung như xác định hình thành mục tiêu, xác định và đảm bảo về các điều kiện, nguồn lực của tổ chức để đạt được mục tiêu và cuối cùng là quyết định xem hoạt động nào là cần thiết để đạt được mục tiêu đặt ra.

Đối với Sở GD&ĐT, phải xây dựng kế hoạch năm học của từng bậc học, ngành học. Trên cơ sở kế hoạch năm học chung phải xây dựng kế hoạch tự đánh giá và đánh giá ngoài trường MN. Kế hoạch KĐCLGD trường MN phải xác định được mục đích tự đánh giá, đánh giá ngoài trường MN, thiết lập các chỉ tiêu tự đánh giá, đánh giá ngoài trường MN, huy động các nguồn lực thực hiện, xây dựng lộ trình và quy định thời gian thực hiện. Kế hoạch KĐCLGD trường MN được xây dựng một cách chi tiết cụ thể, rõ ràng về các hoạt động đảm bảo chất lượng, tự đánh giá, đánh giá ngoài, công nhận mức chất lượng theo quy định và cả kế hoạch tổ chức tập huấn chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên trường MN. Kế hoạch KĐCLGD trường MN được xây dựng và ban hành thành văn bản, chỉ đạo chung trong toàn ngành giáo dục.

Đối với trường MN, phải lập kế hoạch tổ chức thực hiện tự đánh giá viết báo cáo tự đánh giá, đăng ký đánh giá ngoài. Bao gồm cả kế hoạch cải tiến chất lượng của nhà trường sau tự đánh giá. Nhà trường sau khi hoàn thành tự đánh giá theo bộ tiêu chuẩn phải thực hiện kế hoạch cải tiến chất lượng đề ra để cải thiện chất lượng nhà trường. Ngoài ra, trường MN phải lập kế hoạch đăng ký đánh giá ngoài và chuẩn bị mọi yêu cầu để đón đoàn đánh giá ngoài.

Đối với đoàn đánh giá ngoài phải xây dựng kế hoạch làm việc của đoàn. Điều hành các hoạt động của đoàn đánh giá ngoài, chịu trách nhiệm trước Giám đốc Sở GD&ĐT về hoạt động của đoàn và kết quả đánh giá ngoài.

1.4.5. Tổ chức thực hiện tự đánh giá và đánh giá ngoài trường mầm non

Tổ chức là quá trình tạo lập các thành phần, cấu trúc, các quan hệ giữa các thành viên, giữa các bộ phận trong một tổ chức nhằm làm cho họ thực hiện thành công các kế hoạch và đạt được mục tiêu tổng thể của tổ chức. Thành tựu của một tổ chức phụ thuộc rất nhiều vào năng lực của người quản lý và sử dụng các nguồn lực của tổ chức. Quá trình tổ chức sẽ lôi cuốn việc hình thành, xây dựng các bộ phận, các phòng ban cùng các công việc của chúng để thực hiện nhiệm vụ của tổ chức.

Đối với Sở GD&ĐT, theo kế hoạch KĐCLGD đã được phê duyệt, tổ chức thực hiện tự đánh giá và đánh giá ngoài cho các trường MN. Phân công nhân sự để tiến hành thực hiện. Bao gồm các hoạt động như ban hành văn bản hướng dẫn thực hiện kế hoạch; phổ biến, quán triệt chủ trương, chính sách kiểm định chất lượng giáo dục. Tập huấn chuyên môn, nghiệp vụ về tự đánh giá và đánh giá ngoài theo tiêu chuẩn, xây dựng và triển khai hoạt động mạng lưới chuyên môn KĐCLGD trường MN. Lựa chọn nhân sự đánh giá ngoài (bao gồm trưởng đoàn cùng thư ký và các thành viên) trên các tiêu chí và yêu cầu về nhân sự được xây dựng sẵn. Ra quyết định thành lập các đoàn đánh giá ngoài, công nhận mức chất lượng theo tiêu chuẩn.

Đối với trường MN, tổ chức thực hiện hoạt động tự đánh giá cũng như thành lập hội đồng tự đánh giá, phân công công việc, thu thập minh chứng, viết

phiếu đánh giá tiêu chí, dự thảo báo cáo tự đánh giá, hoàn thiện báo cáo tự đánh giá và đăng ký đánh giá ngoài.

Đối với đoàn đánh giá ngoài tổ chức thực hiện các hoạt động đánh giá ngoài theo kế hoạch, phân công trách nhiệm của từng thành viên trong đoàn.

1.4.6. Chỉ đạo thực hiện hoạt động tự đánh giá và đánh giá ngoài trường mầm non

Chỉ đạo bao hàm việc định hướng và lôi cuốn mọi thành viên của tổ chức thông qua việc liên kết, liên hệ với người khác và khuyến khích, động viên họ hoàn thành những nhiệm vụ nhất định để đạt được mục tiêu của tổ chức. Tuy nhiên, hiểu chỉ đạo không chỉ sau khi lập kế hoạch có tổ chức thì mới có chỉ đạo, mà là quá trình đan xen. Nó thấm vào và ảnh hưởng quyết định đến các chức năng khác, điều hòa, điều chỉnh các hoạt động của tổ chức trong quá trình quản lý.

Đối với Sở GD&ĐT, để chỉ đạo thực hiện hoạt động tự đánh giá và đánh giá ngoài trường MN phải được lồng ghép và đan xen trong các chức năng khác trong suốt quá trình thực hiện KĐCLGD. Chỉ đạo thực hiện KĐCLGD trường MN bao hàm việc xây dựng các chế độ khuyến khích để các trường tham gia tự đánh giá, xây dựng các chính sách cho các thành viên tham gia đánh giá ngoài, tổ chức sơ kết, tổng kết hay hội thảo về công tác KĐCLGD...

Đối với trường MN, chỉ đạo thực hiện các hoạt động tự đánh giá đến toàn thể nhà trường theo phân công. Xây dựng các chế độ để trả thù lao, khuyến khích cho các cá nhân tham gia theo quy định.

Đối với đoàn đánh giá ngoài, chỉ đạo việc tổ chức thực hiện đánh giá ngoài, nghiên cứu hồ sơ đánh giá, khảo sát sơ bộ, khảo sát chính thức, xây dựng báo cáo kết quả nghiên cứu hồ sơ đánh giá, báo cáo kết quả khảo sát tại cơ sở giáo dục và báo cáo đánh giá ngoài.

1.4.7. Kiểm tra, đánh giá hoạt động tự đánh giá và đánh giá ngoài trường mầm non

Kiểm tra, đánh giá là chức năng của quản lý. Thông qua đó, một cá nhân, một nhóm hoặc một tổ chức theo dõi giám sát các kết quả hoạt động và tiến

hành những hoạt động sửa chữa uốn nắn cần thiết. Đó là quá trình tự điều chỉnh, diễn ra có tính chu kỳ từ người quản lý đặt ra những chuẩn mực thành đạt của hoạt động, đối chiếu đo lường kết quả, sự thành đạt so với mục tiêu chuẩn mực đã đặt ra, điều chỉnh những vấn đề cần thiết và thậm chí phải hiệu chỉnh, sửa lại những chuẩn mực cần thiết.

Kiểm tra, đánh giá hoạt động tự đánh giá và đánh giá ngoài trường MN là một trong những hoạt động thường xuyên của cơ quan quản lý trường MN cũng như chính nhà trường MN.

Đối với Sở GD&ĐT, trên cơ sở kế hoạch và việc triển khai thực hiện hoạt động tự đánh giá và đánh giá ngoài trường MN phải vận dụng chức năng kiểm tra và đánh giá hoạt động này theo kế hoạch. Xây dựng các yêu cầu, tiêu chí đánh giá hoạt động tự đánh giá và báo cáo tự đánh giá. Xây dựng các yêu cầu, tiêu chí đánh giá hoạt động đánh giá ngoài và báo cáo đánh giá ngoài. Xem xét và điều chỉnh kế hoạch hoạt động tự đánh giá và đánh giá ngoài.

Đối với trường MN, việc kiểm tra, đánh giá trong hoạt động tự đánh giá là thường xuyên để cải tiến và nâng cao chất lượng nhà trường thông qua các yêu cầu của từng tiêu chí.

Đối với đánh giá ngoài thực hiện chức năng kiểm tra, đánh giá trong suốt quá trình tổ chức thực hiện việc đánh giá ngoài đến trường MN. Kiểm tra, giám sát tất cả hoạt động và sản phẩm của thành viên trong đoàn. Kiểm tra báo cáo đánh giá ngoài trước khi nộp về Sở GD&ĐT.

Trong quá trình kiểm tra, đánh giá thường xuyên và định kỳ hoạt động tự đánh giá và đánh giá ngoài, cơ quan quản lý cũng như cơ sở giáo dục phải đúc kết kinh nghiệm từ thực tiễn, so sánh với quy định và lý luận để đưa ra biện pháp thích hợp để tác động trở lại việc lập kế hoạch và triển khai thực hiện như xây dựng lại bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng trường MN, đào tạo bồi dưỡng chuyên môn về hoạt động tự đánh giá và đánh giá ngoài cho cán bộ quản lý, giáo viên trường MN; xây dựng các nội dung, quy trình, kỹ thuật và phương pháp đánh giá chất lượng nhà trường MN bằng cách kết hợp cả định tính và định lượng, hoặc đối sánh; xây dựng các chính sách về KĐCLGD trường MN.

1.5. Các lực lượng tham gia quản lý hoạt động KĐCLGD trường mầm non

1.5.1. Trường mầm non

Trường MN trong tổ chức, thực hiện hoạt kiểm định chất lượng giáo dục là tập trung quản lý, chỉ đạo thực hiện các công việc: Thành lập Hội đồng tự đánh giá, xây dựng và thực hiện kế hoạch tự đánh giá, lập báo cáo tự đánh giá, theo tiêu chuẩn đánh giá do Bộ GD&ĐT ban hành, từ kết quả tự đánh giá xác định kế hoạch cải tiến chất lượng để khắc phục những hạn chế nhằm nâng cao chất lượng công tác quản lý trường học, hiệu quả giáo dục. Đăng ký đánh giá ngoài, được đánh giá ngoài, công khai chất lượng của nhà trường với các tổ chức chính trị, xã hội. Củng cố và phát huy kết quả kiểm định chất lượng giáo dục trường mầm non, không ngừng nâng cao và cải tiến chất lượng giáo dục.

1.5.2. Phòng Giáo dục và Đào tạo

Phòng GD&ĐT là phòng chuyên môn chịu trách nhiệm quản lý, chỉ đạo công tác KĐCLGD các trường MN trên địa bàn huyện.

Xây dựng kế hoạch kiểm định chất lượng giáo dục trường mầm non, hướng dẫn, chỉ đạo, theo dõi, kiểm tra, thanh tra các trường mầm non về việc thực hiện kiểm định chất lượng giáo dục theo quy định của Sở Giáo dục và DDào tạo, Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Giám sát các trường mầm non thực hiện kế hoạch cải tiến chất lượng giáo dục để không ngừng nâng cao chất lượng giáo dục.

1.5.3. Phòng Khảo thí và Quản lý chất lượng giáo dục

Phòng KT&QLCLGD là phòng chức năng của Sở GD&ĐT chịu trách nhiệm quản lý, chỉ đạo công tác KĐCLGD các trường mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông trên địa bàn tỉnh theo các văn bản quy định và hướng dẫn của Bộ GD&ĐT.

Nếu xét trên phạm vi lớn (*cấp tỉnh*) trong quá trình quản lý hoạt động KĐCLGD trường MN thì phòng chức năng (*Phòng KT&QLCLGD*) giữ vai trò chủ thể và nhà trường MN cụ thể giữ vai trò khách thể (*đối tượng quản lý*). Tuy

nhiên, nếu xét trong phạm vi hẹp (*một trường MN cụ thể*) khi đơn vị thực hiện hoạt động KĐCLGD, hoạt động quản lý của Hiệu trưởng đóng vai trò chủ thể, hoạt động của các thành viên trong Hội đồng, cán bộ giáo viên đóng vai trò khách thể.

Phòng KT&QLCLGD quản lý thực hiện các nội dung công việc sau:

- Thành lập Hội đồng tự đánh giá, lập kế hoạch tự đánh giá, xây dựng báo cáo tự đánh giá.

- Đăng ký kiểm định chất lượng.

- Bồi dưỡng năng lực tự đánh giá, đánh giá ngoài cho cán bộ tham gia kiểm định chất lượng giáo dục.

- Cử chuyên gia hỗ trợ trường MN làm tốt công tác KĐCLGD.

- Thành lập đoàn đánh giá ngoài thực hiện kiểm định chất lượng giáo dục của các nhà trường đủ điều kiện và đã đăng ký kiểm định.

Như vậy, vai trò của phòng chức năng trong quá trình quản lý hoạt động KĐCLGD có tính chỉ đạo, hướng đích, vai trò của nhà trường có ý nghĩa quan trọng đối với kết quả của hoạt động KĐCLGD.

1.6. Các yếu tố ảnh hưởng đến quản lý hoạt động kiểm định chất lượng giáo dục trường MN

1.6.1. Chương trình giáo dục trường mầm non

Mầm non là bậc học đầu tiên trong hệ thống giáo dục. Chính vì vậy, việc thiết kế mục tiêu chương trình, nội dung chương trình, phương pháp giảng dạy, đội ngũ giáo viên... là vô cùng quan trọng. Chương trình giáo dục MN có tác động rất lớn đến việc hình thành nên chất lượng học sinh MN.

Mục tiêu chương giáo dục MN hầu hết tập trung vào các lĩnh vực: Phát triển cá nhân.

Tại Việt Nam, chương trình giáo dục mầm non sẽ được thay đổi mục tiêu, nội dung, phương pháp, và sách giáo khoa sau 2015 theo định hướng đổi mới căn bản toàn diện giáo dục. Qua phân tích bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng

trường MN theo Thông tư 25 của Bộ GD và ĐT cho thấy: Tiêu chí đánh giá chương trình giáo dục chưa đầy đủ, chỉ có tiêu chí về việc thực hiện chương trình sách giáo khoa có đáp ứng quy định hay không. Chính vậy có ảnh hưởng rất lớn đến việc trường đạt chuẩn kiểm định nhưng vẫn chưa đáp ứng về chương trình giáo dục.

1.6.2. Nghị quyết 29 của Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa XI về đổi mới căn bản toàn diện giáo dục

Tại Hội nghị Trung ương 8 khóa XI, Ban chấp hành Trung ương đã thông qua Nghị quyết 29-NQ/TW về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, nêu rõ nhiệm vụ về công tác kiểm định chất lượng giáo dục là: *“Hoàn thiện hệ thống kiểm định chất lượng giáo dục. Định kỳ kiểm định chất lượng các cơ sở giáo dục, đào tạo và các chương trình đào tạo; công khai kết quả kiểm định”*.

Theo đó, Bộ GD và ĐT đã xây dựng chương trình hành động thực hiện nghị quyết 29 của Ban chấp hành Trung ương với nội dung cơ bản như:

Xây dựng các bộ tiêu chuẩn đánh giá trường mầm non (Chuẩn Quốc gia; KĐCLGD; Mức chất lượng tối thiểu; Trường học thân thiện và học sinh tích cực,...) thành 1 bộ tiêu chuẩn đánh giá duy nhất cho trường MN theo hướng tích hợp, lấy KĐCLGD làm hoạt động chủ yếu để đánh giá và công nhận nhà trường đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục.

Tổ chức và thực hiện được việc thống nhất các hình thức và hoạt động đánh giá trường MN theo hướng tích hợp.

Tách công tác quản lý nhà nước về KĐCLGD với việc triển khai KĐCLGD riêng biệt. Hình thành các đơn vị chuyên trách về KĐCLGD theo hướng tách cơ quan quản lý nhà nước về KĐCLGD với đơn vị thực hiện KĐCLGD.

Đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ, giáo viên các cấp học, bậc học trong cả nước có trình độ nghiệp vụ về KĐCLGD. Xây dựng cơ chế chính sách theo

hướng ưu đãi, khuyến khích cho các đơn vị thực hiện tốt công tác KĐCLGD và đạt cấp độ cao; có chế tài đủ mạnh để xử lý những cơ sở giáo dục làm không tốt; cơ chế tài chính cho hoạt động KĐCLGD; có biên chế đủ cho công tác KĐCLGD của Sở GD&ĐT, các Phòng GD&ĐT. Cụ thể: Từ năm 2017 đến 2030, hình thành các đơn vị chuyên trách về KĐCLGD theo hướng tách cơ quan quản lý nhà nước về KĐCLGD với đơn vị thực hiện KĐCLGD với phương án thành lập Trung tâm KĐCLGD trực thuộc UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (hoặc Sở GD&ĐT). Đây là đơn vị sự nghiệp có thu, đảm nhiệm công việc đánh giá ngoài và độc lập trong việc ra quyết định công nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng.

1.6.3. Năng lực của đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên tại các trường mầm non

Chất lượng cán bộ quản lý có ảnh hưởng rất lớn đến giáo dục mầm non, thể hiện qua khả năng tổ chức, quản lý, điều phối, quá trình giáo dục; định hướng, tìm kiếm cơ hội hợp tác, phát triển...

Giáo viên mầm non là những người trực tiếp mang kiến thức, kỹ năng của nghề truyền đạt cho học sinh. Thông qua giáo viên mà các em hiểu được nội dung kiến thức theo chương trình học. Nếu giáo viên có trình độ tốt, tâm huyết với nghề sẽ đào tạo ra một thế hệ học sinh có chất lượng tốt... Ngược lại, giáo viên không đủ trình độ hoặc không tâm huyết với nghề, học sinh sẽ không thể tiếp thu có hiệu quả chương trình học, không đáp ứng được yêu cầu, gây lãng phí thời gian và cả tiền bạc.

Kết luận chương 1

Qua nghiên cứu tổng quan và thực tiễn công tác kiểm định chất lượng giáo dục, luận văn đi đến một số kết luận sau:

Hầu hết các công trình nghiên cứu về kiểm định chất lượng giáo dục đều tập trung nghiên cứu kiểm định giáo dục đại học và rất ít công trình nghiên cứu về kiểm định chất lượng giáo dục mầm non, đặc biệt công tác quản lý KĐCLGD. Khẳng định tính đúng đắn một số khái niệm, định nghĩa, mô hình quản lý chất lượng, luận văn đã đưa ra quy trình KĐCLGD ở trường MN và quy trình quản lý công tác này. Luận văn đã làm rõ các khái niệm chất lượng, chất lượng giáo dục, kiểm định, kiểm định chất lượng giáo dục để từ đó xây dựng khái niệm KĐCLGD trường MN và khái niệm quản lý hoạt động KĐCLGD trường MN.

Tiêu chuẩn đánh giá chất lượng trường MN là công cụ để thực hiện KĐCLGD thông qua tự đánh giá và đánh giá ngoài. Tiêu chuẩn đánh giá chất lượng giáo dục là các chuẩn mực cần đạt của nhà trường, mỗi lĩnh vực thể hiện trong một hoặc nhiều tiêu chí. Mỗi tiêu chí lại được xác định bằng các chỉ số là sự lượng hóa các nội dung cụ thể của các lĩnh vực đó.

Quản lý hoạt động KĐCLGD trường MN là quá trình tác động có mục đích của chủ thể quản lý đến hoạt động KĐCLGD trường MN thông qua các hoạt động xây dựng kế hoạch, tổ chức, chỉ đạo, kiểm tra, giám sát việc thực hiện tự đánh giá, đánh giá ngoài, công nhận và cấp giấy chứng nhận về KĐCLGD trường MN theo tiêu chuẩn chất lượng do cơ quan quản lý giáo dục ban hành nhằm mục đích nâng cao chất lượng giáo dục mầm non.

KĐCLGD trường MN tuân thủ tính quy trình, quản lý hoạt động KĐCLGD trường MN được hiện thực hóa thông qua chức năng quản lý.

Chương 2

THỰC TRẠNG QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC TRƯỜNG MẦM NON CỦA TỈNH BẮC KẠN

2.1. Khái quát về GD&ĐT tỉnh Bắc Kạn

2.1.1. *Khái quát về đặc điểm kinh tế - xã hội tỉnh Bắc Kạn*

Bắc Kạn là tỉnh vùng cao, nằm ở tọa độ 22 độ 40'30'' đến 24 độ 48 phút 28'' độ kinh Đông, phía Bắc giáp tỉnh Cao Bằng, phía Tây Bắc giáp tỉnh Thái Nguyên, phía Đông và Đông Bắc giáp tỉnh Lạng Sơn. Toàn tỉnh có diện tích tự nhiên 4.795,54 km². Phần lớn diện tích của tỉnh là rừng núi.

Theo các nguồn sử liệu từ xa xưa, thời các vua Hùng, vùng đất Bắc Kạn thuộc bộ Vũ Định, một trong 15 Bộ của nước Văn Lang. Thời Bắc thuộc, từ thế kỷ thứ II trước Công nguyên đến gần giữa thế kỷ thứ X sau Công nguyên, dưới ách đô hộ của các triều đại phong kiến phương Bắc, vùng đất Bắc Kạn lúc nằm trong quận Giao Chỉ, thuộc Giao Chỉ Bộ..., lúc nằm trong châu Vũ Nga và Châu Long thuộc đất An Nam đô hộ phủ (thế kỷ thứ X).

Từ giữa thế kỷ thứ X, ông cha ta đã khôi phục lại được nền độc lập tự chủ của đất nước đồng thời thay đổi lại các đơn vị hành chính trong cả nước thành các đạo, lộ, trấn, châu... Đời nhà Lý, đất Bắc Kạn thuộc châu Thái Nguyên và châu Vũ Lặc. Năm 1397, Bắc Kạn thuộc trấn Thái Nguyên. Từ khoảng giữa niên hiệu Hồng Đức (1470 - 1497) trở đi, Bắc Kạn được gọi là phủ Thông Hóa, thuộc trấn Thái Nguyên (sau đổi là tỉnh Thái Nguyên).

Năm 1858, thực dân Pháp xâm lược nước ta, sau khi chúng hoàn tất việc chiếm đóng và đặt ách cai trị lên phạm vi cả nước, ngày 11/4/1900, thực dân Pháp cắt phủ Thông Hóa, bao gồm châu Bạch Thông và huyện Cẩm Hóa (nay là huyện Na Rỳ) khỏi tỉnh Thái Nguyên để thành lập tỉnh Bắc Kạn. Ngày 25/6/1901, thực dân Pháp cắt tiếp tổng Yên Định khỏi huyện Phú Lương, Phủ Thông Hóa sáp nhập về châu Bạch Thông. Đến thời kỳ này, tỉnh Bắc Kạn có 5 châu: Bạch Thông, Chợ Rã, Ngân Sơn, Na Rì, Chợ Đồn bao gồm 20 tổng, 105 xã với tổng số dân khoảng 36.000 người.

Ngày 03/02/1930, Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời và lãnh đạo nhân dân Việt Nam đấu tranh giành độc lập. Trong quá trình vận động cách mạng, tỉnh Bắc Kạn đã vinh dự là một trong những tỉnh nằm trong khu giải phóng Việt Bắc, là nơi “*Nước Việt Nam mới phôi thai*”. Khi Cách mạng Tháng Tám nổ ra, dưới sự lãnh đạo của Đảng và Bác Hồ, Bắc Kạn là thị xã đầu tiên trong cả nước được giải phóng.

Ngày 21/4/1965, Ủy ban Thường vụ Quốc hội nước Việt Nam dân chủ cộng hòa (*nay là nước CHXHCN Việt Nam*) ra Quyết định số 103/NĐ-TVQH thành lập tỉnh Bắc Thái trên cơ sở hợp nhất hai tỉnh Thái Nguyên và Bắc Kạn. Ngày 29/12/1978, kỳ họp Quốc hội thứ tư khoá VI đã quyết định phân địa giới Bắc Thái và Cao Bằng, tách 02 huyện Ngân Sơn và Chợ Rã của tỉnh Bắc Thái nhập vào tỉnh Cao Bằng.

Đáp ứng nguyện vọng của nhân dân các dân tộc và yêu cầu của sự nghiệp cách mạng trong thời kỳ công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước, ngày 06/11/1996, Quốc hội khoá IX kỳ họp thứ X đã phê chuẩn việc chia lại địa giới hành chính của một số tỉnh. Trong đó, tỉnh Bắc Thái được chia thành 2 tỉnh Thái Nguyên và Bắc Kạn.

Ngày 01/01/1997, tỉnh Bắc Kạn chính thức được tái lập. Các huyện Ngân Sơn, Ba Bể (*Chợ Rã*) tái nhập lại vào tỉnh Bắc Kạn. Tháng 8 năm 1998, thành lập thêm huyện Chợ Mới trên cơ sở tách từ phần đất phía Nam huyện Bạch Thông. Ngày 28/5/2003, Chính phủ đã ban hành Nghị định 56/2003/NĐ-CP về việc thành lập huyện Pác Nặm trên cơ sở tách huyện Ba Bể. Như vậy, trải qua không ít những thay đổi về địa dư hành chính, hiện nay, tỉnh có 08 đơn vị hành chính gồm 07 huyện (*có 02 huyện thuộc diện 30a là Ba Bể, Pác Nặm*) và 01 thành phố; 122 xã, phường, thị trấn với 1421 thôn, bản (*58 xã đặc biệt khó khăn theo Quyết định số 2405/QĐ-TTg ngày 10/12/2013 của Thủ tướng Chính phủ; 57 thôn đặc biệt khó khăn theo Quyết định số 582/QĐ-UBND ngày 18/12/2013 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc*). Dân số 308.296 người với 7 dân tộc Kinh, Tày, Dao, Nùng, Mông, Hoa, Sán chay (*dân tộc thiểu số chiếm hơn 80%*).

Cùng với sự phát triển về mọi mặt trong đời sống kinh tế - xã hội, sự nghiệp Giáo dục và Đào tạo của tỉnh được quan tâm sâu sắc và có những tiến bộ quan trọng. Năm học 2014-2015, toàn tỉnh có 351 trường mầm non và phổ thông (trong đó có 124 trường mầm non với 1.149 nhóm lớp và 21.243 trẻ, 111 trường tiểu học, 19 trường PTCS, 82 trường THCS, 15 trường THPT), 07 trung tâm giáo dục thường xuyên, 01 trung tâm giáo dục thường xuyên- dạy nghề cấp huyện, 01 Trung tâm giáo dục trẻ em khuyết tật, 01 Trung tâm kỹ thuật tổng hợp - Hướng nghiệp, 122 trung tâm học tập cộng đồng.

Tuy nhiên, do điểm xuất phát thấp, cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội còn nhiều khó khăn chưa hấp dẫn đầu tư từ bên ngoài; tiềm lực kinh tế của Nhà nước và nhân dân trong tỉnh còn hạn chế... cùng với điều kiện khí hậu, địa lý với địa bàn rộng, dân cư thưa thớt, rải rác với những tập quán du canh, du cư của đồng bào các dân tộc thiểu số; đó là những trở lực chính trong tiến trình phát triển của tỉnh nói chung và GD&ĐT nói riêng.

2.1.2. Số liệu phát triển giáo dục MN tỉnh Bắc Kạn

Đến thời điểm tháng 12 năm 2015, số liệu phát triển bậc học MN như sau:

Bảng 2.1: Số liệu phát triển giáo dục MN

Huyện/ Thanh phố	Năm học 2005 - 2006			Năm học 2010 - 2011			Năm học 2014- 2015		
	TS trường	TS nhóm lớp	Tổng số học sinh	TS trường	TS nhóm lớp	Tổng số học sinh	TS trường	TS nhóm lớp	Tổng số học sinh
Bắc Kạn	08	74	1.781	08	91	2.609	08	97	3.000
Ba Bê	10	109	1.897	16	161	2.310	16	168	2.801
Ngân Sơn	09	90	1.212	11	123	1.556	12	144	2.008
Chợ Đồn	20	139	2.205	20	180	2.651	23	196	3.087
Na Rì	19	120	1.672	20	152	2.159	22	163	2.677
Bạch Thông	14	74	1.207	15	101	1.520	16	110	1.804
Chợ Mới	15	110	1.789	16	116	2.000	16	126	2.431
Pác Nặm	07	70	1.014	10	111	1.688	11	128	2.048
Tổng số	102	786	12.777	116	1.035	16.493	124	1132	19.856

(Nguồn: [24])

Bảng 2.2: Số lượng nhà trẻ mẫu giáo

Cấp học mầm non	Năm học 2005-2006			Năm học 2010-2011			Năm học 2014- 2015		
	TS trường	TS nhóm lớp	TS học sinh	TS trường	TS nhóm lớp	TS học sinh	TS trường	TS nhóm lớp	TS học sinh
Tổng số	102	786	12.777	116	1.035	16.493	124	1132	19.856
1. Nhà trẻ		198	2.154		280	3.445		330	4.984
- Tỷ lệ (%) đi học			21,89			29,98			33,51
2. Mẫu giáo		588	10.623		755	13.048		802	14.872
- Tỷ lệ (%) đi học			85,68			96,92			99,42

(Nguồn: [24])

Từ Bảng số 2.1 và 2.2 cho thấy: Trong giai đoạn từ năm học 2005-2006 đến năm học 2014-2015, số lượng trường, lớp (nhóm lớp), học sinh tăng dần qua từng năm. Năm học 2014-2015, 100% các xã đã có trường mầm non; tỷ lệ trẻ trong độ tuổi nhà trẻ đi học đạt 33,51%, tỷ lệ trẻ ở độ tuổi mẫu giáo đi học đã đạt cao (99,42%). Về cơ bản đã đáp ứng nhu cầu đi học của trẻ mầm non các địa phương.

Bảng 2.3: Thống kê trình độ đào tạo của giáo viên MN tỉnh Bắc Kạn*Đơn vị: người*

Giáo viên	Năm học 2005-2006			Năm học 2010-2011			Năm học 2014- 2015			Tốc độ tăng GV bq/(%) (2005-2015)		
	Tỷ lệ GV đạt chuẩn (%)		Hệ số giáo viên/lớp	Giáo viên	Tỷ lệ GV đạt chuẩn (%)		Hệ số giáo viên/lớp	Giáo viên	Tỷ lệ GV đạt chuẩn (%)		Hệ số giáo viên/lớp	
	Đạt chuẩn trở lên	Trên chuẩn			Đạt chuẩn trở lên	Trên chuẩn			Đạt chuẩn trở lên			Trên chuẩn
852	92,25	5,16	1,08	1089	99,72	25,71	1,05	1337	100	65,89	1,25	5,56

(Nguồn: [24])

Từ Bảng số 2.3 cho thấy:

- Đội ngũ giáo viên mầm non trong những năm qua phát triển nhanh về số lượng, từ 852 giáo viên năm học 2005-2006 tăng lên 1.089 giáo viên năm học 2010-2011; tốc độ tăng 5,56%/năm. Về chất lượng từng bước đáp ứng được yêu cầu:

+ Năm học 2005-2006 có 92,25% giáo viên mầm non có trình độ đào tạo đạt chuẩn trở lên, trong đó có 5,16% trên chuẩn.

+ Năm học 2010-2011 có 99,72% % giáo viên mầm non có trình độ đào tạo đạt chuẩn trở lên, trong đó 25,71% trên chuẩn.

+ Năm học 2014-2015, 100% giáo viên mầm non có trình độ đào tạo đạt chuẩn trở lên, trong đó trên chuẩn 65,89%.

Tuy nhiên, chất lượng giáo viên mầm non còn có sự bất cập, chưa đồng đều giữa các vùng có điều kiện thuận lợi và vùng khó khăn.

Bảng 2.4: Thực trạng phòng học MN năm học 2014-2015

Đơn vị: Phòng học; %

Huyện, thành phố	Phân loại chi tiết				Cơ cấu (%)		
	Tổng số	Kiên cố	Bán KC	Tạm	Kiên cố	Bán KC	Tạm
Bắc Kạn	97	55	39	3	56,70	40,21	3,09
Ba Bể	168	71	34	63	42,26	20,24	37,50
Ngân Sơn	142	0	74	68	0,00	52,11	47,89
Chợ Đồn	198	66	81	51	33,33	40,91	25,76
Na Rì	154	59	74	21	38,31	48,05	13,64
Bạch Thông	110	40	64	6	36,36	58,18	5,45
Chợ Mới	126	66	46	14	52,38	36,51	11,11
Pác Nặm	128	50	32	46	39,06	25,00	35,94
Tổng số	1.123	407	444	271	36,24	39,54	24,22

(Nguồn: [24])

Toàn tỉnh mới có 407/1.123 phòng học kiên cố (đạt 36,24%); 444/1.123 phòng bán kiên cố (đạt 39,54%), số phòng học tạm 271/1.123 (chiếm 24,22%), tập trung nhiều ở các huyện: Ba Bể, Ngân Sơn, Pác Nặm, Chợ Đồn, có rất ít trường được xây dựng đạt yêu cầu chuẩn. Trang thiết bị, đồ dùng, đồ chơi chưa đáp ứng được yêu cầu nâng cao chất lượng giáo dục mầm non.

Việc đầu tư xây dựng trường học đạt chuẩn quốc gia bước đầu có tác dụng thiết thực trong việc tăng cường các điều kiện dạy và học, nâng cao chất lượng giáo dục. Toàn tỉnh số trường mầm non đạt chuẩn quốc gia: năm 2005 có 02 trường, đến năm 2010 có 11 trường và đến hết năm 2015 có 16/124 trường đạt chuẩn, tỷ lệ 12,90%.

2.2. Thực trạng về kiểm định chất lượng giáo dục các trường mầm non tỉnh Bắc Kạn

2.2.1. Thực trạng hoạt động tự đánh giá trường MN theo tiêu chuẩn kiểm định chất lượng giáo dục

Sở GD&ĐT đã chỉ đạo 100% các trường MN trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn triển khai công tác tự đánh giá theo tiêu chuẩn, tiêu chí của Bộ GD&ĐT.

Đến nay 100% các đơn vị đã hoàn thành việc tự đánh giá tại cơ sở, nhận thức về công tác KĐCLGD được nâng lên (coi KĐCLGD là biện pháp để nâng cao chất lượng và hiệu quả giáo dục).

Bảng 2.5: Khảo sát việc tổ chức thực hiện tự đánh giá trong trường MN

Nội dung thực hiện tự đánh giá	Mức độ thực hiện N = 276			
	Chưa đạt	Đạt	Tốt	Rất tốt
1. Thành lập hội đồng tự đánh giá.	0 0%	0 0%	0 0%	276 100%
2. Lập kế hoạch tự đánh giá và phân công trách nhiệm từng thành viên.	0 0%	25 10%	49 20%	173 70%
3. Tạo sự đồng thuận của cán bộ, giáo viên, nhân viên toàn trường.	0 0%	87 35%	49 20%	111 45%
4. Thu thập, xử lý và mã hóa thông tin minh chứng.	123 50%	99 40%	25 10%	0 0%
5. Mã hóa lập danh mục và lưu trữ minh chứng.	54 22%	45 18%	84 34%	64 26%
6. Mô tả hiện trạng nhà trường theo từng tiêu chí trong tiêu chuẩn.	87 35%	62 25%	84 34%	64 26%
7. Phân tích điểm mạnh, điểm yếu của nhà trường theo từng tiêu chí trong tiêu chuẩn.	45 18%	54 22%	89 36%	59 24%
8. Lập kế hoạch cải tiến chất lượng theo từng tiêu chí trong tiêu chuẩn.	42 17%	32 13%	84 34%	89 36%
9. Thực hiện kế hoạch phát huy điểm mạnh và cải tiến điểm yếu theo kế hoạch đã đề ra trong báo cáo tự đánh giá.	47 19%	87 35%	61 25%	52 21%
10. Hoàn thiện và công bố báo cáo tự đánh giá.	52 21%	57 23%	138 56%	0 0%

Khảo sát việc tổ chức thực hiện tự đánh giá cho thấy:

- Các nhà trường cơ bản đã nhận thức đầy đủ các văn bản và triển khai hoạt động tự đánh giá.

- Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên các nhà trường, các thành viên hội đồng tự đánh giá cơ bản nắm được kỹ thuật tự đánh giá, có ý thức trách nhiệm trong việc thực hiện nhiệm vụ tự đánh giá.

- Việc xây dựng các nội dung tự đánh giá, tiến độ thực hiện các nội dung công việc trong quy trình tự đánh giá chưa được tốt do phân công nhiệm vụ cho các thành viên chưa sát với năng lực thực hiện; phân bổ thời gian cho các nội dung công việc chưa hợp lý. Cụ thể:

Về việc thành lập hội đồng tự đánh giá

Theo kết quả, tất cả các trường đều thành lập hội đồng tự đánh giá với các thành phần theo quy định. Chủ tịch hội đồng là hiệu trưởng và phó chủ tịch hội đồng là phó hiệu trưởng cùng thư ký và các ủy viên hội đồng tự đánh giá là các tổ trưởng chuyên môn hay giáo viên. Hầu hết các trường chọn thư ký hội đồng trường là thư ký hội đồng tự đánh giá. 100% ý kiến qua khảo sát cho rằng việc thành lập hội đồng tự đánh giá là rất tốt và hoàn toàn thuộc quyền của hiệu trưởng.

Về việc lập kế hoạch tự đánh giá và phân công các thành viên trong hội đồng tự đánh giá

Có 70% ý kiến nhận xét là rất tốt, 20% tốt cho thấy đây là điều thuận lợi cho hiệu trưởng trong việc điều hành. Tuy nhiên, qua phân tích tất cả kế hoạch tự đánh giá của trường MN gửi về Sở cho thấy việc lập kế hoạch còn mang tính hình thức, đối phó, chưa lường hết được sự vất vả, khó khăn khi thực hiện tự đánh giá. Chưa có kế hoạch huy động các nguồn lực liên quan đến từng tiêu chí. Qua phỏng vấn trực tiếp, 56% hiệu trưởng và thư ký hội đồng trường trả lời cho thấy việc thực hiện toàn bộ báo cáo tự đánh giá chỉ phân công chủ yếu ở thư ký. Còn 10% ý kiến từ bảng khảo sát cũng cho thấy việc phân công đúng việc, đúng người để thực hiện báo cáo tự đánh giá là rất khó khăn. Mặc dù có kế hoạch tự

đánh giá nhưng hiệu trưởng chưa giám sát chặt chẽ và đảm bảo việc thực hiện có tính hiệu quả. Hiệu trưởng trường MN chưa biết cách tổ chức hoạt động này trong trường, chưa biết cách huy động mọi nguồn lực để thực hiện.

Về tạo sự đồng thuận của cán bộ, giáo viên, nhân viên trong nhà trường

Việc này hoàn toàn phụ thuộc vào năng lực điều hành và sự hiểu biết của hiệu trưởng về KĐCLGD. Qua bảng khảo sát, ta thấy 45% ý kiến cho là rất tốt. Ngoài ra, tác giả đã phỏng vấn sâu các hiệu trưởng và thư ký hội đồng tự đánh giá cho thấy họ đều được dự tập huấn, tiếp thu đầy đủ, hiểu được tính chất công việc nên việc triển khai dễ dàng. Chính vì vậy, lãnh đạo nhà trường dễ dàng tạo được sự đồng thuận trong toàn bộ tập thể nhà trường. Tuy nhiên, có 20% ý kiến cho là tốt và 35% ý kiến cho là đạt cho thấy việc tạo được sự đồng thuận trong toàn thể nhà trường không phải dễ dàng. Để tìm hiểu kỹ hơn nguyên nhân của sự khó khăn này, tác giả luận văn đã phỏng vấn sâu đến các hiệu trưởng. Tổng hợp các ý kiến trả lời từ hiệu trưởng có hai nguyên nhân chính. Một là hiệu trưởng không hiểu hết tính chất công việc và không triển khai được việc. Hai là hiệu trưởng có triển khai nhưng không biết cách làm, dẫn đến một số thành viên trong trường không đồng thuận.

Về thu thập, xử lý và mã hóa thông tin minh chứng

Trường còn nhiều lúng túng, khó khăn trong việc tổ chức thu thập, phân tích và xử lý minh chứng trong quá trình thực hiện tự đánh giá. Qua bảng khảo sát, ta thấy 50% ý kiến cho rằng chưa đạt điều đó chứng tỏ rất khó thu thập minh chứng. Nguyên nhân là do các trường chưa quán triệt và hiểu thấu đáo về nội hàm của từng chỉ số trong từng tiêu chí. Mặt khác, cán bộ làm công tác tự đánh giá chưa biết cách thu thập, phân tích và xử lý minh chứng. Ngoài ra, minh chứng là hồ sơ văn bản, sổ sách, hình ảnh hoạt động của trường trong thời gian 5 năm tính đến thời điểm tự đánh giá nên nhiều trường đã không biết cách tổ chức lưu trữ dẫn đến thất lạc và không còn minh chứng.

Về mã hóa, lập danh mục và lưu trữ minh chứng

Việc mã hóa minh chứng, thư ký hội đồng đã thực hiện theo quy định. Chính vì vậy, việc này đều rất tốt. Nhưng để lập một danh mục minh chứng đầy đủ theo quy định là 5 năm tính đến thời điểm tự đánh giá thì hầu hết các trường đều rất ngại. Từ bảng số liệu ta thấy việc này có 22% ý kiến cho là chưa đạt. Nguyên nhân chủ yếu là nhiều hồ sơ, sổ sách đã bị thất lạc nên thiếu. Hơn nữa, việc lưu trữ của các trường chưa khoa học dẫn đến không ít khó khăn.

Về mô tả hiện trạng nhà trường theo tiêu chí

Qua khảo sát có 60% ý kiến cho là tốt và rất tốt khi thực hiện. Tuy nhiên còn 40% cho là đạt và chưa đạt. Lý do chính là các thành viên hội đồng tự đánh giá không hiểu nội hàm, yêu cầu của từng tiêu chí, yêu cầu của viết báo cáo tiêu chí, thiếu minh chứng, không biết phân tích so sánh được dữ liệu từ minh chứng.

Về phân tích điểm mạnh và điểm yếu của nhà trường theo tiêu chí

Qua khảo sát, có 22% ý kiến cho là đạt và 18% ý kiến là chưa đạt. Thực tế, khi phỏng vấn sâu đến các cán bộ làm thư ký hội đồng tự đánh giá, người mà chịu trách nhiệm viết toàn bộ báo cáo tự đánh giá của nhà trường đã ghi nhận được các lý do chính của nguyên nhân này. Một là thư ký hội đồng không nắm bắt được những hoạt động chính, những việc làm được của trường so với tiêu chí đó và không có minh chứng nên viết không trúng điểm mạnh. Hai là yếu tố tâm lý không thực sự cầu thị, muốn chạy theo thành tích, nêu nhẹ hoặc không nêu điểm tồn tại để đạt yêu cầu mà không hiểu rằng chính ghi được điểm yếu mới là có kế hoạch cải tiến để nâng cao chất lượng giáo dục.

Về lập kế hoạch cải tiến chất lượng theo từng tiêu chí

Trong báo cáo tự đánh giá, các trường đều đưa ra được kế hoạch cải tiến chất lượng của trường trên cơ sở điểm mạnh và điểm yếu. Vì vậy có 70% ý kiến cho là tốt và rất tốt, 30% ý kiến cho là đạt và chưa đạt. Việc lập kế hoạch cải tiến chất lượng theo từng tiêu chí này phụ thuộc vào việc phát hiện ra đúng điểm mạnh để phát huy và điểm yếu để cải tiến tốt hơn.

Về thực hiện kế hoạch phát huy điểm mạnh và cải tiến điểm yếu theo báo cáo tự đánh giá

Kết quả Bảng 2.5 có 19% ý kiến nhận xét là chưa đạt. Nguyên nhân của việc này là nhà trường chưa giám sát được việc cải tiến chất lượng của nhà trường sau khi thực hiện báo cáo tự đánh giá. Qua phỏng vấn 60% ý kiến của hiệu trưởng cho rằng có những điểm yếu rất khó cải tiến như diện tích đất của nhà trường (đạt 8m²/1 em học sinh) hay sĩ số lớp không vượt quá 30 học sinh/1 lớp vì đây là những yêu cầu mà tự thân nhà trường khó có thể cải tiến vì phụ thuộc vào việc duyệt chi ngân sách của cơ quan quản lý cấp trên để sửa chữa cải thiện cơ sở vật chất trường lớp...

Về hoàn thiện báo cáo tự đánh giá

Trong quá trình hoàn thiện báo cáo tự đánh giá còn gặp khó khăn trong việc xác định chính xác nội hàm để từ đó mô tả thực trạng , điểm mạnh , điểm yếu, kế hoạch cải tiến chất lượng đúng yêu cầu . Tiến trình xây dựng báo cáo tự đánh giá chưa đúng quy trình. Cần thực hiện theo các bước: Viết phiếu đánh giá tiêu chí; viết đề cương báo cáo; viết dự thảo báo cáo; thông qua dự thảo báo cáo để cán bộ, giáo viên trong nhà trường góp ý, chỉnh sửa và hoàn thiện báo cáo.

Thực tế, chúng tôi đã phỏng vấn trực tiếp các hiệu trưởng nhà trường. Có 67% các hiệu trưởng đều cho rằng đã có nhận thức đúng về sự cần thiết của kiểm định chất lượng và 23% hiệu trưởng chưa thật sự quan tâm vấn đề này bởi ngại khó khăn. Chính vì vậy việc các trường có tự đánh giá tốt nộp báo cáo về Sở GD&ĐT còn hạn chế, chỉ chiếm 55,8% trên tổng 124 trường MN.

2.2.2. Thực trạng hoạt động đánh giá ngoài trường MN theo tiêu chuẩn

2.2.2.1. Thực trạng quy trình hoạt động đánh giá ngoài

TT	Trách nhiệm	Quy trình	Diễn giải	Tài liệu
1	Đoàn đánh giá ngoài	Nghiên cứu hồ sơ	<p>Họp đoàn lần 1</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhận hồ sơ (Quyết định thành lập đoàn đánh giá ngoài; Báo cáo tự đánh giá của trường MN); - Thống nhất cách làm việc của đoàn; - Thảo luận kế hoạch làm việc của đoàn; Phân công các tiêu chí cho thành viên nghiên cứu; <p>Làm việc cá nhân</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nghiên cứu báo cáo tự đánh giá và các tài liệu liên quan; - Viết báo cáo sơ bộ; <p>Họp đoàn lần 2</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trao đổi, thảo luận về các báo cáo sơ bộ; - Phân công nghiên cứu các tiêu chí; <p>Làm việc cá nhân</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nghiên cứu báo cáo tự đánh giá và các tài liệu liên quan; - Viết bản nhận xét về các tiêu chí được phân công . <p>Họp đoàn lần 3</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trao đổi, thảo luận bản nhận xét các tiêu chí của các thành viên; - Xây dựng báo cáo kết quả nghiên cứu hồ sơ đánh giá. - Dự thảo Biên bản khảo sát sơ bộ. - Phân công nhiệm vụ cho khảo sát chính thức. 	<ul style="list-style-type: none"> - Thông tư số 25/2014/QĐ-BGDĐT ngày 23/11/2012; - Công văn số 6339/BGDĐT-KTKĐCLGD, ngày 05/11/2014 <p>10 ngày</p>
2	Trưởng đoàn Thư ký	Khảo sát sơ bộ tại trường MN	<ul style="list-style-type: none"> - Thông báo kết quả nghiên cứu hồ sơ đánh giá; - Hướng dẫn trường MN chuẩn bị cho đợt khảo sát chính thức; - Kế hoạch khảo sát chính thức của đoàn; - Ký biên bản khảo sát sơ bộ. 	10 ngày
3	Đoàn đánh giá ngoài	Khảo sát chính thức tại trường MN	<ul style="list-style-type: none"> - Trao đổi với lãnh đạo trường MN và hội đồng tự đánh giá về công tác tự đánh giá của trường MN; - Xem xét cơ sở vật chất, trang thiết bị của trường MN; - Nghiên cứu các hồ sơ, tài liệu do trường MN cung cấp; - Quan sát các hoạt động chính khoá và ngoại khoá; - Trao đổi, phỏng vấn cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh, học viên; - Viết phiếu đánh giá tiêu chí (sau khi khảo sát chính thức); 	2, 3 ngày
4	Đoàn đánh giá ngoài	Dự thảo báo cáo đánh giá ngoài	<p>Họp đoàn lần 4</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thảo luận phiếu đánh giá tiêu chí sau khi khảo sát chính thức và góp ý báo cáo kết quả khảo sát chính thức và dự thảo báo cáo đánh giá ngoài). 	1 ngày
5	Trường MN	Lấy ý kiến	<ul style="list-style-type: none"> - Gửi cơ sở giáo dục dự thảo báo cáo đánh giá ngoài, trường MN phản hồi trong vòng 10 ngày. 	10 ngày
6	Trưởng đoàn Thư ký	Hoàn thiện báo cáo đánh giá ngoài	<ul style="list-style-type: none"> - Sau khi nhận được công văn phản hồi của cơ sở giáo dục: + Nếu thống nhất thì trong thời gian 05 ngày làm việc, trưởng đoàn hoàn thiện báo cáo đánh giá ngoài và kết thúc đoàn. + Nếu không thống nhất với dự thảo thì đoàn đánh giá ngoài sẽ họp đoàn thảo luận những phản hồi của trường và đưa ra thống nhất, trưởng đoàn hoàn thiện báo cáo đánh giá ngoài và kết thúc đoàn. 	5 ngày
7	Sở GD&ĐT	Lưu hồ sơ	Toàn bộ các hồ sơ làm việc của đoàn có chữ ký đầy đủ	

Hoạt động đánh giá ngoài tại tỉnh Bắc Kạn cơ bản tổ chức qua 6 bước theo văn bản số 6339/BGDĐT-KTKĐCLGD, ngày 05 tháng 11 năm 2014 của Bộ GD&ĐT về hướng dẫn tự đánh giá và đánh giá ngoài trường MN. Để thực hiện các yêu cầu của Bộ GD&ĐT về công tác đánh giá ngoài, Sở GD&ĐT đã tổ chức tập trung tất cả thành viên đánh giá ngoài theo quyết định của Giám đốc Sở, trao quyết định và triển khai công việc ngay buổi họp đoàn đầu tiên. Trong buổi triển khai quyết định này, các thành viên của đoàn đánh giá ngoài cũng được cán bộ Sở tập huấn kỹ hơn về các quy trình và kỹ thuật đánh giá cũng như việc tổ chức và điều hành đoàn đánh giá ngoài. Trưởng đoàn cùng các thành viên nhận hồ sơ đánh giá của trường MN tổ chức phân công và thực hiện kế hoạch đánh giá ngoài. Sau đây là tóm tắt thực trạng 6 bước trong quy trình đánh giá ngoài được thực hiện trong thời gian qua:

Nghiên cứu hồ sơ

Đây là bước đầu tiên trong quy trình đánh giá ngoài, sau khi có quyết định thành lập đoàn đánh giá ngoài, trưởng đoàn tổ chức họp đoàn để thực hiện các công việc như thống nhất kế hoạch làm việc của đoàn; Chuyển hồ sơ đánh giá cho các thành viên của đoàn. Tất cả thành viên của đoàn đánh giá làm việc cá nhân như nghiên cứu báo cáo tự đánh giá và các tài liệu liên quan; viết báo cáo sơ bộ; Mỗi thành viên trong đoàn viết bản nhận xét về các tiêu chí được phân công. Trước khi khảo sát sơ bộ, đoàn tổ chức phiên họp lần 2. Tại lần họp này, tất cả thành viên đều trình bày kết quả làm việc cá nhân để thống nhất kết quả nghiên cứu hồ sơ và chuẩn bị biên bản khảo sát sơ bộ.

Khảo sát sơ bộ tại trường MN

Trong thực tế, việc khảo sát sơ bộ chỉ diễn ra trong 1 buổi làm việc giữa trưởng đoàn, thư ký cùng toàn thể hội đồng tự đánh giá nhà trường. Buổi làm việc này, trưởng đoàn đánh giá ngoài thông báo kết quả nghiên cứu hồ sơ đánh giá; Hướng dẫn, yêu cầu nhà trường chuẩn bị cho đợt khảo sát chính thức; Kế hoạch khảo sát chính thức của đoàn. Ngoài ra, trưởng đoàn đánh giá ngoài cùng

nhà trường thống nhất những nhận xét của đoàn đánh giá về báo cáo tự đánh giá, yêu cầu bổ sung, chỉnh sửa và chuẩn bị hồ sơ, minh chứng, dự kiến các đối tượng được phỏng vấn, dự giờ,... cho ngày khảo sát chính thức. Hơn nữa, các trưởng đoàn đánh giá ngoài cùng thư ký trong ngày khảo sát sơ bộ cũng thường hay khảo sát, kiểm tra qua về cơ sở vật chất, phòng y tế, quang cảnh nhà trường,... để có thể chia sẻ, góp ý cho trường để chuẩn bị tốt cho ngày khảo sát chính thức. Hai bên thống nhất ký vào biên bản khảo sát sơ bộ và kế hoạch khảo sát chính thức.

Khảo sát chính thức tại trường MN

Sau khảo sát sơ bộ, đoàn đánh giá ngoài tiến hành khảo sát chính thức tại trường MN. Trong thực tế, đoàn đánh giá ngoài, tiến hành khảo sát trong thời gian từ 2 ngày đến 3 ngày và thực hiện các nội dung như trao đổi với lãnh đạo nhà trường và hội đồng tự đánh giá về công tác tự đánh giá của trường mình; Xem xét cơ sở vật chất, trang thiết bị của nhà trường; Nghiên cứu các hồ sơ, tài liệu do nhà trường cung cấp; Quan sát các hoạt động chính khoá và ngoại khoá; Trao đổi, phỏng vấn cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh; Dự giờ, thăm lớp; Viết báo cáo kết quả khảo sát chính thức của đoàn;

Dự thảo báo cáo đánh giá ngoài

Sau khi khảo sát sơ bộ, trưởng đoàn cùng tất cả thành viên tập hợp các tư liệu như báo cáo sơ bộ và bản nhận xét về các tiêu chí của từng thành viên; Báo cáo kết quả nghiên cứu hồ sơ đánh giá; Các phiếu đánh giá tiêu chí; Biên bản khảo sát sơ bộ; Báo cáo kết quả khảo sát chính thức; Báo cáo tự đánh giá của nhà trường; Các hồ sơ, tài liệu có liên quan; để thư ký viết dự thảo báo cáo đánh giá ngoài theo mẫu. Từng thành viên của đoàn viết báo cáo theo những tiêu chí được phân công và gửi cho trưởng đoàn trong thời gian không quá 5 ngày, sau khi kết thúc khảo sát chính thức. Đối với mỗi tiêu chí, báo cáo phải đánh giá việc xác định điểm mạnh, điểm yếu, việc xác định kế hoạch cải tiến chất lượng giáo dục của trường MN, những nội dung chưa rõ và kết quả đánh giá tiêu chí.

Lấy ý kiến của trường MN về báo cáo đánh giá ngoài

Dự thảo báo cáo đánh giá ngoài sau khi được các thành viên nhất trí thông qua, phải gửi cho trường MN được đánh giá ngoài để lấy ý kiến. Sau khi nhận được dự thảo, trường MN được đánh giá ngoài phải có ý kiến phản hồi bằng văn bản gửi trường đoàn; Trong thực tế tại tỉnh Bắc Kạn, sau khi các trường đoàn gửi dự thảo đánh giá ngoài đến các trường được đánh giá, thì hầu hết các trường đều phản hồi đồng ý với ý kiến đánh giá của đoàn đánh giá ngoài.

Hoàn thiện báo cáo đánh giá ngoài và toàn bộ hồ sơ theo quy định gửi về Sở GD&ĐT.

Trong thời gian 5 ngày làm việc, sau khi đoàn họp và thống nhất ý kiến, trưởng đoàn hoàn thiện báo cáo đánh giá ngoài, gửi báo cáo và toàn bộ hồ sơ làm việc của đoàn về Sở GD&ĐT. Thực tế tại tỉnh Bắc Kạn, ngoài những quy định gửi toàn bộ tài liệu đánh giá ngoài bằng bản giấy, đồng thời phải gửi bằng file mềm và được lưu trữ tại Sở GD&ĐT.

2.2.2.2. Thực trạng về nhân sự tham gia đoàn đánh giá ngoài

Giai đoạn 2013-2015, Sở GD&ĐT đã thành lập 16 đoàn đánh giá ngoài trường MN. Theo quy định đoàn có từ 05 đến 07 thành viên, bao gồm 1 trưởng đoàn, 1 thư ký và 04 hoặc 05 ủy viên. Tiêu chuẩn lựa chọn kiểm định viên phải thỏa mãn các yêu cầu sau:

Có tư cách đạo đức tốt, trung thực và khách quan; Trước đây và hiện tại không làm việc tại trường MN được đánh giá ngoài; có ít nhất 5 năm công tác trong ngành giáo dục; Đã hoàn thành chương trình đào tạo, tập huấn về đánh giá ngoài do Bộ GD&ĐT tổ chức.

Trưởng đoàn phải là lãnh đạo sở, lãnh đạo chuyên viên phòng KTQLCLGD, phòng GD&ĐT, hiệu trưởng hoặc phó hiệu trưởng trường MN.

Về nhiệm vụ, trưởng đoàn chịu trách nhiệm điều hành các hoạt động của đoàn đánh giá ngoài và phân công nhiệm vụ cho các thành viên. Trưởng đoàn phải thay mặt cả đoàn chịu trách nhiệm trước trường được đánh giá và Sở GD&ĐT về kết quả của đánh giá ngoài.

Qua khảo sát việc tổ chức thực hiện nhiệm vụ của trưởng đoàn đánh giá ngoài, chúng tôi có số liệu:

Bảng 2.6: Khảo sát việc tổ chức thực hiện nhiệm vụ của trưởng đoàn đánh giá ngoài

Nhiệm vụ của trưởng đoàn	Mức độ thực hiện N = 96			
	Chưa đạt	TB	Khá	Tốt
1. Xây dựng kế hoạch làm việc của đoàn và trình Sở GD&ĐT phê duyệt.	0 0%	0 0%	19 20%	77 80%
2. Điều hành các hoạt động của đoàn đánh giá ngoài	0 0%	19 20%	19 20%	59 60%
3. Phân công nhiệm vụ cho các thành viên của đoàn.	0 0%	0 0%	19 20%	77 80%
4. Chỉ đạo việc xây dựng báo cáo kết quả nghiên cứu hồ sơ đánh giá, báo cáo kết quả khảo sát tại cơ sở giáo dục và báo cáo đánh giá ngoài.	0 0%	15 16%	19 20%	62 64%
5. Thay mặt đoàn thông báo và thảo luận với cơ sở giáo dục về kết quả khảo sát, những nhận định và khuyến nghị của đoàn đối với cơ sở giáo dục.	0 0%	5 5%	43 45%	48 50%
6. Chuẩn bị hồ sơ, tài liệu phục vụ việc giải trình các yêu cầu, khiếu nại hoặc chất vấn của cơ quan quản lý giáo dục, của cơ sở giáo dục được đánh giá ngoài và của xã hội.	0 0%	0 0%	29 30%	67 70%
7. Tập hợp toàn bộ hồ sơ, tài liệu liên quan đến hoạt động của đoàn và chuyển về Sở GD&ĐT để lưu trữ sau khi kết thúc đánh giá ngoài.	0 0%	10 10%	19 20%	67 70%

Chúng tôi đã khảo sát năng lực làm việc của trưởng đoàn đánh giá ngoài qua việc thực thi nhiệm vụ. Thấy, việc điều hành đoàn, phân công công việc, tổ chức các buổi họp đoàn và phân tích kết quả làm việc của từng thành viên trong đoàn hầu hết được đánh giá ở mức tốt và khá. Đây là điểm đánh giá ở mức cao chứng tỏ năng lực làm việc của trưởng đoàn đáp ứng được công việc cũng như việc lựa chọn.

Tuy nhiên, có 20% ý kiến cho là trung bình ở việc điều hành các thành viên. Tương tự như vậy, 20% ý kiến đánh giá trung bình về yêu cầu trưởng đoàn chỉ đạo việc xây dựng báo cáo kết quả nghiên cứu hồ sơ đánh giá, báo cáo kết quả khảo sát tại cơ sở giáo dục và báo cáo đánh giá ngoài. Thực tế, mặc dù được lựa chọn làm trưởng đoàn nhưng bản thân các trưởng đoàn vẫn còn bỡ ngỡ vì đây là công việc mới.

Ngoài ra chúng tôi đã tiến hành phỏng vấn đến các thành viên trong đoàn, đến các trường được đánh giá về năng lực của trưởng đoàn, tất cả đều trả lời rất cần xây dựng những yêu cầu riêng về năng lực của trưởng đoàn để chọn lựa được những trưởng đoàn tốt và điều hành thành công đoàn đánh giá ngoài.

2.2.2.3. Thực trạng về năng lực làm việc của đoàn đánh giá ngoài

Để nhận xét về năng lực của đoàn đánh giá ngoài, tác giả luận văn đã tiến hành khảo sát đến thành viên của đoàn đánh giá ngoài và nhà trường được đánh giá ngoài. Với số lượng là 80 ý kiến của thành viên 16 đoàn đánh giá ngoài và 16 ý kiến từ 16 trường MN được đánh giá ngoài. Tổng số người tham gia trả lời cho Bảng khảo sát 96 người.

Bảng 2.7: Khảo sát năng lực làm việc của đoàn đánh giá ngoài

Năng lực	Mức độ thực hiện N = 96			
	Kém	Tr bình	Khá	Tốt
1. Năng lực nhận định về mức độ phù hợp của báo cáo tự đánh giá với quy định tại hướng dẫn tự đánh giá.	0 0%	19 20%	57 59%	20 21%
2. Năng lực đánh giá việc mô tả hiện trạng và xác định điểm mạnh, điểm yếu, kế hoạch cải tiến chất lượng của nhà trường dựa trên báo cáo tự đánh giá và khảo sát trực tiếp.	0 0%	14 15%	56 58%	26 27%
3. Năng lực xem xét, tiếp cận và nhận định minh chứng hay hoạt động thực tế.	0 0%	0 0%	42 44%	54 56%
4. Năng lực đánh giá một tiêu chí được xem là đạt hay chưa đạt dựa trên báo cáo tự đánh giá, lập luận và quan sát thực tế.	0 0%	5 5%	24 25%	67 70%
5. Năng lực thiết kế phiếu khảo sát đánh giá các hoạt động giáo dục của nhà trường.	0 0%	67 70%	19 20%	10 10%
6. Năng lực xử lý và viết báo cáo đánh giá ngoài.	0 0%	54 56%	23 24%	19 20%

Về cách nhận định mức độ phù hợp của báo cáo tự đánh giá với quy định tại hướng dẫn tự đánh giá có 59% ý kiến đánh giá tốt. Điều này đúng với thực tế mà tác giả luận văn quan sát và đọc trực tiếp báo cáo đánh giá ngoài. Nếu những thành viên tham gia đánh giá ngoài đã thực hiện tốt báo cáo tự đánh giá của trường mình hoặc là thành viên đánh giá ngoài đến từ trường MN đã được kiểm định thì yêu cầu này đối với họ được đáp ứng. Còn những thành viên chưa thực hiện tự đánh giá tại trường thì gặp khó khăn nhiều hơn. Tuy nhiên, qua phỏng vấn chúng tôi thu được được các ý kiến là việc tham gia đánh giá ngoài, giúp các thành viên về thực hiện tự đánh giá của trường mình tốt hơn.

Về cách nhận xét việc mô tả hiện trạng, xác định điểm mạnh, điểm yếu xác định kế hoạch cải tiến chất lượng của nhà trường dựa trên báo cáo tự đánh giá

và khảo sát trực tiếp có 58% ý kiến đánh giá tốt. Thực tế năng lực của đoàn đánh giá ngoài rất cần kinh nghiệm. Những thành viên đi lần thứ nhất thường chưa nhận xét tốt về việc này, phần lớn họ đồng ý với cách đánh giá của nhà trường và ít phát hiện ra các điểm mạnh hay điểm yếu mới của nhà trường qua khảo sát thực tế.

Về cách xem xét, tiếp cận và nhận định minh chứng hay hoạt động thực tế có 56% ý kiến đánh giá rất tốt. Như vậy, ta thấy việc này các thành viên của đoàn đánh giá làm tốt. Tuy nhiên, cần phải chỉ đạo thêm về việc nên xem xét và yêu cầu các minh chứng cốt lõi của các chỉ số. Không nên kiểm tra tất cả minh chứng vì như vậy sẽ không tập trung và tốn nhiều thời gian.

Về cách đánh giá một tiêu chí được xem là đạt hay chưa đạt dựa trên báo cáo tự đánh giá, lập luận và quan sát thực tế có 70% ý kiến đánh giá rất tốt. Việc này, cũng rất cần kinh nghiệm trong quản lý chuyên môn thực tế của trường mình, các kiểm định viên phải hiểu biết thêm lý thuyết về đánh giá định lượng và đánh giá định tính.

Việc thiết kế các phiếu khảo sát chất lượng của đoàn đánh giá ngoài có với 70% ý kiến cho là trung bình. Trong thực tế, việc thiết kế các phiếu khảo sát và xử lý số liệu khảo sát đều được cán bộ quản lý cấp Sở hỗ trợ cho tất cả các đoàn, còn hầu hết các thành viên trong đoàn đều thiếu năng lực thực hiện việc này. Hơn nữa, việc thiết kế các phiếu khảo sát yêu cầu các thành viên phải được tập huấn chuyên sâu hơn nữa về lĩnh vực đo lường đánh giá.

Về năng lực xử lý và viết báo cáo đánh giá ngoài có đến 56% cho là trung bình và rất cần có những khóa bồi dưỡng chuyên về lĩnh vực này.

2.2.2.4. Thực trạng kết quả đánh giá ngoài các trường mầm non

Tính đến thời điểm kết thúc năm học 2014-2015, Sở GD&ĐT đã đánh giá ngoài được 16 trường mầm non trên địa bàn tỉnh, kết quả đạt được như sau:

Bảng 2.8: Tổng hợp số liệu đánh giá ngoài trường mầm non

TT	Trường Mầm non	Tổng số tiêu chí đạt	Tiêu chí (chỉ số) không đạt	Thông tư đánh giá	Kết quả
1	Đức Xuân thành phố Bắc Kạn	25	1. (8,9) 2. (2) 3. (2,4) 5. (7)	Theo thông tư 45/TT-BGDĐT (31 tiêu chí)	II
2	Thanh Bình huyện Chợ Mới	27	1. (5,8) 3. (4) 5. (7)		II
3	Ngọc Phái huyện Chợ Đồn	25	1. (3,5,8) 2. (4,5) 3 (4)		II
4	Hảo Nghĩa huyện Na Rì	25	1. (8) 2. (4,6) 3 (5) 4. (2) 5. (7)		I
5	Quảng Khê huyện Ba Bể	27	1. (5,8) 3 (4) 5. (7)		II
6	Cắm Giàng huyện Bạch Thông	25	2. (4,5) 3. (2,4,5) 5. (7)		II
7	Huyền Tụng thành phố Bắc Kạn	23	1. (8) 2. (4,6) 3. (5) 4. (2) 5. (7)	Theo thông tư 25/TT-BGDĐT (29 tiêu chí)	II
8	Lương Hạ huyện Na Rì	23	2. (2,4) 3. (1,3,5) 5. (8)		I
9	Thanh Mai huyện Chợ Mới	24	1. (5,8) 2. (4) 3. (4,5)		I
10	Liên Cơ huyện Chợ Đồn	22	1. (1,2,8) 2. (4) 3. (3,4,5)		I
11	Cư Lễ huyện Na Rì	29	1. (1,8) 2. (1,4,5) 3. (3,4,5,6)		I
12	Lục Bình huyện Bạch Thông	24	1. (7,8) 3 (3,4,5)		I
13	Yên Đĩnh huyện Chợ Mới	19	1. (8) 2. (4,6) 3. (5) 4. (2) 5. (7)		I
14	Đông Viên huyện Chợ Đồn	19	1. (1,2,5,8) 2. (4,5) 3. (1,2,3,4,5) 5. (8)		I
15	Phương Thông huyện Bạch Thông	21	1. (5) 2. (1,2,4) 3. (3,4,5,6)		I
16	Chợ Mới huyện Chợ Mới	22	1. (2) 2. (1,2,4) 3. (4,5) 5. (8)		I

(Nguồn: [24])

Nhận xét kết quả đạt được từ Bảng 2.8

Tất cả các trường đều đạt được cấp độ trong đó có 6 trường đạt cấp độ 2 (cấp độ trung bình) và 10 trường đạt cấp độ 1 cấp độ thấp nhất, không có trường nào đạt cấp độ 3 cấp độ cao nhất.

- Những tiêu chí các trường không đạt thường là các tiêu chí về trình độ lý luận của lãnh đạo nhà trường thuộc tiêu chuẩn 1, tất cả các đơn vị đều có các tiêu chí thuộc tiêu chuẩn 3 không đạt đó là những chỉ số về cơ sở vật chất, về sĩ số lớp học không quá 30 học sinh/1 nhóm lớp (chỉ số b, tiêu chí 2, tiêu chuẩn 1) cũng không đạt.

Ngoài ra, cũng có tiêu chí yêu cầu phải có phòng giáo dục thể chất, nghệ thuật, bếp ăn, nhà vệ sinh (tiêu chí 4, tiêu chuẩn 3).

Hay là chỉ số về tổng diện tích mặt bằng của nhà trường tính theo đầu học sinh đạt ít nhất $12\text{m}^2/\text{học sinh}$ trở lên (chỉ số a, tiêu chí 2, tiêu chuẩn 3).

Mặc dù, hầu hết các trường kể trên đều không đạt các tiêu chí khó như diện tích đất cho học sinh, sĩ số học sinh/1 lớp, trình độ lý luận của lãnh đạo nhà trường... nhưng vẫn đạt cấp độ (cấp độ 1), bởi theo quy định hiện hành, các trường đạt 60% tổng tiêu chí trở lên là đạt cấp độ 1, không có các tiêu chí cốt lõi bị không chế.

2.3. Thực trạng quản lý KĐCLGD trường mầm non của tỉnh Bắc Kạn

2.3.1. Thực trạng quản lý tự đánh giá trường mầm non

Như phân tích ở Chương 1, nội dung của KĐCLGD trường MN gồm các khâu cơ bản như tự đánh giá, đánh giá ngoài, công nhận cấp độ đạt được chất lượng và duy trì cải tiến nâng cao chất lượng.

Để khảo sát thực trạng quản lý hoạt động tự đánh giá tại các trường mầm non. Có 276 ý kiến của CBQL 124 trường MN trên địa bàn tỉnh tham gia trả lời theo Bảng 2.9.

Bảng 2.9: Khảo sát thực trạng quản lý hoạt động tự đánh giá ở trường mầm non

Quản lý HĐ tự đánh giá trong KĐCLGD	Mức độ thực hiện N = 276			
	Chưa đạt	Đạt	Tốt	Rất tốt
1. Xác định mục đích tự đánh giá trường MN.	0 0%	0 0%	28 10%	248 90%
2. Huy động các nguồn lực thực hiện tự đánh giá trường MN.	86 31%	75 27%	63 23%	52 19%
3. Xây dựng lộ trình và định thời gian thực hiện tự đánh giá trường MN.	30 11%	108 39%	138 50%	0 0%
4. Ra văn bản triển khai và hướng dẫn thực hiện KĐCLGD	0 0%	55 20%	166 60%	55 20%
5. Tập huấn phương pháp tự đánh giá trường MN.	0 0%	83 30%	110 40%	83 30%
6. Xây dựng triển khai mạng lưới có chuyên môn KĐCLGD.	155 56%	55 20%	66 24%	0 0%
7. Có chế độ để các trường MN tham gia KĐCLGD.	193 70%	61 22%	22 8%	0 0%
8. Xây dựng các yêu cầu đánh giá hoạt động tự đánh giá và báo cáo tự đánh giá.	110 40%	116 42%	28 10%	22 8%

Kết quả bảng 2.9 phản ánh một thực trạng là:

Đội ngũ cán bộ quản lý cũng như giáo viên, đều xác định rất tốt mục đích tự đánh giá. Việc thực hiện hoạt động tự đánh giá đạt mục tiêu, yêu cầu đề ra nhanh hay chậm phụ thuộc vào việc xây dựng đội ngũ giáo viên, chế độ để các trường tham gia nhưng điều này còn yếu.

Về xác định mục đích tự đánh giá trường MN có 90% ý kiến đánh giá rất tốt, cho thấy việc xác định mục đích tự đánh giá được thực hiện rất rõ ràng và được đánh giá cao.

Về việc huy động nguồn lực để thực hiện tự đánh giá trường MN có đến 31% ý kiến cho là chưa đạt yêu cầu. Thực ra, việc huy động nguồn lực bao

gồm cả nhân lực, vật lực, tài lực cho hoạt động tự đánh giá và các điều kiện đảm bảo chất lượng trường MN bao gồm nhiều yếu tố như cơ sở vật chất, đội ngũ giáo viên, CBQL, chương trình dạy học, phương pháp dạy học, cha mẹ, học sinh,... và đây là cả quá trình cần có sự chỉ đạo thống nhất trong toàn ngành để đảm bảo các yêu cầu về chất lượng.

Về xây dựng lộ trình và thời gian thực hiện tự đánh giá trường MN có 11% ý kiến trả lời là chưa đạt. Thực tế qua quan sát, tác giả nhận thấy việc xây dựng lộ trình cho việc tự đánh giá của từng trường chưa có cơ chế hay quy định nào bắt buộc các trường phải hoàn thành tự đánh giá. Dẫn đến một số trường chỉ thực hiện tự đánh giá cho chiếu lệ.

Về ra văn bản hướng dẫn thực hiện kế hoạch cũng như quán triệt chủ trương chính sách KĐCLGD được đánh giá cao. Thực tế qua khảo sát, tác giả cũng đã ghi nhận được sự nỗ lực của Sở GD&ĐT trong việc triển khai các văn bản quy phạm pháp luật của Bộ GD&ĐT. Ngoài ra, Sở cũng đã có 10 văn bản ban hành để chỉ đạo thực hiện KĐCLGD trường MN.

Về công tác tổ chức tập huấn tự đánh giá, bồi dưỡng chuyên môn của trường MN đáp ứng được yêu cầu công việc với 70% ý kiến đánh giá tốt.

Đối với các phòng GD&ĐT còn có ý kiến đánh giá mức trung bình, điều này chứng tỏ chất lượng công tác tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn về KĐCLGD, hoạt động tự đánh giá, vẫn còn hạn chế. Để nâng cao chất lượng hoạt động tự đánh giá, công tác KĐCLGD trong thời gian tới cần khắc phục điểm hạn chế này với các hình thức tổ chức linh hoạt, phong phú về nội dung.

Tuy nhiên, việc xây dựng và triển khai hoạt động mạng lưới chuyên môn có đến 56% trả lời mức chưa đạt yêu cầu. Đây là một tỉ lệ khá cao, cần lưu ý. Theo quan sát trong thực tế có danh sách các kiểm định viên có chuyên môn KĐCLGD trường MN là 80 thành viên, nhưng mạng lưới này hoạt động chưa hiệu quả và chưa phát huy được chức năng và nhiệm vụ.

Về chế độ khuyến khích để các trường MN tham gia KĐCLGD có 42% ý kiến cho rằng là chưa đạt yêu cầu. Điều này cần lưu ý. Thực tế hiện nay chưa có chế độ tài chính nào để động viên khuyến khích cá nhân hay tập thể tham

gia KĐCLGD. Tuy nhiên, Nhà trường cũng đã nỗ lực đưa hoạt động KĐCLGD vào những hoạt động giáo dục chung. Xét thi đua của cá nhân và tập thể qua việc thực hiện các hoạt động KĐCLGD.

Tổ chức sơ kết, tổng kết công tác KĐCLGD có 37% trả lời chưa đạt yêu cầu. Điều này phản ánh đúng thực trạng, qua 3 năm triển khai thực hiện KĐCLGD tác giả nhận thấy các nhà trường chưa tổ chức hội nghị sơ kết, tổng kết cho hoạt động tự đánh giá để chia sẻ kinh nghiệm từ các thành viên hay các nhà trường khác.

Cùng với việc xây dựng và ban hành các văn bản hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ KĐCLGD, Sở GD&ĐT đã ban hành các văn bản đơn đốc, yêu cầu báo cáo tiến độ thực hiện của quá trình KĐCLGD.

- Cử cán bộ, chuyên viên của phòng KT&QLCLGD tham dự hội thảo - hội nghị tự đánh giá của 8/8 huyện, thành phố; 16/124 trường MN để giúp các đơn vị tháo gỡ những khó khăn vướng mắc trong quá trình thực hiện.

- Tổ chức kiểm tra 5/8 huyện, thành phố về công tác KĐCLGD, kết thúc đợt kiểm tra có thông báo kết quả đánh giá đến các đơn vị.

Về xây dựng các yêu cầu đánh giá hoạt động tự đánh giá và báo cáo tự đánh giá có 14% ý kiến trả lời ở mức chưa đạt yêu cầu. Để hiểu rõ việc này, tác giả luận văn cũng đã ghi nhận được cả tỉnh có 124 trường MN thực hiện tự đánh giá, nhưng cán bộ chuyên viên về KĐCLGD của phòng Khảo thí và QLCLGD chỉ có vài người nên cũng chưa đủ sức để kiểm tra cụ thể từng trường để giúp các trường thực hiện tốt công tác này.

2.3.2. Thực trạng quản lý đánh giá ngoài trường mầm non

Trong nội dung của KĐCLGD trường MN, khâu đánh giá ngoài được coi là khâu quan trọng nhất để công nhận cấp độ chất lượng giáo dục trường MN.

Để khảo sát thực trạng quản lý đánh giá ngoài trong KĐCLGD trường MN, tác giả đã khảo sát chức năng quản lý thông qua việc lập kế hoạch, tổ chức thực hiện, chỉ đạo thực hiện và kiểm tra đánh giá hoạt động đánh giá ngoài trường MN. Có 80 ý kiến của kiểm định viên đánh giá trường MN và 16 ý kiến của 16 trường mầm non đã đánh giá ngoài trả lời theo Bảng 2.10.

Bảng 2.10: Khảo sát thực trạng quản lý hoạt động đánh giá ngoài

Quản lý HĐ đánh giá ngoài trong KĐCLGD	Mức độ thực hiện			
	Chưa đạt	Đạt	Tốt	Rất tốt
1. Xác định mục đích đánh giá ngoài trường MN.	0 0%	0 0%	0 0%	96 100%
2. Huy động các nguồn lực thực hiện đánh giá ngoài trường MN.	68 70%	19 20%	9 10%	0 0%
3. Xây dựng lộ trình và định thời gian thực hiện đánh giá ngoài trường MN.	11 11%	37 39%	48 50%	0 0%
4. Ra văn bản triển khai và hướng dẫn thực hiện.	0 0%	19 20%	19 20%	58 60%
5. Phổ biến quán triệt chính sách KĐCLGD.	0 0%	29 30%	29 30%	38 40%
6. Tập huấn phương pháp đánh giá ngoài trường MN.	0 0%	19 20%	23 24%	54 56%
7. Xây dựng triển khai mạng lưới có chuyên môn KĐCLGD.	49 50%	19 20%	19 20%	9 10%
8. Thành lập đoàn đánh giá ngoài	0 0%	0 0%	22 23%	64 67%
9. Công nhận cấp độ chất lượng trao giấy KĐCLGD.	0 0%	0 0%	42 44%	54 56%
10. Tổ chức sơ kết, tổng kết hay hội thảo về công tác KĐCLGD.	35 37%	22 23%	27 28%	12 12%
11. Động viên khen thưởng kịp thời cá nhân và tập thể tham gia tốt các hoạt động KĐCLGD.	0 0%	48 50%	38 40%	9 10%
12. Nhân rộng điển hình các trường MN làm tốt công tác KĐCLGD.	19 20%	56 27%	38 50%	3 3%
13. Xây dựng các yêu cầu đánh giá hoạt động đánh giá ngoài và báo cáo đánh giá ngoài.	63 65%	12 13%	11 12%	9 10%
14. Xem xét điều chỉnh kế hoạch KĐCLGD.	53 55%	22 23%	12 12%	9 10%
15. Cải tiến hoạt động chuyên môn về KĐCLGD trường MN.	0 0%	12 13%	27 28%	57 59%

Về xác định mục đích đánh giá ngoài trường MN có tỷ lệ cao nhất (100% ý kiến đánh giá rất tốt), cho thấy việc xác định mục đích đánh giá ngoài được thực hiện rất rõ ràng và được đánh giá cao nhất.

Về việc huy động nguồn lực để thực hiện đánh giá ngoài trường MN có đến 23% ý kiến cho là chưa đạt yêu cầu. Việc huy động nguồn lực bao gồm cả nhân lực, vật lực, tài lực cho công tác đánh giá ngoài chưa nhiều mới dừng lại ở nhân lực hiện có.

Về xây dựng lộ trình và thời gian thực hiện đánh giá ngoài trường MN có 11% ý kiến trả lời là chưa đạt. Thực tế qua quan sát, tác giả nhận thấy việc xây dựng lộ trình cho việc đánh giá ngoài của từng trường chưa có cơ chế hay quy định nào bắt buộc các trường phải đăng ký đánh giá ngoài. Dẫn đến một số trường chỉ thực hiện tự đánh giá và không muốn đăng ký đánh giá ngoài.

Về văn bản hướng dẫn thực hiện kế hoạch cũng như quán triệt chủ trương chính sách KĐCLGD được đánh giá cao. Qua nghiên cứu, tìm hiểu các văn bản hướng dẫn và trao đổi trực tiếp với cán bộ phụ trách cấp Sở, chúng tôi nhận thấy Sở GD&ĐT Bắc Kạn đã triển khai các văn bản quy định về KĐCLGD của Bộ GD&ĐT và Sở GD&ĐT cũng đã có văn bản ban hành để chỉ đạo thực hiện.

Việc xây dựng và triển khai hoạt động mạng lưới chuyên môn đánh giá ngoài có đến 56% trả lời mức chưa đạt yêu cầu. Đây là một tỉ lệ khá cao, cần lưu ý. Thực tế mạng lưới này hoạt động chưa hiệu quả và chưa phát huy được chức năng và nhiệm vụ.

Về thành lập đoàn đánh giá ngoài và công nhận cấp độ chất lượng, trao giấy kiểm định chất lượng có 100% ý kiến cho rằng là tốt và rất tốt. Điều này phản ánh đúng thực trạng của Sở GD&ĐT trong vai trò ra quyết định thành lập đoàn đánh giá ngoài và quyết định công nhận trường đạt chuẩn kiểm định.

Tổ chức sơ kết, tổng kết hay hội thảo về công tác KĐCLGD có 37% trả lời chưa đạt yêu cầu. Điều này phản ánh đúng thực trạng, qua 5 năm triển khai thực hiện KĐCLGD Sở GD&ĐT chỉ mới tổ chức 1 hội nghị sơ kết, chưa tổ

chức hội thảo khoa học chuyên biệt cho hoạt động này để chia sẻ kinh nghiệm từ quốc tế hay các địa phương khác.

Về việc động viên khen thưởng kịp thời các cá nhân và tập thể tham gia KĐCLGD có 20% đánh giá đạt, 70% đánh giá tốt và 10% đánh giá rất tốt đã phản ánh được vai trò chỉ đạo cấp Sở trong hoạt động KĐCLGD.

Việc nhân rộng điển hình được đánh giá mức trung bình. Điều này phản ánh đúng thực trạng của Sở GD&ĐT trong vai trò chỉ đạo hoạt động KĐCLGD. Các cá nhân và tập thể làm tốt công tác KĐCLGD mới được nêu gương trong các kỳ tổng kết hay các cuộc hội nghị lớn của toàn ngành và khuyến khích các trường khác tham quan, học tập tại các nơi điển hình này

Về xây dựng các yêu cầu đánh giá hoạt động đánh giá ngoài và báo cáo đánh giá ngoài thấp có 65% ý kiến cho là chưa đạt yêu cầu đây là tỷ lệ cao. Để lý giải cho việc này, tác giả luận văn đã khảo sát trực tiếp đến quy trình tổ chức thực hiện đánh giá ngoài hiện nay do Bộ GD&ĐT ban hành. Cho thấy, kết quả đánh giá ngoài được trường đoàn gửi về Sở và chịu trách nhiệm trực tiếp với Giám đốc Sở về kết quả. Nghĩa là kết quả đánh giá ngoài hay báo cáo đánh giá ngoài chưa được thẩm định trước khi trình Giám đốc Sở. Hiện nay, chưa có khâu thẩm định kết quả đánh giá ngoài, dẫn đến kết quả đánh giá ngoài chưa đảm bảo độ tin cậy cao. Hơn nữa, theo Thông tư 25 sau khi hoàn tất đánh giá ngoài, báo cáo đánh giá ngoài phải công khai trên website của Sở GD&ĐT. Nhưng hiện nay, Sở GD&ĐT chưa có thực hiện điều này.

Về việc xem xét và điều chỉnh kế hoạch KĐCLGD đánh giá là thấp và 55% tỷ lệ trả lời chưa đạt yêu cầu là cao. Thực tế quan sát được từ các hoạt động kiểm tra đánh giá cấp Sở GD&ĐT về KĐCLGD cho thấy việc xem xét và điều chỉnh kế hoạch thường ít thực hiện. Hầu hết các kế hoạch về KĐCLGD được xây dựng từ đầu năm học và thực hiện cho đến hết năm học không có việc rà soát và điều chỉnh.

Về việc cải tiến chuyên môn trong hoạt động đánh giá ngoài được đánh giá ở mức đạt. Điều này phản ánh đúng thực trạng về quản lý chuyên môn đánh giá ngoài của Sở GD&ĐT. Đội ngũ CBQL cấp Sở về KĐCLGD được đào tạo chuyên môn và nhiệt tình trong công việc. Luôn có những buổi tập huấn chuyên môn đa dạng về chủ đề phù hợp với tình hình thực tiễn KĐCLGD tại tỉnh Bắc Kạn.

Theo ghi nhận của tác giả luận văn: Các cấp quản lý giáo dục cơ bản đã nhận thức đầy đủ về mục đích, yêu cầu của công tác KĐCLGD. Công tác chỉ đạo của phòng GD &ĐT các huyện, thành phố cơ bản đáp ứng yêu cầu thực tế tại địa phương. Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên các nhà trường, các thành viên hội đồng tự đánh giá có ý thức trách nhiệm cao trong việc thực hiện nhiệm vụ KĐCLGD. Nhưng một số đơn vị công tác kiểm tra, giám sát tiến độ thực hiện các công việc theo quy trình KĐCLGD chưa tốt. Chất lượng hiệu quả thực hiện các nội dung công việc theo quy trình KĐCLGD ở một số đơn vị chưa đáp ứng yêu cầu đặt ra.

2.3.3. Thực trạng tập huấn tự đánh giá

Từ năm 2014 đến nay, Sở GD&ĐT đã tổ chức 3 đợt tập huấn tự đánh giá đến các trường MN. Thành phần tham dự là hiệu trưởng (chủ tịch hội đồng tự đánh giá), thư ký hội đồng tự đánh giá và các thành viên trong hội đồng tự đánh giá.

Nội dung tập huấn phổ biến các văn bản quy định liên quan của Bộ GD&ĐT, bộ tiêu chuẩn đánh giá trường MN, quy trình và chu kỳ KĐCLGD, tổ chức và viết báo cáo tự đánh giá trong nhà trường MN và các thông tin liên quan đến KĐCLGD. Ngoài ra, Sở GD&ĐT tập huấn thực hành làm bài tập về tìm minh chứng, mã hóa minh chứng, viết phiếu đánh giá tiêu chí, viết báo cáo tự đánh giá. Thời lượng tập huấn là một ngày hay ba ngày tùy từng đợt.

Sau khi Sở GD&ĐT tập huấn chung cho tất cả các trường MN, các CBQL được cử đi dự tập huấn về tổ chức tập huấn lại cho chính trường mình. Qua

kiểm tra, đôn đốc cũng như khảo sát, luận văn ghi nhận được 24 trường (chiếm 20%) có tổ chức tự tập huấn trong đơn vị.

Ngoài ra, có 10 trường, cũng đã mời trực tiếp các cán bộ, chuyên gia về tập huấn cho toàn thể đội ngũ của trường chiếm tỷ lệ 12% tổng số các trường MN. Rõ ràng, đây là tỷ lệ còn hạn chế chung cả tỉnh. Trong thực tế, việc các trường cử cán bộ đi dự tập huấn cử người không đúng thành phần quy định, dẫn đến về cơ sở rất khó triển khai lại cho đơn vị. Ngoài ra, nội dung triển khai tập huấn chưa chi tiết cụ thể về kỹ thuật đánh giá nhà trường qua bộ tiêu chuẩn. Chưa phân tích kỹ từng tiêu chí và các chỉ số nên có minh chứng số liệu định tính và những minh chứng số liệu định lượng như thế nào là phù hợp.

2.3.4. Thực trạng tập huấn đánh giá ngoài

Theo quy định của Bộ GD&ĐT, tiêu chuẩn của kiểm định viên phải thông qua lớp đào tạo đánh giá ngoài do Bộ GD&ĐT tổ chức và được cấp giấy chứng nhận. Trong những năm qua, Sở GD&ĐT đã tổ chức được 08 đợt đào tạo kiểm định viên đánh giá ngoài. Thành phần được cử đi dự tập huấn là lãnh đạo chuyên viên phụ trách KĐCLGD, hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, chủ tịch công đoàn, tổ trưởng chuyên môn, giáo viên. Yêu cầu các đối tượng này phải có ít nhất 5 năm công tác trong lĩnh vực giáo dục.

Chương trình tập huấn đánh giá ngoài do Bộ GD&ĐT tổ chức

+ Về nội dung chuyên đề tập huấn: chuyên đề tập huấn đánh giá ngoài được xây dựng thành từng bài giảng với các nội dung cơ bản theo quy trình hoạt động đánh giá ngoài như:

Tổng quan về KĐCLGD; Quy trình đánh giá ngoài; Hướng dẫn nghiên cứu hồ sơ đánh giá ngoài; Phân tích báo cáo tự đánh giá; Mẫu nhận xét báo cáo tự đánh giá; Khảo sát sơ bộ và chính thức; Viết báo cáo sơ bộ; Viết báo cáo đánh giá ngoài; các kỹ thuật đánh giá.

+ Thời gian tập huấn: 30 tiết, trong đó có 25 tiết lý thuyết và 5 tiết thực hành

- + Báo cáo viên: là cán bộ của Cục Khảo thí và KĐCLGD.
- + Đối tượng tham gia lớp tập huấn: là CBQL các trường MN
- + Giấy chứng nhận: Cuối khóa, các học viên được cấp giấy chứng nhận do Cục Khảo thí và KĐCLGD cấp.

Nhận xét: Chương trình tập huấn đơn giản, gọn nhẹ bám sát theo các hoạt động tự đánh giá và đánh giá ngoài. Tuy nhiên, chương trình chưa tập trung sâu vào kỹ năng đánh giá, cách đánh giá định tính, định lượng theo từng tiêu chí, thiếu thực hành. Nội dung tập huấn còn mang nặng tính lý thuyết, chưa có thực tế. Ngoài ra, việc làm này của Bộ GD&ĐT chưa tách bạch khỏi quản lý nhà nước và quản lý chuyên môn. Việc đào tạo đánh giá ngoài nên giao quyền về cho các cơ sở đào tạo đủ năng lực. Tránh tình trạng 63 tỉnh thành trong cả nước trông chờ vào cán bộ của Cục Khảo thí và KĐCLGD xếp lịch tập huấn, chưa kể đến những bất cập trong thủ tục hành chính.

Tổng số CBQL, GV được tập huấn đánh giá ngoài là 80 người. Đây là lực lượng kiểm định viên mà Sở GD&ĐT huy động, ra quyết định thành lập nhân sự các đoàn đánh giá ngoài.

Cùng với việc Bộ GD&ĐT tập huấn và cấp chứng chỉ cho tất cả kiểm định viên, Sở GD&ĐT sau khi triển khai quyết định các đoàn đánh giá ngoài cũng đã tổ chức tập huấn chuyên sâu về kỹ thuật đánh giá chất lượng giáo dục và chia sẻ kinh nghiệm công tác tổ chức, quản lý điều hành đoàn đánh giá ngoài.

Tất cả quy trình, nội dung, biểu mẫu thực hiện hoạt động KĐCLGD theo Văn bản số 6339/BGDĐT-KTKĐCLGD ngày 05/11/2014 của Bộ GD&ĐT về việc Hướng dẫn tự đánh giá và đánh giá ngoài trường mầm non.

2.3.5. Nhu cầu bồi dưỡng chuyên môn trong lĩnh vực kiểm định chất lượng giáo dục mầm non

Bảng 2.11: Nhu cầu bồi dưỡng chuyên môn trong lĩnh vực KĐCLGD

Nội dung	Mức độ cần thiết N = 276			
	Không cần thiết	Phân vân	Cần thiết	Rất cần
1. Lập luận và hành văn để viết báo cáo tự đánh giá và đánh giá ngoài.	0 0%	0 0%	28 10%	248 90%
2. Hiểu biết và vận dụng được yêu cầu, nội hàm của chỉ số, tiêu chí trong bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng.	0 0%	0 0%	193 70%	83 30%
3. Thiết kế các phiếu khảo sát đánh giá chất lượng các hoạt động giáo dục trong tự đánh giá và đánh giá ngoài.	0 0%	56 20%	110 40%	110 40%
4. Thông kê phân tích dữ liệu trong đánh giá	0 0%	56 20%	110 40%	110 40%
5. Tổ chức tham quan học tập chia sẻ kinh nghiệm KĐCLGD.	0 0%	0 0%	0 0%	276 100%

Qua khảo sát thực tế cho thấy các hiệu trưởng trường mầm non triển khai hoạt động KĐCLGD của nhà trường theo văn bản quy định. Tuy nhiên chất lượng thực hiện từng nội dung chưa đạt như mong muốn.

Về cách lập luận và hành văn để viết báo cáo tự đánh giá cũng như báo cáo đánh giá ngoài có 90% ý kiến cho rằng rất cần thiết việc bồi dưỡng cho họ kiến thức, kỹ năng về cách lập luận và hành văn để viết báo cáo tự đánh giá cũng như báo cáo đánh giá ngoài. Đây là thực tế, bởi qua khảo sát các bản báo cáo tự đánh giá và báo cáo đánh giá ngoài cũng cho thấy rằng năng lực lập luận và hành văn trong báo cáo khoa học là rất cần thiết, bởi lẽ hầu hết các báo cáo đều mắc lỗi này.

Về hiểu biết và vận dụng được yêu cầu, nội hàm của chỉ số, tiêu chí, trong bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng có 70% ý kiến cho là rất cần thiết và 30% ý kiến cho là cần thiết phải được tập huấn để hiểu một cách sâu sắc và thấu đáo từng nội hàm của chỉ số, tiêu chí. Có như vậy, mới tự đánh giá hay đánh giá ngoài mới chính xác, khách quan, công bằng.

Về thiết kế phiếu khảo sát đánh giá chất lượng các hoạt động giáo dục và thống kê phân tích dữ liệu trong đánh giá có 40% ý kiến cho là cần thiết, 40% ý kiến cho là rất cần. Bởi lẽ, trong thực tế những đánh giá định tính rất cần các phiếu khảo sát, kỹ thuật thiết kế phiếu, thang đo, các dạng câu hỏi,... đều ít được các hội đồng tự đánh giá cũng như đoàn đánh giá ngoài sử dụng vì họ chưa nắm được kỹ thuật thực hiện phiếu khảo sát, xử lý và sử dụng kết quả.

Về tham quan học tập chia sẻ kinh nghiệm từ các trường bạn (xếp hạng cao nhất) có 100% ý kiến cho là rất cần thiết.

Như vậy chúng ta thấy, rất cần thiết việc thiết kế chương trình đào tạo bồi dưỡng kiểm định viên với các yêu cầu được nêu trong bảng khảo sát.

2.3.6. Đánh giá tác động của kiểm định chất lượng giáo dục trường mầm non đến việc cải tiến chất lượng giáo dục

Để đánh giá được tác động của KĐCLGD trường MN đến việc cải tiến chất lượng giáo dục tác giả luận văn đã tiến hành khảo sát đến CBQL và GV trường MN với 276 ý kiến thu được theo Bảng 2.12.

Bảng 2.12: Tác động của KĐCLGD trường MN đến việc cải tiến chất lượng giáo dục

Tác động của KĐCLGD đã giúp nhà trường	Mức độ đồng ý N = 276			
	Không đồng ý	Phân vân	Đồng ý	Hoàn toàn đồng ý
1. Nâng cao ý thức trách nhiệm của đội ngũ CB, GV, NV trong đảm bảo chất lượng chăm sóc giáo dục trẻ mầm non.	14 5%	14 5%	110 40%	138 50%
2. Xác định được điểm mạnh, điểm yếu và đề ra các biện pháp cải tiến chất lượng giáo dục trong nhà trường.	14 5%	41 15%	138 50%	83 30%
3. Nhận thức được tầm quan trọng của công tác văn thư, lưu trữ hồ sơ minh chứng.	0 0%	0 0%	0 0%	276 100%
4. Có kế hoạch bồi dưỡng phát triển đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên trong nhà trường để đáp ứng yêu cầu kiểm định.	28 10%	28 10%	192 70%	28 10%
5. Quan tâm nhiều hơn đến việc xây dựng uy tín, thương hiệu của nhà trường.	55 20%	28 10%	110 40%	83 30%
6. Chú trọng hơn về công tác xây dựng kế hoạch, chiến lược phát triển nhà trường.	110 40%	28 10%	83 30%	55 20%

Qua kết quả Bảng 2.12, tác giả nhận thấy KĐCLGD có tác động tích cực đến việc nâng cao các điều kiện đảm bảo chất lượng giáo dục như công tác văn thư, lưu trữ hồ sơ minh chứng, lập kế hoạch,... Tuy nhiên, đối với xây dựng kế hoạch và chiến lược phát triển nhà trường có 40% ý kiến tán thành, cũng như 5% ý kiến không đồng ý về việc nâng cao ý thức trách nhiệm của đội ngũ CB, GV, NV trong việc đảm bảo chất lượng chăm sóc giáo dục trẻ. Điều này có nghĩa là còn một số ít CB, GV, NV vẫn coi công tác KĐCLGD như là sự đối phó, chưa thật sự trở thành động lực thúc đẩy sự phát triển nhà trường hướng đến chất lượng.

Tuy nhiên, để đánh giá được tác động của KĐCLGD là hướng tới xây dựng và phát triển văn hóa chất lượng nhà trường tác giả luận văn đã phỏng vấn các hiệu trưởng MN về điều này. Qua phỏng vấn cho thấy hầu hết là nhận thức của họ chỉ ở mức cơ bản là đáp ứng yêu cầu của Sở GD&ĐT cũng như các cơ quan quản lý. Chỉ có một vài hiệu trưởng có quan tâm đến việc sẽ xây dựng hình ảnh hay “thương hiệu” nhà trường ở mức lâu dài.

Ngoài ra, để đánh giá một cách toàn diện sự tác động của KĐCLGD đối với việc nâng cao chất lượng giáo dục trong nhà trường chúng ta cần phải có thời gian để có các kết quả của nhà trường thông qua các chỉ số như: tỷ lệ bé chuyên cần, số trẻ thể nhẹ cân, hiểu biết của trẻ, số giáo viên đạt chuẩn và trên chuẩn,... Trong khuôn khổ thời gian nghiên cứu của luận văn chưa đủ dài để đo đạt được sự tiến bộ của nhà trường qua các chỉ số trên.

2.4. Các yếu tố ảnh hưởng đến quản lý hoạt động kiểm định chất lượng giáo dục trường MN

Qua trao đổi với CBQL cấp Sở, Phòng GD; Kiểm định viên chúng tôi được biết các yếu tố ảnh hưởng đến thực trạng công tác quản lý hoạt động KĐCL giáo dục trường mầm non của tỉnh BK tập trung ở một số yếu tố sau:

2.4.1. Cơ chế tài chính

Chưa có chính sách thỏa đáng cho các trường tham gia và đạt chuẩn KĐCLGD, nên chưa tạo sự động viên khuyến khích. Chưa có giải pháp, chế tài

cụ thể đối với trường MN chưa thực hiện tự đánh giá. Kinh phí cho hoạt động KĐCLGD trường MN chủ yếu là ngân sách, chưa huy động được các nguồn lực bên ngoài nên rất hạn chế. Chính vì vậy, cũng chưa tạo được động lực cho các trường tham gia.

2.4.2. Tổ chức bộ máy và phân cấp

Chưa hình thành được tổ chức kiểm định độc lập, việc phân quyền cho Sở GD&ĐT tổ chức, quản lý và thực hiện KĐCLGD trường MN chỉ là bước khởi đầu của việc đưa KĐCLGD vào nhà trường. Về lâu dài, theo Nghị quyết TW 8, khóa 11 phải hình thành tổ chức KĐCLGD độc lập với Sở GD&ĐT (tách quản lý chuyên môn ra khỏi cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục). Hiện nay, Giám đốc Sở GD&ĐT được phân quyền trong công tác KĐCLGD trường MN, từ khâu tổ chức thực hiện tự đánh giá, đánh giá ngoài và công nhận mức chất lượng. Giám đốc Sở GD&ĐT ký và cấp chứng nhận, dẫn đến tình trạng “vừa đá bóng, vừa thổi còi”, như vậy không độc lập và không khách quan.

2.4.3. Tiêu chuẩn đánh giá chất lượng trường MN

Tiêu chuẩn đánh giá chất lượng trường MN thiếu logic và chưa sát với thực tế. Cụ thể, bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng trường MN tuy đã được qua 2 lần chỉnh sửa, cũng đã thay đổi nhiều cho phù hợp. Tuy nhiên, vẫn rất cần có sự thay đổi để phù hợp hơn so với tỉnh Bắc Kạn. Bởi lẽ, đây là bộ tiêu chuẩn dùng chung cho tất cả các trường MN trên cả nước, do vậy rất cần thiết phải có những tiêu chí linh hoạt cho từng vùng miền. Bộ tiêu chuẩn chưa có các tiêu chí về sứ mạng và tầm nhìn của nhà trường. Chính vì vậy, các trường đạt chuẩn kiểm định nhưng chưa được thể hiện, hoặc có thể hiện cũng chưa được đánh giá về nét riêng biệt, đặc trưng của nhà trường. Theo thông tư 25 “Kiểm định chất lượng giáo dục nhằm giúp cơ sở giáo dục xác định mức độ đáp ứng mục tiêu giáo dục trong từng giai đoạn...” Tuy nhiên, việc này còn mang tính lý thuyết không thực tế. Vì mục tiêu của giáo dục MN theo điều lệ trường MN cũng rất khó xác định do không thể đo lường được.

2.4.4. Năng lực của cán bộ quản lý, giáo viên tại các trường mầm non

Đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên nhiệt huyết, có năng lực được xem là một trong những yếu tố quan trọng quyết định sự thành công trong việc đạt được các mục tiêu nâng cao chất lượng đào tạo của mỗi trường. Theo đó, công tác xây dựng phát triển đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên có năng lực thường xuyên được các trường trên địa bàn tỉnh thực hiện.

Về đội ngũ quản lý hiện nay tổng số cán bộ quản lý của 122 trường mầm non của tỉnh Bắc Kạn là 276 người, trong đó: Trình độ trên chuẩn 248, đạt chuẩn 28 người.

Về đội ngũ giáo viên hiện nay tổng số giáo viên tại các trường mầm non trên địa bàn tỉnh là 1559 người, trong đó: Trình độ trên chuẩn 897, đạt chuẩn 662 người.

Qua số liệu trên cho thấy, đội ngũ giáo viên của các trường mầm non trên địa bàn tỉnh có trình độ trên chuẩn rất cao, có đủ năng lực để tham gia đào tạo. Từ đó cho thấy để xây dựng đội ngũ giáo viên có năng lực cần tính đến số giáo viên cần có (số lượng) và trình độ (chất lượng) cần thiết. Các phương pháp xây dựng đội ngũ giáo viên có năng lực một mặt cần chú trọng vào đội ngũ giáo viên hiện có thông qua các biện pháp nâng cao và phát triển, mặt khác cần có các giải pháp hiệu quả cho công tác đào tạo lần đầu hay đào tạo trước khi hành nghề đối với đội ngũ giáo viên.

2.5. Đánh giá chung về những ưu điểm và hạn chế của quản lý kiểm định chất lượng giáo dục trường mầm non của tỉnh Bắc Kạn

2.5.1. Những ưu điểm

- Bộ GD&ĐT và Sở GD&ĐT đã ban hành đầy đủ các văn bản quy phạm pháp luật cũng như văn bản chuyên môn để chỉ đạo, triển khai thực hiện hoạt động KĐCLGD trường MN. Các văn bản chỉ đạo cấp Bộ và cấp Sở phù hợp tương đối với khoa học về KĐCLGD cũng như tình hình thực tế tại tỉnh Bắc Kạn và cả nước.

- KĐCLGD trường MN đã thật sự trở thành một hoạt động quản lý chất lượng giáo dục như đã được quy định trong Luật Giáo dục. Kết quả bước đầu của công tác KĐCLGD đã khẳng định được tính đúng đắn và là biện pháp để nâng cao chất lượng trường MN. KĐCLGD trường MN đã giúp cho Sở GD&ĐT trong công tác quản lý các trường MN một cách chặt chẽ và toàn diện. Thông qua KĐCLGD đã thúc đẩy trường MN cải tiến các điều kiện đảm bảo chất lượng của trường. KĐCLGD trường MN đã giúp các trường hình thành văn hóa chất lượng trong nhà trường, thể hiện sự phấn đấu vì chất lượng tránh được bệnh “hình thức” chạy theo số lượng và đối phó với cấp trên. Những trường có các điều kiện đảm bảo chất lượng tốt sẽ dễ dàng tham gia vào quá trình tự đánh giá và đăng ký để được đánh giá ngoài. Việc phân quyền cho Giám đốc Sở ký giấy chứng nhận mức chất lượng thể hiện sự phân quyền trong quản lý từ trung ương đến địa phương.

- KĐCLGD trường MN đã giúp nhà trường đánh giá đúng thực trạng của nhà trường thông qua bộ tiêu chuẩn. Việc tham gia đánh giá ngoài đã giúp nhà trường nhìn lại chính mình một cách khách quan nhất bởi sự tư vấn và giúp đỡ của đoàn đánh giá ngoài với tinh thần đánh giá đồng nghiệp. Đoàn đánh giá ngoài cũng học được rất nhiều kinh nghiệm từ trường được đánh giá những vấn đề về quản lý, về chuyên môn. Thông qua KĐCLGD các thành viên trong nhà trường cũng như đoàn đánh giá có dịp rèn luyện hơn về các kỹ năng đánh giá chất lượng giáo dục.

2.5.2. Những hạn chế

- Về kiểm định viên

Để thực hiện được cơ chế quản lý KĐCLGD cần có đội ngũ cán bộ thực hiện nhiệm vụ KĐCLGD được đào tạo chuyên nghiệp. Hiện nay, lực lượng kiểm định viên là những thành viên từ các trường, đang thực thi nhiệm vụ chính là CBQL ở tại trường. Do vậy, được cử đi đánh giá ngoài là kiêm nhiệm nên cũng không ít khó khăn khi điều động. Năng lực của kiểm định viên chưa

đáp ứng yêu cầu. Cụ thể là năng lực lập luận và viết báo cáo tự đánh giá cũng như viết báo cáo đánh giá ngoài còn nhiều hạn chế. Cần có chương trình đào tạo bồi dưỡng kiểm định viên chuyên sâu hơn.

- Về quản lý hoạt động tự đánh giá trường MN

+ *Nhận thức của các trường MN về công tác KĐCLGD*: Một số trường MN chưa nhận thức được chất lượng là sự sống còn của nhà trường. Các trường vẫn phụ thuộc vào sự chi phối hoàn toàn của cơ quan quản lý như tuyển sinh đầu vào, ngân sách, tuyển giáo viên, xây dựng cơ sở vật chất, mua sắm trang thiết bị,... nên vẫn còn thụ động. Một số hiệu trưởng rất ngại thực hiện công tác KĐCLGD vì sự vất vả và tốn công sức.

+ *Quy trình và kỹ thuật thực hiện báo cáo tự đánh giá*: Thiếu quy trình và kỹ thuật chuyên sâu để tổ chức thực hiện tự đánh giá và viết báo cáo trong trường MN. Thiếu các yêu cầu cụ thể để đánh giá quy trình thực hiện tự đánh giá và viết báo cáo tự đánh giá trường MN.

- Về quản lý hoạt động đánh giá ngoài trường MN

+ *Quy trình và tiêu chí giám sát hoạt động đánh giá ngoài*: Thiếu quy trình giám sát và các tiêu chí đánh giá hoạt động đánh giá ngoài. Kết quả đánh giá ngoài từ các đoàn đánh giá ngoài được trình trực tiếp đến Giám đốc Sở GD&ĐT để ra quyết định chứ chưa có bộ phận giám sát.

+ *Trưởng đoàn đánh giá ngoài*: Thiếu tiêu chí cụ thể để đào tạo và lựa chọn trưởng đoàn đánh giá ngoài. Cụ thể, các tiêu chí về kiến thức, kỹ năng, thái độ của trưởng đoàn đánh giá ngoài. Chưa bồi dưỡng nghiệp vụ quản lý đoàn đánh giá ngoài cho các trưởng đoàn đánh giá ngoài.

Kết luận chương 2

Sở GD&ĐT Bắc Kạn đã quan tâm đến công tác KĐCLGD và quản lý hoạt động KĐCLGD thông qua việc thực hiện các nội dung: hoàn thiện cơ cấu tổ chức, xây dựng văn bản hướng dẫn, tổ chức tập huấn, hội thảo, kiểm tra đánh giá hoạt động tự đánh giá và đánh giá ngoài, giám sát điều chỉnh kịp thời quá trình thực hiện ở cơ sở.

Các nhà trường mầm non đã tiến hành tự đánh giá theo tiêu chuẩn đánh giá chất lượng trường MN do Bộ GD&ĐT ban hành, xác định được hiện trạng, điểm mạnh, điểm yếu của đơn vị từ đó đề ra kế hoạch cải tiến chất lượng để nâng cao mức độ đáp ứng tiêu chuẩn đánh giá trong thời gian tiếp theo.

Thực tế chỉ đạo thực hiện công tác KĐCLGD còn có một số hạn chế cần khắc phục để nâng cao chất lượng, hiệu quả.

Một số ít cán bộ quản lý, giáo viên trường mầm non của tỉnh Bắc Kạn chưa nhận thức đầy đủ về ý nghĩa vai trò của công tác KĐCLGD, hoạt động tự đánh giá đối với việc nâng cao chất lượng công tác quản lý nhà trường và chất lượng giáo dục, còn hạn chế về kỹ thuật đánh giá. Chưa có chương trình bồi dưỡng và tổ chức bồi dưỡng kiểm định viên đáp ứng yêu cầu thực tiễn. Thiếu hụt quy trình và kỹ thuật chuyên môn sâu để tổ chức thực hiện tự đánh giá và đánh giá ngoài. Chưa ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý KĐCLGD trường MN và thiếu các chính sách đãi ngộ các trường được kiểm định cũng chưa có hợp tác trong lĩnh vực này.

Chương 3

BIỆN PHÁP QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC TRƯỜNG MẦM NON CỦA TỈNH BẮC KẠN

3.1. Nguyên tắc xác định các biện pháp quản lý

3.1.1. Nguyên tắc đảm bảo tính kế thừa

KĐCLGD là một biện pháp quan trọng để quản lý chất lượng các nhà trường của các ngành học, bậc học, công tác này ở Việt Nam mới bắt đầu, sẽ tồn tại và phát triển theo quá trình đổi mới phát triển giáo dục của đất nước.

Nội dung, biện pháp và kỹ thuật kiểm định được hình thành dựa trên cơ sở pháp lý, khoa học và thực tiễn giáo dục Việt Nam, kinh nghiệm quốc tế.

Văn bản “Về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng giáo dục, quy trình, chu kỳ kiểm định chất lượng giáo dục trường mầm non” do Bộ trưởng Bộ GD&ĐT ban hành là cơ sở pháp lý và là công cụ để các nhà trường MN thực hiện KĐCLGD.

Trước những thay đổi do thực thi các mục tiêu đổi mới của giáo dục, công tác KĐCLGD cũng cần có sự thay đổi. Những thay đổi này là sự kế thừa những thành tựu của giai đoạn trước và có sự sáng tạo phù hợp với yêu cầu thực tiễn. Các biện pháp chỉ đạo thực hiện tiêu chuẩn đánh giá chất lượng giáo dục của Sở GD&ĐT mang tính kế thừa theo xu hướng:

- Đảm bảo thực hiện đầy đủ quy trình KĐCLGD.
- Đảm bảo liên tục trong tổ chức và kế hoạch KĐCLGD, không tạo ra những thay đổi ảnh hưởng đến kế hoạch chung trong hoạt động quản lý của Sở GD&ĐT trên phương diện chuyên môn.
- Phát huy những ưu điểm của công tác KĐCLGD trong giai đoạn vừa qua; đề nghị cấp có thẩm quyền bổ sung, sửa đổi những yếu tố chưa phù hợp với thực tiễn để phát huy hơn nữa vai trò của công tác KĐCLGD với yêu cầu đổi mới giáo dục hiện nay tại địa phương.

3.1.2. Nguyên tắc đảm bảo tính toàn diện

Trong quá trình thực hiện, cải tiến và hoàn thiện hoạt động KĐCLGD phải đảm bảo tính toàn diện trong chỉ đạo của Sở GD&ĐT.

Tính toàn diện trong các biện pháp chỉ đạo thực hiện hoạt động KĐCLGD đòi hỏi sự hài hòa trong mối quan hệ phối hợp của các bên có liên quan đến công tác KĐCLGD: Chính quyền địa phương, cơ quan quản lý giáo dục các cấp, các cơ sở giáo dục,... Chỉ đạo công tác KĐCLGD theo tiêu chuẩn đánh giá chất lượng trường MN phải đảm bảo thực hiện các tác động đồng bộ đến các yếu tố cấu trúc của công tác này: Tổ chức, bố trí đội ngũ chuyên viên, cán bộ quản lý với các vị trí cụ thể phù hợp với năng lực và yêu cầu nhiệm vụ, đáp ứng được sự thay đổi về nội dung, phương pháp và kỹ thuật kiểm định trong thời gian tiếp theo. Khi thực hiện KĐCLGD các nhà trường vừa phải bảo đảm nguyên tắc dân chủ, công khai đồng thời phải mang tính xây dựng để cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh phát huy tối đa năng lực, tự giác thực hiện theo các yêu cầu của tiêu chuẩn đánh giá; tạo điều kiện cho các lực lượng giáo dục trong và ngoài nhà trường cùng tham gia, hỗ trợ. Để từ đó các nhà trường có cái nhìn chân thực về đơn vị và xác định hướng tự hoàn thiện mình về công tác quản lý, dạy và học.

3.1.3. Nguyên tắc đảm bảo tính hiệu quả

Chỉ đạo thực hiện hoạt động KĐCLGD trường MN đòi hỏi phải có sự đầu tư các nguồn lực xác định cần đến những chi phí về vật chất, tinh thần cho các lực lượng tham gia thực hiện. Hơn nữa, các biện pháp đề xuất nhằm mục đích làm cho công tác này tốt hơn, nếu không như vậy các biện pháp đề xuất sẽ trở nên tốn kém, ít hiệu quả. Do vậy, khi lựa chọn và đề xuất các biện pháp cần chú trọng đến tính khả thi, hiệu quả trong quá trình thực hiện các biện pháp chỉ đạo thực hiện, thể hiện ở các phương diện:

- Các biện pháp đề xuất phải phù hợp, khả thi, thuận lợi khi thực hiện.
- Các biện pháp đề xuất phải thiết thực với việc nâng cao chất lượng giáo dục nhà trường ở các khía cạnh: quản lý, dạy và học,...

3.2. Biện pháp đề xuất quản lý nâng cao hiệu quả thực hiện hoạt động KĐCLGD trường mầm non của tỉnh Bắc Kạn

3.2.1. Nâng cao nhận thức về hoạt động KĐCLGD cho cán bộ quản lý và giáo viên

3.2.1.1. Mục tiêu của biện pháp

- Làm cho cán bộ quản lý các cấp và đội ngũ nhà giáo nhận thức đầy đủ về vai trò của công tác KĐCLGD đối với việc nâng cao chất lượng giáo dục trong đó có công tác quản lý trường học.

- Làm cho các nhà trường MN xác định rõ hiện trạng, điểm mạnh, điểm yếu từ đó đề xuất các biện pháp cải tiến chất lượng phù hợp, từng bước nâng cao chất lượng giáo dục. Kiến nghị với các cơ quan có thẩm quyền, các lực lượng giáo dục trong và ngoài nhà trường hỗ trợ các nguồn lực để thực hiện kế hoạch cải tiến chất lượng nhằm nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động giáo dục.

3.2.1.2. Nội dung và cách thực hiện

Giáo dục nâng cao nhận thức và hành động trong triển khai công tác kiểm định chất lượng giáo dục đến các cấp ủy, tổ chức đảng, chính quyền các địa phương và giáo viên để hiểu được vai trò của công tác kiểm định chất lượng giáo dục đối với sự nghiệp phát triển KT - XH.

Thiết lập mạng lưới thông tin về kiểm định chất lượng giáo dục; Tăng cường công tác QLNN về kiểm định chất lượng giáo dục; tạo cơ chế chính sách nhằm khuyến khích các tổ chức, cá nhân đầu tư, đầu tư cho công tác này.

Để nâng cao nhận thức của cán bộ quản lý các cấp, giáo viên về vai trò của công tác KĐCLGD cần phải tiến hành các biện pháp sau:

- Tăng cường công tác tuyên truyền, đa dạng hóa các hình thức tuyên truyền nâng cao nhận thức của nhân dân về chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về công tác kiểm định chất lượng giáo dục.

- Các cơ quan phát thanh, truyền hình, các phương tiện báo chí ở địa phương cần đẩy mạnh tuyên truyền về công tác kiểm định chất lượng giáo dục; biến các phương tiện thông tin đại chúng trên thành những kênh thông tin quan trọng nâng cao nhận thức của các cấp, các ngành và của toàn xã hội về công tác kiểm định chất lượng giáo dục.

- Tổ chức tuyên truyền, phổ biến đến cán bộ quản lý của Sở, Phòng, các trường MN về vị trí vai trò, mục đích, nhiệm vụ của công tác KĐCLGD, hoạt động KĐCLGD và trách nhiệm, quyền hạn của các nhà trường trong quá trình tổ chức thực hiện.

- Tuyên truyền các nhà trường đã được đánh giá ngoài có những chuyển biến về chất lượng giáo dục khi thực hiện kiểm định chất lượng giáo dục.

- Biên soạn các tài liệu tuyên truyền, cung cấp tài liệu về KĐCLGD để cán bộ quản lý, giáo viên nghiên cứu tài liệu và bổ sung nhận thức.

- Giao cán bộ quản lý trường MN thực hiện tuyên truyền, nâng cao nhận thức của cán bộ, giáo viên trong đơn vị thông qua sinh hoạt chuyên môn.

3.2.1.3. Điều kiện thực hiện

Để thực hiện được các nội dung của biện pháp trên, Sở GD&ĐT cần tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo các Sở, ban, ngành, đoàn thể, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố tổ chức tuyên truyền nâng cao nhận thức cho cán bộ quản lý, giáo viên và nhân dân trên địa bàn tỉnh về ý nghĩa, tầm quan trọng của hoạt động kiểm định chất lượng giáo dục; đồng thời tham mưu cho Tỉnh ủy ban hành các chỉ thị, nghị quyết về thực hiện công tác kiểm định chất lượng giáo dục trên địa bàn giai đoạn 2016 - 2020.

Cần có sự quan tâm chỉ đạo sát sao của Sở GD&ĐT, Phòng GD&ĐT, đặc biệt là Hiệu trưởng các trường MN đồng thời cần có kinh phí để thực hiện hoạt động KĐCLGD, có kế hoạch thời gian cụ thể cho từng hoạt động.

3.2.2. Xây dựng chuyên đề bồi dưỡng và tổ chức bồi dưỡng kiểm định viên cho hoạt động tự đánh giá và đánh giá ngoài

3.2.2.1. Mục tiêu của biện pháp

Trên cơ sở thực tiễn yêu cầu và nhu cầu của người kiểm định viên tham gia vào quá trình kiểm định chất lượng, xây dựng nội dung chuyên đề bồi dưỡng kiểm định viên cho hoạt động tự đánh giá và đánh giá ngoài. Chuyên đề này đáp ứng để đào tạo, bồi dưỡng các kiểm định viên tham gia vào làm việc trong lĩnh vực kiểm định chất lượng giáo dục trường MN, bao gồm cả tự đánh giá và đánh giá ngoài.

Tập huấn, bồi dưỡng nội dung kiến thức, kỹ năng và thái độ của chuyên đề bồi dưỡng kiểm định viên giáo dục MN đến CBQL, GV các trường MN trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn nhằm nâng cao nhận thức cũng như kỹ năng của đội ngũ CBQL, GV trường MN về KĐCLGD. Giúp các trường MN thực hiện tốt báo cáo tự đánh giá, giúp các đoàn đánh giá ngoài thực hiện tốt báo cáo đánh giá ngoài.

3.2.2.1. Nội dung và tổ chức thực hiện biện pháp

a. Xây dựng chuyên đề bồi dưỡng kiểm định viên cho hoạt động tự đánh giá và đánh giá ngoài trường MN

Mục tiêu chuyên đề bồi dưỡng kiểm định viên giáo dục mầm non

Chuyên đề bồi dưỡng kiểm định viên kiểm định chất lượng giáo dục mầm non nhằm trang bị cho người học kiến thức, kỹ năng và thái độ để thực hiện tốt chức trách, nhiệm vụ của người làm công tác kiểm định chất lượng giáo dục mầm non (tự đánh giá và đánh giá ngoài).

Về kiến thức

Nắm được những kiến thức cơ bản về đảm bảo chất lượng và KĐCLGD mầm non; Trình bày được cách tổ chức và hoạt động đảm bảo chất lượng và KĐCLGD phổ thông của Việt Nam, của các tổ chức quốc tế và khu vực; Hiểu biết về hệ thống tiêu chuẩn và quy trình đánh giá chất lượng giáo dục mầm

non; Nắm vững các quy định hiện hành của pháp luật Việt Nam liên quan đến đảm bảo chất lượng và KĐCLGD mầm non.

Về kỹ năng

Tổ chức thực hiện tự đánh giá và viết báo cáo tự đánh giá. Phân tích, tổng hợp, đánh giá báo cáo tự đánh giá của trường MN hoặc chương trình đào tạo và các tư liệu liên quan; Vận dụng phương pháp phỏng vấn, quan sát, thu thập và xử lý thông tin trong quá trình tự đánh giá và đánh giá ngoài; Kỹ năng làm việc độc lập, tư duy phản biện; Xây dựng và triển khai kế hoạch tự đánh giá và đánh giá ngoài; Kỹ năng làm việc nhóm và lãnh đạo nhóm; tổ chức, điều hành, phối hợp các hoạt động tự đánh giá và đánh giá ngoài; Kỹ năng phân tích, đánh giá, so sánh đối chiếu các mặt hoạt động của cơ sở giáo dục hoặc chương trình đào tạo theo các tiêu chuẩn, tiêu chí đánh giá chất lượng giáo dục; viết báo cáo tự đánh giá và đánh giá ngoài theo các tiêu chí được phân công và hoàn thiện toàn bộ báo cáo tự đánh giá và đánh giá ngoài.

Về thái độ

Người học có ý thức đạo đức, tinh thần trách nhiệm, tác phong nghề nghiệp của người làm công tác KĐCLGD mầm non.

Nội dung chuyên đề bồi dưỡng kiểm định viên phổ thông

Khối lượng kiến thức tối thiểu: gồm 45 tiết, trong đó có 15 tiết lý thuyết, 30 tiết thực hành. Bao gồm 3 phần

Phần 1: Kiến thức chung về đảm bảo chất lượng và kiểm định chất lượng giáo dục (5 tiết).

Tổng quan về đảm bảo chất lượng và kiểm định chất lượng giáo dục.

Mô hình và các thành tố của hệ thống đảm bảo chất lượng giáo dục.

Hệ thống đảm bảo chất lượng giáo dục mầm non và KĐCLGD phổ thông trên thế giới.

Các khái niệm về chất lượng giáo dục và các mô hình quản lý chất lượng.

Đảm bảo chất lượng bên trong và tự đánh giá.

Đảm bảo chất lượng bên ngoài và đánh giá đồng cấp.

Phần 2: Kiểm định chất lượng giáo dục phổ thông (10 tiết)

Quy trình, chu kỳ kiểm định chất lượng trường mầm non.

Các tiêu chuẩn đánh giá chất lượng trường mầm non.

Hướng dẫn sử dụng tiêu chuẩn đánh giá chất lượng trường mầm non.

Phân tích tiêu chuẩn, tiêu chí, chỉ số để xác định minh chứng. Thu thập và xử lý minh chứng.

Tổ chức thực hiện tự đánh giá và viết báo cáo tự đánh giá.

Tổ chức thực hiện đánh giá ngoài và viết báo cáo đánh giá ngoài.

Các phương pháp khảo sát, phân tích, đánh giá và viết báo cáo tự đánh giá và đánh giá ngoài.

Các kỹ năng cần có để tiến hành khảo sát, phân tích, đánh giá và viết báo cáo đánh giá ngoài.

Bài tập thực hành (20 tiết, bài tập 1,2,3 dành cho hoạt động tự đánh giá, bài tập 4,5,6 dành cho hoạt động đánh giá ngoài)

Bài tập 1: Lập kế hoạch tự đánh giá và triển khai thực hiện kế hoạch tự đánh giá

Bài tập 2: Phân tích tiêu chuẩn đánh giá chất lượng trường MN và xác định minh chứng theo tiêu chuẩn.

Bài tập 3: Viết phiếu đánh giá tiêu chí, viết báo cáo tiêu chí, viết báo cáo tiêu chuẩn, viết báo cáo tự đánh giá.

Bài tập 4: Lập kế hoạch đánh giá ngoài và triển khai thực hiện đánh giá ngoài.

Bài tập 5: Phân tích báo cáo tự đánh giá, viết báo cáo sơ sơ bộ.

Bài tập 6: Phân tích, đánh giá theo từng tiêu chí trong báo cáo tự đánh giá, viết báo cáo đánh giá ngoài.

Phần 3: Thực hành tại các cơ sở giáo dục mầm non (10 tiết).

b. Tổ chức bồi dưỡng kiểm định viên trường mầm non

Bồi dưỡng thường xuyên hoặc bồi dưỡng định kỳ.

Thành phần tham gia dự tập huấn là CBQL, hoặc giáo viên trường MN (ít nhất là tốt nghiệp Cao đẳng), có 5 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực giáo dục mầm non trở lên.

Cách thức 1: Lựa chọn mỗi trường từ 2 đến 3 người để tổ chức tập huấn chung trong cả tỉnh.

Cách thức 2: Bồi dưỡng trực tiếp đến hội đồng tự đánh giá của từng trường.

Kinh phí tập huấn: Chi theo quy định mở các lớp tập huấn.

Báo cáo viên: Cán bộ KĐCLGD cấp Bộ, Cấp Sở hoặc các chuyên gia từ các trường đại học.

Thời gian tập huấn: Thường xuyên trong năm hoặc bồi dưỡng hè.

3.2.2.3. Điều kiện thực hiện

Để thực hiện tốt biện pháp này cần có sự lãnh đạo sát sao của Ban Giám đốc Sở, có sự đồng thuận của Phòng giáo dục mầm non của Sở, các tổ chức đoàn thể, cán bộ quản lý các trường MN, đồng thời cần có kinh phí và cơ sở vật chất để tiến hành.

3.2.3. Ứng dụng công nghệ thông tin và hoàn thiện các điều kiện pháp lý cho hoạt động KĐCLGD trường mầm non của tỉnh Bắc Kạn

3.2.3.1. Mục tiêu của biện pháp

Sử dụng phần mềm quản lý kiểm định chất lượng trường MN mục đích tăng cường tích tiện ích khi thực hiện các yêu cầu về tự đánh giá, đánh giá ngoài. Cơ quan quản lý cấp Bộ, Sở, trường MN dễ dàng quản lý các hoạt động này qua phần mềm online. Xây dựng chính sách để tôn vinh các trường MN đạt chuẩn kiểm định để tạo động lực cho các trường tham gia.

Hiện nay chưa có chính sách đãi ngộ hay ưu tiên cho các trường đạt chuẩn kiểm định. Do đó, các trường tham gia đăng ký kiểm định vì bắt buộc và yêu cầu là chủ yếu, thiếu sự tự nguyện. Cần xây dựng chính sách để hỗ trợ và khẳng định các trường mầm non đạt chuẩn kiểm định, từ đó tạo động lực cho các trường tham gia.

Việc cấp ngân sách cho trường đều được thực hiện theo quy định của nhà nước, ngân sách cấp cho mỗi trường đều được tính trên số biên chế. Chưa có các điều kiện ràng buộc về các điều kiện đảm bảo chất lượng của các trường. Cần có tiêu chí xét tăng ngân sách hay ưu tiên nâng cấp cho các trường đạt chuẩn kiểm định. Xây dựng được các quy chế về cấp ngân sách của tài chính cho các trường và thông qua UBND các huyện, thành phố phê duyệt.

3.2.3.2. Nội dung và cách thực hiện

a. Sử dụng phần mềm online quản lý KĐCLGD trường MN

Phần mềm online, chạy trên trình duyệt web. Chức năng của phần mềm giúp công tác quản lý của Sở, Phòng hay trường MN trong hoạt động kiểm định giáo dục. Phần mềm có tác dụng tăng tính tiện ích, hỗ trợ các hoạt động tự đánh giá, đánh giá ngoài theo các văn bản quy định. Phần mềm không thay thế chuyên môn.

Đối với hiệu trưởng trường MN, giúp hiệu trưởng tổ chức các hoạt động tự đánh giá và viết báo cáo tự đánh giá qua phần mềm. Thành lập hội đồng tự đánh giá có thể làm việc trên giao diện web tại nhà hay cơ quan. Hỗ trợ lưu trữ và cập nhật minh chứng. Giúp tổ chức viết phiếu đánh giá, báo cáo tiêu chí, báo cáo tiêu chuẩn... Hiệu trưởng trường MN có thể quản lý quá trình thực hiện tự đánh giá tại trường bằng hình thức online. Hơn nữa phần mềm giúp quá trình tự đánh giá và duy trì, nâng cao chất lượng sau đánh giá ngoài.

Đối với đoàn đánh giá ngoài cũng có thể tổ chức hoạt động như phân công nghiên cứu hồ sơ, viết các phiếu nhận xét online.

Ưu điểm của phần mềm là cơ quan quản lý như Phòng, Sở hay Bộ có thể truy cập vào web và theo dõi bất kỳ lúc nào.

b. hoàn thiện các điều kiện pháp lý cho hoạt động KĐCLGD trường mầm non của tỉnh Bắc Kạn

Phòng GD&ĐT phối hợp với phòng kế hoạch - tài chính xây dựng được các quy chế về cấp ngân sách của tài chính cho các trường và thông qua UBND

các huyện, thành phố phê duyệt. Phải có kế hoạch triển khai và phân bổ kinh phí hỗ trợ cho công tác tự đánh giá các trường mầm non, có như thế mới tạo được động lực trong việc thực hiện các công việc theo yêu cầu đặt ra. Trong thời điểm hiện tại các cơ sở giáo dục, các đơn vị trường học khi có nguồn kinh phí có thể chi trả chế độ cho cán bộ, GV thực hiện công tác tự đánh giá và KĐCLGD theo Thông tư số 185/2010/TT-BTC, ngày 15/11/2010 của Bộ Tài chính.

3.2.3.3. Điều kiện thực hiện

Cần đầu tư, dành kinh phí tương xứng cho các hoạt động KĐCLGD. Nhà trường cũng cần chú trọng công tác xã hội hóa để có kinh phí cho hoạt động tự đánh giá.

3.2.4. Xây dựng quy trình chi tiết viết báo cáo tự đánh giá và kiểm tra, giám sát, đôn đốc các trường mầm non thực hiện kiểm định chất lượng giáo dục

3.2.4.1. Mục tiêu của biện pháp

- Xây dựng được quy trình và yêu cầu kỹ thuật khi tiến hành viết báo cáo tự đánh giá nhằm giúp cho hiệu trưởng nhà trường và tất cả thành viên trong hội đồng tự đánh giá cũng như tất cả thành viên trong nhà trường nắm bắt được quy trình, kỹ thuật, yêu cầu một báo cáo tự đánh giá đáp ứng việc cải tiến và nâng cao chất lượng giáo dục cho toàn trường.

- Kiểm tra, giám sát quá trình chỉ đạo của phòng GD&ĐT, kết quả thực hiện hoạt động KĐCLGD của các nhà trường mầm non.

- Căn cứ kết quả kiểm tra, giám sát từ đó tư vấn, thúc đẩy việc chỉ đạo, tổ chức thực hiện hoạt động KĐCLGD của các trường MN, đồng thời điều chỉnh hoạt động chỉ đạo của phòng KT&QLCLGD, phòng GD&ĐT.

3.2.4.2. Nội dung và cách thực hiện

a. Xây dựng quy trình chi tiết viết báo cáo tự đánh giá

Bước 1: Thư ký hội đồng dự thảo phần cơ sở dữ liệu của báo cáo tự đánh giá (ghép các báo cáo tiêu chuẩn thành báo cáo tự đánh giá).

Kiểm tra tính thống nhất giữa các tiêu chí, tiêu chuẩn. Kiểm tra lại các minh chứng, xem xét mức đạt của từng tiêu chí.

Xác định minh chứng phù hợp với từng chỉ số của tiêu chí

Căn cứ vào nội hàm (yêu cầu) của các chỉ số trong từng tiêu chí để kiểm tra xem minh chứng đó có phù hợp với chỉ số đó hay chưa? Minh chứng có chính xác không? Minh chứng có đầy đủ không? Minh chứng có tin cậy không? Minh chứng có tường minh, rõ ràng không? Trong quá trình thu thập thông tin minh chứng phải chỉ rõ nguồn gốc của chúng. Lưu giữ các thông tin minh chứng, kể cả các tư liệu liên quan đến nguồn gốc của các thông tin minh chứng đó

Bước 2: Kiểm tra số liệu và bổ sung minh chứng phù hợp

Kiểm tra tính thống nhất, ăn khớp về số liệu, về nhận xét, bình luận, giải thích, không mâu thuẫn giữa các phần, các mục của báo cáo. Cấu trúc lại các phần, bổ sung minh chứng, chỉnh sửa (nếu cần) để tạo sự thống nhất.

Bước 3: Thư ký hội đồng biên tập chỉnh sửa để có một báo cáo tự đánh giá có cấu trúc theo đúng hướng dẫn.

Bước 4: Tìm phản biện độc lập đọc và cho ý kiến sửa chữa, hội đồng tự đánh giá đọc góp ý.

Bước 5: Chỉnh sửa báo cáo rồi gửi các bộ phận trong trường để lấy các ý kiến nhận xét.

Bước 6: Chỉnh sửa lần cuối và hội đồng phê duyệt báo cáo tự đánh giá.

Đối với các báo cáo tự đánh giá, độ dài ngắn của các phần viết về từng tiêu chí, tiêu chuẩn không nhất thiết phải giống nhau, nhưng cũng không được quá chênh lệch. Giữa các trường, phần viết về mỗi tiêu chí, tiêu chuẩn cũng không nhất thiết phải có độ dài như nhau. Sau khi hoàn thành tự đánh giá, hội đồng nộp báo cáo tự đánh giá cho lãnh đạo trường để thực hiện các công việc tiếp theo: Công bố kết quả tự đánh giá để các giáo viên, cán bộ chủ chốt các đơn vị trong trường có thể đọc và cho ý kiến trong vòng 1 đến 2 tuần (trung

bày báo cáo tự đánh giá ở thư viện, phòng truyền thống hay gửi các đơn vị trực thuộc trường); Thu thập và xử lý các ý kiến thu được sau khi công bố kết quả tự đánh giá để hoàn thiện lần cuối báo cáo tự đánh giá.

b. Kiểm tra, giám sát, đôn đốc các trường mầm non thực hiện kiểm định chất lượng giáo dục

- Xây dựng phương pháp thu thập và xử lý thông tin phục vụ cho kiểm tra hoạt động KĐCLGD;

- Xây dựng hệ thống tài liệu, hồ sơ kiểm tra, đánh giá đồng bộ;

- Triển khai các tiêu chuẩn đánh giá thi đua các nhà trường trên cơ sở mục tiêu và quy định của KĐCLGD.

- Chỉ đạo và hướng dẫn việc xây dựng kế hoạch thực hiện công tác kiểm tra, giám sát của các phòng GD&ĐT đối với các nhà trường trong năm học.

- Phòng KT&QLCLGD trực tiếp kiểm tra hoạt động chỉ đạo chuyên môn của các phòng GD&ĐT, với các nội dung trọng tâm:

+ Kiểm tra văn bản chỉ đạo, kế hoạch chuyên môn và hồ sơ kiểm tra của các phòng GD&ĐT đối với trường MN về hoạt động KĐCLGD.

+ Kiểm tra các nhà trường MN trong việc chỉ đạo thực hiện tự đánh giá: Thành lập/kiện toàn Hội đồng tự đánh giá, Kế hoạch tự đánh giá, tiến độ thực hiện, hồ sơ và chất lượng hồ sơ tự đánh giá,...

Căn cứ vào tính chất công việc chuyên môn, đặc thù địa phương, biện pháp thực hiện như sau:

+ Giao trách nhiệm cho chuyên viên phụ trách công tác KĐCLGD theo dõi và xây dựng kế hoạch kiểm tra định kỳ, đột xuất về công tác chỉ đạo của phòng GD&ĐT theo kế hoạch năm học.

+ Tổ chức kiểm tra, đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch kiểm định chất lượng của Sở GD&ĐT hàng năm để kịp thời điều chỉnh cho phù hợp;

+ Đặc biệt kiểm tra, giám sát các trường thực hiện kế hoạch cải tiến chất lượng sau khi đánh giá;

+ Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát; chú trọng tư vấn thúc đẩy đề nâng cao chất lượng báo cáo tự đánh giá và báo cáo đánh giá ngoài;

+ Nâng cao chất lượng kiểm tra, đa dạng hoá hình thức kiểm tra, kiểm tra đi liền với đánh giá, tư vấn, thúc đẩy, điều chỉnh hoạt động chỉ đạo;

+ Công tác kiểm tra, đánh giá kết quả KĐCLGD và cấp giấy chứng nhận cho các trường đạt chuẩn kiểm định phải thực hiện nghiêm túc theo quy định của Bộ, đồng thời, tạo điều kiện thuận lợi để các trường MN có thể tiếp tục nâng cao chất lượng, nâng cao cấp độ kiểm định đã đạt được;

+ Dùng phương pháp bảng hỏi để phát hiện những khâu tốt và chưa tốt của các trường đã được đánh giá ngoài thông qua thu thập ý kiến của các nhà trường. Nếu bảng câu hỏi được thiết kế phù hợp, các cán bộ phụ trách về KĐCLGD không những nắm rõ được ý kiến của các nhà trường để có thể tìm được những biện pháp cải tiến chương trình bồi dưỡng kế tiếp;

+ Tổ chức tự thanh tra, kiểm tra chéo giữa các trường mầm non trên địa bàn;

+ Chú trọng kiểm tra thường xuyên và đột xuất việc thực hiện kế hoạch, quy trình tự đánh giá và đánh giá ngoài;

+ Tăng cường giám sát việc thực hiện cải tiến chất lượng, không để xảy ra các trường hợp tiêu cực hoặc chạy theo thành tích;

+ Việc đánh giá kết quả KĐCLGD cần đúng và chính xác, nếu sai hoặc không công bằng thì sẽ gây ra sự phản ứng của các trường mầm non. Do đó, sẽ ảnh hưởng đến động cơ và kết quả KĐCLGD;

+ Tổ chức giao ban định kỳ hàng quý với thành phần tham dự là lãnh đạo các phòng GD&ĐT; lãnh đạo, chuyên viên phòng KT&QLCLGD. Nội dung tập trung vào việc triển khai, kiểm điểm và điều chỉnh hoạt động chỉ đạo của các phòng GD&ĐT, phòng KT&QLCLGD hoạt động tự đánh giá và đánh giá ngoài.

3.2.3.3. Điều kiện thực hiện

Cần có sự phối hợp với các nhà trường xây dựng quy định cụ thể về trách nhiệm tham gia của các trường mầm non.

Xây dựng được quy chế hoạt động và quy chế phối hợp của từng tổ chức, cá nhân trong hoạt động KĐCLGD.

3.2.5. Đánh giá kết quả thực hiện và phổ biến những kinh nghiệm về hoạt động KĐCLGD

3.2.5.1. Mục tiêu của biện pháp

- Đánh giá kết quả thực hiện KĐCLGD là khâu rất quan trọng bởi đó chính là cơ sở để tiến hành các hoạt động KĐCLGD tiếp theo. Công tác KĐCLGD đang thực hiện nếu được đánh giá một cách chính xác thì sẽ rút kinh nghiệm và thông qua đó các hoạt động KĐCLGD tiếp theo sẽ đạt chất lượng cao hơn. Kiểm tra, đánh giá các hoạt động KĐCLGD của các nhà trường theo định kỳ và đột xuất, để kịp thời rút kinh nghiệm và khắc phục những hạn chế; đồng thời, để nâng cao hiệu quả quản lý hoạt động KĐCLGD chính là mục tiêu của biện pháp.

- Đánh giá và so sánh chất lượng hoạt động của từng nhà trường, từng bộ phận.

- Phổ biến kinh nghiệm, phát huy các thành quả và kịp thời uốn nắn lệch lạc trong quá trình thực hiện KĐCLGD.

- Tạo động lực thúc đẩy các nhà trường hướng về chất lượng và ngày càng nâng cao chất lượng đào tạo.

- Tạo cơ sở để bồi dưỡng, đào tạo hoặc bố trí cán bộ.

3.2.5.2. Nội dung và cách thực hiện

- Phát động nghiên cứu KĐCLGD, duyệt xét và nhân rộng sáng kiến kinh nghiệm hàng năm, đặc biệt về vấn đề cải tiến chất lượng công việc, tiến đến cải tiến chất lượng toàn diện.

- Nêu gương người tốt - việc tốt và biểu dương khen thưởng công khai trong các cuộc họp, lễ tổng kết hoặc hội thảo về công tác KĐCLGD.

- Lập kế hoạch nhân rộng các sáng kiến cải tiến của các nhà trường, phát huy vai trò của KĐCLGD.

- Tổ chức tổng kết, đánh giá kết quả thực hiện KĐCLGD và phổ biến những kinh nghiệm về hoạt động KĐCLGD.

3.2.5.3. Điều kiện thực hiện

Hiện nay, tỉnh Bắc Kạn chưa xây dựng được tiêu chí đánh giá thi đua khen thưởng về hoạt động KĐCLGD. Do đó, tỉnh cần xây dựng hệ tiêu chí đánh giá thi đua khen thưởng về hoạt động KĐCLGD làm cơ sở cho việc tiến hành công tác đánh giá thường xuyên và định kỳ

Có kế hoạch tổng kết đánh giá kết quả thực hiện, biểu dương khen thưởng tổ chức, cá nhân làm tốt công tác KĐCLGD.

3.3. Mối quan hệ giữa các biện pháp đề xuất

Các biện pháp đề xuất có tính độc lập tương đối với nhau, đồng thời có mối liên hệ chặt chẽ, tác động qua lại lẫn nhau. Khi triển khai cần thực hiện một cách đồng bộ, thống nhất các biện pháp, tập trung vào các nội dung:

1. Nâng cao nhận thức về hoạt động KĐCLGD cho cán bộ quản lý và giáo viên.
2. Xây dựng chuyên đề bồi dưỡng và tổ chức bồi dưỡng kiểm định viên cho hoạt động tự đánh giá và đánh giá ngoài.
3. Ứng dụng công nghệ thông tin và hoàn thiện các điều kiện pháp lý cho hoạt động KĐCLGD trường mầm non của tỉnh Bắc Kạn.
4. Xây dựng quy trình chi tiết viết báo cáo tự đánh giá và kiểm tra, giám sát, đôn đốc các trường mầm non thực hiện kiểm định chất lượng giáo dục.
5. Tổng kết, đánh giá kết quả thực hiện và phổ biến những kinh nghiệm về hoạt động KĐCLGD.

3.4. Khảo nghiệm mức độ cần thiết và tính khả thi của các biện pháp đề xuất

3.4.1. Mục đích khảo nghiệm

Đánh giá của các chuyên gia về mức độ cần thiết, tính khả thi và tính hiệu quả của các biện pháp mà luận văn đề xuất.

3.4.2. Đối tượng và nội dung khảo nghiệm

Đối tượng khảo nghiệm: Các chuyên gia là lãnh đạo, chuyên viên Sở GD&ĐT, phòng GD&ĐT; Hiệu trưởng trường MN.

Nội dung khảo nghiệm: Các biện pháp do luận văn đề xuất.

3.4.3. Nội dung và cách thức khảo nghiệm

Để khẳng định tính cần thiết và tính khả thi của các biện pháp, chúng tôi đã tiến hành bằng phương pháp chuyên gia. Đối tượng trưng cầu ý kiến là CBQL và chuyên viên Sở GD&ĐT, hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, tổ trưởng chuyên môn, giáo viên, giáo viên MN và các nhà khoa học. Nội dung trưng cầu ý kiến theo Phụ lục 2. Tác giả luận văn đã tổ chức trưng cầu ý kiến qua 3 vòng:

Vòng 1: Trưng cầu ý kiến qua trao đổi và phỏng vấn (16 người là các chuyên gia về KĐCLGD, hiệu trưởng MN của một số trường đã được kiểm định và tham gia làm trưởng đoàn đánh giá ngoài nhiều lần)

Vòng 2: Trưng cầu ý kiến qua các hội nghị tổ chức tại Sở GD&ĐT vào tháng 3/2016, tham dự là hơn 80 người là CBQL và chuyên viên Sở GD&ĐT, lãnh đạo các trường MN.

Vòng 3: Trưng cầu ý kiến khảo sát bằng phiếu để lấy ý kiến rộng rãi trong các đối tượng trên tại các trường MN tỉnh Bắc Kạn.

Qua trưng cầu ý kiến ở hội nghị và khảo sát bằng gửi phiếu hỏi, chúng tôi thu về 112 phiếu. Tất cả các phiếu thu về đều ghi đầy đủ mức độ đánh giá tính cần thiết và tính khả thi của các biện pháp. Sau khi tổng hợp các phiếu và sử dụng thống kê toán học để xử lý tính toán phần trăm của từng biện pháp kết quả thể hiện ở Bảng 3.1.

3.4.4. Kết quả khảo nghiệm

Kết quả khảo nghiệm với 80 chuyên gia là cán bộ quản lý giáo dục các cấp tham gia chỉ đạo thực hiện công tác KĐCLGD (04 lãnh đạo, chuyên viên Sở GD&ĐT; 16 cán bộ lãnh đạo, chuyên viên phòng GD&ĐT và 16 Hiệu trưởng trường MN của 8 phòng GD&ĐT huyện, thành phố), kết quả như sau:

Bảng 3.1: Kết quả khảo sát mức độ cần thiết và tính khả thi của các biện pháp đề xuất

Tên các biện pháp	Mức độ cần thiết			Mức độ khả thi		
	Rất cần	Cần thiết	Không cần thiết	Rất khả thi	Khả thi	Không khả thi
1. Nâng cao nhận thức về ý nghĩa của hoạt động KĐCLGD cho cán bộ quản lý và giáo viên.	90 80%	22 20%	0 0%	90 80%	22 20%	0 0%
2. Xây dựng chuyên đề bồi dưỡng và tổ chức bồi dưỡng kiểm định viên cho hoạt động tự đánh giá và đánh giá ngoài.	87 78%	25 22%	0 0%	84 75%	28 25%	0 0%
3. Ứng dụng công nghệ thông tin và hoàn thiện các điều kiện pháp lý cho hoạt động KĐCLGD trường mầm non của tỉnh Bắc Kạn.	92 82%	20 18%	0 0%	107 88%	15 12%	0 0%
4. Xây dựng quy trình chi tiết viết báo cáo tự đánh giá và kiểm tra, giám sát, đôn đốc các trường mầm non thực hiện kiểm định chất lượng giáo dục.	92 82%	20 18%	0 0%	107 88%	15 12%	0 0%
5. Kiểm tra, giám sát việc thực hiện hoạt động kiểm định chất lượng giáo dục, tổng kết và phổ biến kinh nghiệm.	95 85%	17 15%	0 0%	96 86%	16 14%	0 0%

Từ kết quả trên cho thấy các biện pháp đề xuất là phù hợp với thực tiễn của tỉnh Bắc Kạn với 100% ý kiến tán thành. Về tính khả thi của các biện pháp 100% ý kiến tán thành, mỗi biện pháp được áp dụng có ưu thế riêng nhưng chúng có quan hệ hữu cơ, thống nhất biện chứng với nhau, thúc đẩy lẫn nhau. Vì vậy cần thiết phải có kế hoạch thực hiện ngay các biện pháp đó, góp phần thực hiện tốt hoạt động KĐCLGD, đồng thời nâng cao chất lượng công tác quản lý và chất lượng giáo dục trên địa bàn tỉnh.

Kết luận chương 3

Các biện pháp được xây dựng và được khảo nghiệm, thực nghiệm đã chứng minh cho tính đúng đắn của giả thuyết đề ra. Các biện pháp đều khả thi và cần thiết trong điều kiện tại tỉnh Bắc Kạn. Các biện pháp này được thực thi sẽ góp phần nâng cao hiệu quả và chất lượng của KĐCLGD trường MN.

Các biện pháp quản lý về KĐCLGD được đề xuất bao gồm: 1. Nâng cao nhận thức về hoạt động KĐCLGD cho cán bộ quản lý và giáo viên. 2. Xây dựng chuyên đề bồi dưỡng và tổ chức bồi dưỡng kiểm định viên cho hoạt động tự đánh giá và đánh giá ngoài. 3. Ứng dụng công nghệ thông tin và hoàn thiện các điều kiện pháp lý cho hoạt động KĐCLGD trường mầm non của tỉnh Bắc Kạn. 4. Xây dựng quy trình chi tiết viết báo cáo tự đánh giá và kiểm tra, giám sát, đôn đốc các trường mầm non thực hiện kiểm định chất lượng giáo dục. 5. Tổng kết, đánh giá kết quả thực hiện và phổ biến những kinh nghiệm về hoạt động KĐCLGD.

Tổ chức khảo nghiệm tính cần thiết và tính khả thi của 5 biện pháp đề xuất qua trung cầu ý kiến của các chuyên gia, nhà quản lý, lãnh đạo trường MN các ý kiến cho rằng các biện pháp đều có tính cần thiết và tính khả thi cao.

KẾT LUẬN VÀ KHUYẾN NGHỊ

1. Kết luận

Luân văn đã hệ thống hóa một số vấn đề cơ bản như: Chất lượng, chất lượng giáo dục, chất lượng giáo dục trường MN; Kiểm định, KĐCLGD, KĐCLGD trường MN; Quản lý, quản lý giáo dục, quản lý KĐCLGD trường MN. Đặc biệt luận văn đã hình thành khái niệm quản lý KĐCLGD trường MN. Đã cụ thể hóa khái niệm này với cách tiếp cận dựa vào 4 chức năng cơ bản của quản lý để hình thành nội dung quản lý KĐCLGD trường MN.

Đã làm rõ phân cấp quản lý và nội dung quản lý của hoạt động KĐCLGD trường MN với 3 cấp là cấp Sở GD&ĐT (giám đốc), cấp trường MN (hiệu trưởng), và cấp đoàn đánh giá ngoài (trưởng đoàn).

Làm rõ đối tượng quản lý của hoạt động KĐCLGD trường MN là trường MN (CBQL, GV, HS), và các đoàn đánh giá ngoài. Xây dựng được sơ đồ phân cấp quản lý và nội dung quản lý KĐCLGD trường MN. Xác định rõ mục đích của việc quản lý KĐCLGD trường MN là để nâng cao chất lượng các hoạt động tự đánh giá và đánh giá ngoài.

Khẳng định nội dung quy trình KĐCLGD trường MN là bao gồm tự đánh giá, đánh giá ngoài, công nhận mức chất lượng trường MN theo tiêu chuẩn và duy trì cải tiến chất lượng sau đánh giá ngoài. Trong đó, yếu tố con người (kiểm định viên) đóng vai trò then chốt cho sự thành công của công tác này.

Xây dựng được quy trình quản lý KĐCLGD trường MN thông qua các chức năng quản lý bao gồm việc lập kế hoạch, tổ chức thực hiện, chỉ đạo, kiểm tra đánh giá hoạt động tự đánh giá và đánh giá ngoài trường MN theo tiêu chuẩn.

Kết quả nghiên cứu thực trạng công tác KĐCLGD đối với trường MN của tỉnh Bắc Kạn cho thấy: Công tác tự đánh giá và đánh giá ngoài được thực hiện khá tốt, đúng quy trình, cơ bản đã hoà nhập được vào các hoạt động của cơ sở giáo dục trong một không khí làm việc thân thiện, cởi mở. KĐCLGD không những mang lại cho cộng đồng bằng chứng về chất lượng đào tạo mà còn mang lại cơ hội và động cơ để nâng cao chất lượng cho các trường đã qua kiểm định. Chính điều này là một trong những đặc điểm làm nên sự khác biệt giữa

KĐCLGD với các mô hình quản lý chất lượng giáo dục khác. Tuy nhiên đây vẫn còn là một lĩnh vực chưa được những người làm công tác quản lý giáo dục ở cơ sở hiểu sâu sắc, đánh giá đầy đủ sự quan trọng và quan tâm đúng mức. Các yếu tố ảnh hưởng đến công tác KĐCLGD rất đa dạng về chủ thể tham gia, cơ chế làm việc, nội dung, nguồn lực và cơ sở vật chất... Mức độ ảnh hưởng của các yếu tố đến công tác KĐCLGD khác nhau và đều ở mức độ khá cao.

Trên cơ sở lý luận và thực tiễn mà luận văn đã tổng kết, phân tích và đề xuất 5 biện pháp quản lý hoạt động KĐCLGD trường MN của tỉnh Bắc Kạn.

Biện pháp 1. Nâng cao nhận thức về hoạt động KĐCLGD cho cán bộ quản lý và giáo viên.

Biện pháp 2. Xây dựng chuyên đề bồi dưỡng và tổ chức bồi dưỡng kiểm định viên cho hoạt động tự đánh giá và đánh giá ngoài.

Biện pháp 3. Ứng dụng công nghệ thông tin và hoàn thiện các điều kiện pháp lý cho hoạt động KĐCLGD trường mầm non của tỉnh Bắc Kạn.

Biện pháp 4. Xây dựng quy trình chi tiết viết báo cáo tự đánh giá và kiểm tra, giám sát, đôn đốc các trường mầm non thực hiện kiểm định chất lượng giáo dục.

Biện pháp 5. Tổng kết, đánh giá kết quả thực hiện và phổ biến những kinh nghiệm về hoạt động KĐCLGD.

Tổ chức khảo nghiệm tính cần thiết và tính khả thi của các biện pháp. Tất cả các biện pháp đều được đánh giá cao về tính cần thiết và tính khả thi.

2. Khuyến nghị

2.1. Đối với Bộ GD&ĐT

- Có sự điều chỉnh bộ tiêu chuẩn cho phù hợp với vùng miền tạo sự công bằng giữa các trường ở các khu vực khác nhau.

Xây dựng các chính sách khuyến khích ưu tiên cho các trường mầm non đạt chuẩn kiểm định. Tôn vinh các trường đạt chuẩn KĐCLGD; Tăng ngân sách hằng năm.

- Bộ GD&ĐT phối hợp với Bộ Tài chính ban hành thông tư về hướng dẫn chi cụ thể trong công tác KĐCLGD.

- Bộ GD&ĐT phối hợp với UBND tỉnh nhằm đưa ra những chỉ đạo đối với Sở GD&ĐT, UBND các huyện, thành phố và các cơ quan liên quan về cơ chế, quy định hỗ trợ trong công tác KĐCLGD.

2.2. Đối với UBND tỉnh, huyện, thành phố và các cơ quan chức năng

- Tiếp tục quan tâm hơn nữa tới bậc học Mầm non qua các định hướng, chiến lược tại các kỳ Đại Hội Đảng các cấp. Đầu tư kinh phí hỗ trợ các trường mầm non thực hiện cải tiến chất lượng.

- UBND tỉnh ban hành các văn bản chỉ đạo Sở GD&ĐT, UBND các huyện, thành phố và các cơ quan liên quan về cơ chế, quy định các chính sách hỗ trợ công tác tự đánh giá và. Tạo điều kiện cho các trường trong việc bố trí kinh phí để thực hiện.

- Các cơ quan chức năng của tỉnh có kế hoạch phối hợp, quan tâm tạo điều kiện cho các trường mầm non về đội ngũ, kinh phí mua sắm, kinh phí tổ chức bồi dưỡng... để thực hiện tốt các nội dung của luận văn.

2.3. Đối với Sở GD&ĐT, Phòng GD&ĐT

- Tổ chức các đợt tập huấn, bồi dưỡng cho CBQL và GV trường mầm non về KĐCLGD theo cách tiếp cận đến thực tiễn từng trường.

- Tạo điều kiện cho CBQL và GV trường mầm non nâng cao năng lực quản lý chất lượng thông qua việc tổ chức hội thảo, tham quan, học tập kinh nghiệm trong và ngoài nước.

- Xây dựng các chính sách khuyến khích ưu tiên cho các trường mầm non đạt chuẩn kiểm định.

2.4. Đối với các trường mầm non

- Thành lập bộ phận quản lý chất lượng để tổ chức triển khai, quản lý chất lượng tổng thể trong toàn trường và quản lý các hoạt tự đánh giá theo tiêu chuẩn. Hướng đến hình thành môi trường văn hóa chất lượng trong nhà trường.

- CBQL, GV cần phải được đào tạo về chất lượng, quản lý chất lượng, kiểm định chất lượng. CBQL, GV cần nắm vững kỹ năng tự đánh giá các hoạt động trong trường mầm non.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

Tài liệu tiếng Việt

1. Đặng Quốc Bảo (1999), *Khoa học tổ chức và quản lý*, NXB Thống kê HN.
2. Bộ GD&ĐT-Vụ Pháp chế (2005), *Tìm hiểu luật Giáo dục 2005*, NXB Giáo dục.
3. Bộ GD&ĐT (2008), *Chỉ thị số 46/2008/CT-BGDĐT ngày 05/8/2008 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT về việc tăng cường hoạt động đánh giá và KĐCLGD*.
4. Bộ GD&ĐT (2012), *Tài liệu tập huấn tự đánh giá, đánh giá ngoài trường mầm non*.
5. Bộ GD&ĐT (2014), *Thông tư số 25/2014/TT-BGDĐT ngày 07/8/2014 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT về việc ban hành Quy định về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng giáo dục, chu kỳ kiểm định chất lượng giáo dục trường mầm non*.
6. Bộ GD&ĐT (2014), *Công văn số 6339/BGDĐT-KTKĐCLGD ngày 05/11/2014 của Bộ GD&ĐT về việc Hướng dẫn tự đánh giá và đánh giá ngoài trường mầm non*.
7. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2014), *Công văn số 1988/KTKĐCLGD-KĐPT, ngày 02/12/2014 về việc xác định yêu cầu, gợi ý tìm minh chứng theo tiêu chuẩn đánh giá chất lượng giáo dục trường mầm non*.
8. Chính phủ nước CHXHCN Việt Nam (2012), *Chiến lược phát triển giáo dục 2011 -2020*, Nhà xuất bản Giáo dục, Hà Nội.
9. Nguyễn Đức Chính (2002), *Kiểm định chất lượng trong giáo dục đại học*, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.
10. Đảng Cộng sản Việt Nam (2013): *Văn kiện Hội nghị lần thứ 8 Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa XI*, NXB CTQG - ST, Hà Nội.
11. Trần Khánh Đức (2004), *“Quản lý và kiểm định chất lượng đào tạo nhân lực”*, NXB Giáo dục, Hà Nội.
12. Phạm Minh Hạc (1986), *Một số vấn đề giáo dục và khoa học giáo dục*, NXB Giáo dục.
13. Học viện hành chính quốc gia (1994), *Giáo trình về quản lý hành chính nhà nước*.
14. Trần Lan Hương (2006), Báo cáo tổng kết đề tài *“Các giải pháp cơ bản nâng cao chất lượng giáo dục mầm non”*, MS B2004-CTGD-02, Hà Nội, 2006.

15. John Dewey (2010), *Về Giáo dục*, Nhà xuất bản Trẻ.
16. Trần Kiểm (2004), *Khoa học quản lý giáo dục. Một số vấn đề lý luận và thực tiễn*, NXB Giáo dục.
17. Trịnh Trúc Lâm (2002), *Địa lý tỉnh Bắc Kạn*, Sở GD&ĐT Bắc Kạn.
18. Đặng Bá Lãm (2003), *Kiểm tra - đánh giá trong dạy học đại học*, Nhà xuất bản Giáo dục, Hà Nội
19. Nguyễn Lộc (2009), *Lý luận quản lý*, NXB Đại học sư phạm Hà Nội.
20. Luật giáo dục (2005), Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
21. Nghị quyết Hội nghị lần thứ hai Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa VIII), *Số 02-NQ/HNTW, ngày 24 tháng 12 năm 1996 Về định hướng chiến lược phát triển khoa học và công nghệ trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa và nhiệm vụ đến năm 2000*.
22. Lê Đức Ngọc (2009), *Tổng quan về kiểm định và đảm bảo chất lượng về giáo dục phổ thông*, Tài liệu tập huấn về KĐCLGD phổ thông - Bộ Giáo dục và Đào tạo.
23. Nguyễn Ngọc Quang (1989), *Những khái niệm cơ bản về lý luận QLGD*, Trường CBQL TWI.
24. Sở GD&ĐT (2014), *Báo cáo số liệu thống kê mạng lưới trường, lớp, học sinh và cơ sở vật chất năm học 2014-2015*.
25. Sở GD&ĐT Bắc Kạn, *Báo cáo tổng kết công tác khảo thí và KĐCLGD tỉnh Bắc Kạn, các năm học 2012-2013, 2013-2014, 2014-2015*.
26. Trần Quốc Thành (2000), *Khoa học quản lý đại cương*, NXB Đại học sư phạm Hà Nội.

Tài liệu tiếng nước ngoài

27. Andrea Leskes (2002), *Beyond Confusion: An Assessment Glossary*
28. *UNESCO (2007) Lazrvisceanu, laura grunberg, and danparlea quality assurance and accreditation: a glossary of basic terms and definitions. bucharest.*
29. PhuongThiThanhNguyen (2005), *Refirmation of accredetation and quality improvement as a journey: A case study*, a dissertation in higher education administration, America, December

Tài liệu mạng

30. http://www.iso.org/iso/home/standards/managementstandards/iso_9000.htm

2. Mẫu số 1

PHIẾU TRỪNG CẦU Ý KIẾN

(Dành cho cán bộ quản lý trường mầm non và các kiểm định viên)

Nhằm tìm hiểu thực trạng quản lý hoạt động kiểm định chất lượng giáo dục trường mầm non. Xin đồng chí vui lòng cho biết ý kiến của mình bằng cách đánh dấu (x) vào ô được chọn. (Thông tin quý thầy (cô) cung cấp chỉ mang tính chất phục vụ nhiệm vụ nghiên cứu khoa học)

I. Thông tin cá nhân

Câu 1. Đơn vị công tác:

Câu 2. Giới tính Nam Nữ

Câu 3. Thâm niên công tác: Dưới 5 năm Từ 5-15 năm

Từ 16-25 năm Trên 25 năm

Câu 4. Công tác hiện nay: Giáo viên Tổ trưởng GH

II. Nội dung

Câu 5. Đồng chí hãy cho biết thực trạng thực hiện tự đánh giá tại đơn vị đồng chí công tác bằng cách đánh dấu “x” vào mức độ tương ứng:

Nội dung	Mức độ thực hiện			
	Chưa đạt	Đạt	Tốt	Rất tốt
1. Thành lập hội đồng tự đánh giá.				
2. Lập kế hoạch tự đánh giá và phân công trách nhiệm từng thành viên.				
3. Tạo sự đồng thuận của cán bộ, giáo viên, nhân viên toàn trường.				
4. Thu thập, xử lý và mã hóa thông tin minh chứng.				
5. Mã hóa lập danh mục và lưu trữ minh chứng.				
6. Mô tả hiện trạng nhà trường theo từng tiêu chí trong tiêu chuẩn.				
7. Phân tích điểm mạnh, điểm yếu của nhà trường theo từng tiêu chí trong tiêu chuẩn.				

Nội dung	Mức độ thực hiện			
	Chưa đạt	Đạt	Tốt	Rất tốt
8. Lập kế hoạch cải tiến chất lượng theo từng tiêu chí trong tiêu chuẩn.				
9. Thực hiện kế hoạch phát huy điểm mạnh và cải tiến điểm yếu theo kế hoạch đã đề ra trong báo cáo tự đánh giá.				
10. Hoàn thiện và công bố báo cáo tự đánh giá.				
11. Theo đồng chí những khó khăn lớn nhất trong quá trình thực hiện tự đánh giá là gì?				
12. Đồng chí tự nhận xét báo cáo tự đánh giá của trường mình. a. Rất tốt <input type="checkbox"/> b. Tốt <input type="checkbox"/> c. Đạt <input type="checkbox"/> d. Chưa đạt <input type="checkbox"/>				

Câu 6 a. Đồng chí cho biết thông tin về thực trạng quản lý hoạt động tự đánh giá trường MN bằng cách đánh dấu (x) vào các nội dung dưới đây?

Quản lý HĐ tự đánh giá trong KĐCLGD	Mức độ thực hiện			
	Chưa đạt	Đạt	Tốt	Rất tốt
1. Xác định mục đích tự đánh giá trường MN.				
2. Huy động các nguồn lực thực hiện tự đánh giá trường MN.				
3. Xây dựng lộ trình và định thời gian thực hiện tự đánh giá trường MN.				
4. Ra văn bản triển khai và hướng dẫn thực hiện KĐCLGD				
5. Tập huấn phương pháp tự đánh giá trường MN.				
6. Xây dựng triển khai mạng lưới có chuyên môn KĐCLGD.				
7. Có chế độ để các trường MN tham gia KĐCLGD.				
8. Xây dựng các yêu cầu đánh giá hoạt động tự đánh giá và báo cáo tự đánh giá.				

Câu 6 b. (Dành cho các kiểm định viên). Đồng chí cho biết thông tin về thực trạng quản lý hoạt động đánh giá ngoài trường MN bằng cách đánh dấu (x) vào các nội dung dưới đây?

Quản lý HĐ đánh giá ngoài trong KĐCLGD	Mức độ thực hiện			
	Chưa đạt	Đạt	Tốt	Rất tốt
1. Xác định mục đích đánh giá ngoài trường MN.				
2. Huy động các nguồn lực thực hiện đánh giá ngoài trường MN.				
3. Xây dựng lộ trình và định thời gian thực hiện đánh giá ngoài trường MN.				
4. Ra văn bản triển khai và hướng dẫn thực hiện.				
5. Phổ biến quán triệt chính sách KĐCLGD.				
6. Tập huấn phương pháp đánh giá ngoài trường MN.				
7. Xây dựng triển khai mạng lưới có chuyên môn KĐCLGD.				
8. Thành lập đoàn đánh giá ngoài				
9. Công nhận cấp độ chất lượng trao giấy KĐCLGD.				
10. Tổ chức sơ kết, tổng kết hay hội thảo về công tác KĐCLGD.				
11. Động viên khen thưởng kịp thời cá nhân và tập thể tham gia tốt các hoạt động KĐCLGD.				
12. Nhân rộng điển hình các trường MN làm tốt công tác KĐCLGD.				
13. Xây dựng các yêu cầu đánh giá hoạt động đánh giá ngoài và báo cáo đánh giá ngoài.				
14. Xem xét điều chỉnh kế hoạch KĐCLGD.				
15. Cải tiến hoạt động chuyên môn về KĐCLGD trường MN.				

Câu 7. Đồng chí cho biết tác động của kiểm định chất lượng giáo dục trường mầm non bằng cách đánh dấu tích (x) vào những nhận định dưới đây?

Tác động của KĐCLGD đã giúp nhà trường	Mức độ đồng ý		
	Không đồng ý	Phân vân	Đồng ý
1. Nâng cao ý thức trách nhiệm của đội ngũ CB, GV, NV trong đảm bảo chất lượng chăm sóc giáo dục trẻ mầm non.			
2. Xác định được điểm mạnh, điểm yếu và đề ra các biện pháp cải tiến chất lượng giáo dục trong nhà trường.			
3. Nhận thức được tầm quan trọng của công tác văn thư, lưu trữ hồ sơ minh chứng.			
4. Có kế hoạch bồi dưỡng phát triển đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên trong nhà trường để đáp ứng yêu cầu kiểm định.			
5. Quan tâm nhiều hơn đến việc xây dựng uy tín, thương hiệu của nhà trường.			
6. Chú trọng hơn về công tác xây dựng kế hoạch, chiến lược phát triển nhà trường.			

Câu 8. Đồng chí cho biết nhu cầu của mình trong bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ về lĩnh vực kiểm định chất lượng giáo dục?

Nội dung	Mức độ cần thiết			
	Không cần thiết	Phân vân	Cần thiết	Rất cần
1. Lập luận và hành văn để viết báo cáo tự đánh giá và đánh giá ngoài.				
2. Hiểu biết và vận dụng được yêu cầu, nội hàm của chỉ số, tiêu chí trong bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng.				
3. Thiết kế các phiếu khảo sát đánh giá chất lượng các hoạt động giáo dục trong tự đánh				

giá và đánh giá ngoài.				
4. Thông kê phân tích dữ liệu trong đánh giá				
5. Tổ chức tham quan học tập chia sẻ kinh nghiệm KĐCLGD.				

Câu 9. Đồng chí cho biết nhận định của đồng chí về năng lực làm việc của đoàn đánh giá ngoài (trong các đợt kiểm định chất lượng giáo dục trường mầm non) theo các mức độ dưới đây:

Năng lực	Mức độ thực hiện			
	Kém	TB	Khá	Tốt
1. Năng lực nhận định về mức độ phù hợp của báo cáo tự đánh giá với quy định tại hướng dẫn tự đánh giá.				
2. Năng lực đánh giá việc mô tả hiện trạng và xác định điểm mạnh, điểm yếu, kế hoạch cải tiến chất lượng của nhà trường dựa trên báo cáo tự đánh giá và khảo sát trực tiếp.				
3. Năng lực xem xét, tiếp cận và nhận định minh chứng hay hoạt động thực tế.				
4. Năng lực đánh giá một tiêu chí được xem là đạt hay chưa đạt dựa trên báo cáo tự đánh giá, lập luận và quan sát thực tế.				
5. Năng lực thiết kế phiếu khảo sát đánh giá các hoạt động giáo dục của nhà trường.				
6. Năng lực xử lý và viết báo cáo đánh giá ngoài.				

Câu 10. (Dành cho các kiểm định viên). Đồng chí cho biết mức độ thực hiện nhiệm vụ của trưởng đoàn đánh giá ngoài?

Nhiệm vụ	Mức độ thực hiện			
	Chưa đạt	TB	Khá	Tốt
1. Xây dựng kế hoạch làm việc của đoàn và trình Sở GD&ĐT phê duyệt.				

Nhiệm vụ	Mức độ thực hiện			
	Chưa đạt	TB	Khá	Tốt
2. Điều hành các hoạt động của đoàn đánh giá ngoài				
3. Phân công nhiệm vụ cho các thành viên của đoàn.				
4. Chỉ đạo việc xây dựng báo cáo kết quả nghiên cứu hồ sơ đánh giá, báo cáo kết quả khảo sát tại cơ sở giáo dục và báo cáo đánh giá ngoài.				
5. Thay mặt đoàn thông báo và thảo luận với cơ sở giáo dục về kết quả khảo sát, những nhận định và khuyến nghị của đoàn đối với cơ sở giáo dục.				
6. Chuẩn bị hồ sơ, tài liệu phục vụ việc giải trình các yêu cầu, khiếu nại hoặc chất vấn của cơ quan quản lý giáo dục, của cơ sở giáo dục được đánh giá ngoài và của xã hội.				
7. Tập hợp toàn bộ hồ sơ, tài liệu liên quan đến hoạt động của đoàn và chuyển về Sở GD&ĐT để lưu trữ sau khi kết thúc đánh giá ngoài.				

Xin trân trọng cảm ơn!

3. Mẫu số 02

PHIẾU TRỪNG CẦU Ý KIẾN

Về tính cần thiết và tính khả thi của các biện pháp quản lý hoạt động kiểm định chất lượng giáo dục trường mầm non

(Dành cho lãnh đạo, chuyên viên Sở GD&ĐT; lãnh đạo, chuyên viên phòng GD&ĐT và Hiệu trưởng trường MN đã được đánh giá)

Để giúp cho công tác nghiên cứu, góp phần tìm ra biện pháp hữu hiệu chỉ đạo thực hiện tốt hoạt động kiểm định chất lượng giáo dục trường MN, xin đồng chí vui lòng cho biết mức độ cần thiết và tính khả thi của những biện pháp chỉ đạo thực hiện hoạt động kiểm định chất lượng giáo dục theo tiêu chuẩn đánh giá chất lượng trường MN, bằng cách đánh dấu “x” vào vị trí tương ứng:

Tên các biện pháp	Mức độ cần thiết			Mức độ khả thi		
	Rất cần	Cần thiết	Không cần thiết	Rất khả thi	Khả thi	Không khả thi
1. Nâng cao nhận thức về ý nghĩa của hoạt động KĐCLGD cho cán bộ quản lý và giáo viên.						
2. Xây dựng chuyên đề bồi dưỡng và tổ chức bồi dưỡng kiểm định viên cho hoạt động tự đánh giá và đánh giá ngoài.						
3. Ứng dụng công nghệ thông tin và hoàn thiện các điều kiện pháp lý cho hoạt động KĐCLGD trường mầm non của tỉnh Bắc Kạn.						
4. Xây dựng quy trình chi tiết viết báo cáo tự đánh giá và kiểm tra, giám sát, đôn đốc các trường mầm non thực hiện kiểm định chất lượng giáo dục.						
5. Kiểm tra, giám sát việc thực hiện hoạt động kiểm định chất lượng giáo dục, tổng kết và phổ biến kinh nghiệm.						

Xin trân trọng cảm ơn đồng chí!

4. Mẫu số 03

PHIẾU PHỎNG VẤN

(Dành cho lãnh đạo, chuyên viên Sở GD&ĐT; lãnh đạo, chuyên viên phòng GD&ĐT và Hiệu trưởng trường MN)

Để giúp cho công tác nghiên cứu, góp phần tìm ra biện pháp hữu hiệu chỉ đạo thực hiện tốt hoạt động kiểm định chất lượng giáo dục trường MN, xin đồng chí vui lòng cho ý kiến vào phiếu khảo sát:

1. Những khó khăn và thuận lợi khi các thầy cô triển khai công tác tự đánh giá của trường mình.

.....
.....
.....

2. Những khó khăn và thuận lợi khi các thầy cô tham gia đoàn đánh giá ngoài do Sở GD&ĐT quyết định.

.....
.....
.....

3. Những kiến nghị, đề xuất của thầy, cô về quản lý hoạt động kiểm định chất lượng giáo dục.

- Về bộ tiêu chuẩn KĐCLGD trường MN;
- Về quy trình và chu kỳ KĐCLGD trường MN;
- Về quản lý hoạt động tự đánh giá;
- Về thành phần tham gia tự đánh giá;
- Về tổ chức hoạt động tự đánh giá;
- Về quản lý hoạt động đánh giá ngoài;
- Về thành phần tham gia đánh giá ngoài;
- Về tổ chức hoạt động đánh giá ngoài.

.....